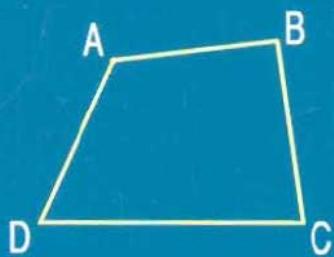


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TOÁN 2

$$\begin{array}{r} + 215 \\ \hline 372 \end{array}$$



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

---

ĐỖ ĐÌNH HOAN (Chủ biên) - NGUYỄN ÁNG  
ĐỖ TIẾN ĐẠT - ĐỖ TRUNG HIỆU - ĐÀO THÁI LAI

# TOÁN 2

(Tái bản lần thứ tam)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Chịu trách nhiệm xuất bản :* Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc **NGÔ TRẦN ÁI**  
*Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập* **NGUYỄN QUÝ THAO**

*Biên tập lần đầu :* **VŨ MAI HƯƠNG - VŨ VĂN DƯƠNG**

*Biên tập tái bản :* **NGUYỄN THỊ BÌNH**

*Biên tập mĩ thuật :* **TÀO THANH HUYỀN**

*Thiết kế sách :* **NGUYỄN THANH LONG**

*Trình bày bìa :* **BÙI QUANG TUẤN**

*Minh họa và ảnh :* **TRẦN THUÝ HẠNH - LƯƠNG QUỐC HIỆP**

**VÕ VĂN CHIẾN - NGUYỄN QUANG VINH**

*Sửa bản in :* **NGUYỄN THỊ BÌNH**

*Chủ bản :* **CÔNG TY CỔ PHẦN MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG**

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam - Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **TOÁN 2**

Mã số : 1H203T1

In 30.000 cuốn (QĐ 01 GK), khổ 17 x 24 cm.

In tại Công ty cổ phần In Diên Hồng 187<sup>B</sup> Giảng Võ - Hà Nội.

Số in: 129/10. Số XB: 01-2011/CXB/9 - 1235/GD.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2011.

# 1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG

## ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100



1

- a) Nêu tiếp các số có một chữ số :

0	1	2							
---	---	---	--	--	--	--	--	--	--

- b) Viết số bé nhất có một chữ số.  
c) Viết số lớn nhất có một chữ số.

2

- a) Nêu tiếp các số có hai chữ số :

10	11							18	
20		22			25	26			29
	31				35			38	
40			43				47		
	51			54					59
		62				66		68	
70			73			76			
		82			85		87		
90				94			97		

- b) Viết số bé nhất có hai chữ số.  
c) Viết số lớn nhất có hai chữ số.

3

- a) Viết số liền sau của 39 ;                  b) Viết số liền trước của 90  
c) Viết số liền trước của 99 ;                  d) Viết số liền sau của 99.



## ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 (tiếp theo)

**1** Viết (theo mẫu) :

Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
8	5	85	tám mươi lăm
3	6		
7	1		
9	4		

$$85 = 80 + 5$$

$$36 = \dots \dots$$

$$71 = \dots \dots$$

$$94 = \dots \dots$$

**2** Viết các số 57, 98, 61, 88, 74, 47 theo mẫu :

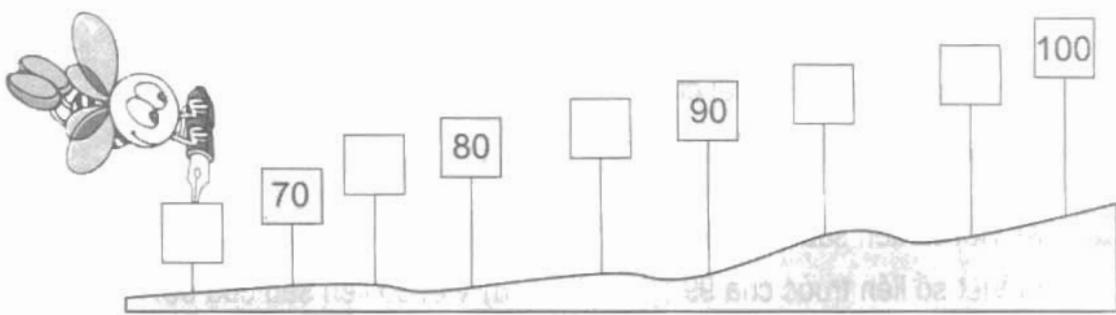
$$57 = 50 + 7$$

**3**  34 ... 38      27 ... 72       $80 + 6 \dots 85$   
72 ... 70      68 ... 68       $40 + 4 \dots 44$

**4** Viết các số 33, 54, 45, 28 :

- a) Theo thứ tự từ bé đến lớn
- b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.

**5** Viết số thích hợp vào ô trống, biết các số đó là : 98, 76, 67, 93, 84.



# SỐ HÀNG - TỔNG



$$\begin{array}{ccc}
 35 & + & 24 \\
 \uparrow & & \uparrow \\
 \text{Số hạng} & & \text{Số hạng}
 \end{array}
 = \begin{array}{c}
 59 \\
 \uparrow \\
 \text{Tổng}
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 35 \leftarrow \text{Số hạng} \\
 + 24 \leftarrow \text{Số hạng} \\
 \hline 59 \leftarrow \text{Tổng}
 \end{array}$$

Chú ý :  $35 + 24$  cũng gọi là tổng.

**1** Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số hạng	12	43	5	65
Số hạng	5	26	22	0
Tổng	17			



**2** Đặt tính rồi tính tổng (theo mẫu), biết :

- a) Các số hạng là 42 và 36
- b) Các số hạng là 53 và 22
- c) Các số hạng là 30 và 28
- d) Các số hạng là 9 và 20.

Mẫu : 
$$\begin{array}{r}
 42 \\
 + 36 \\
 \hline 78
 \end{array}$$

**3** Một cửa hàng buổi sáng bán được 12 xe đạp, buổi chiều bán được 20 xe đạp. Hỏi hai buổi cửa hàng bán được tất cả bao nhiêu xe đạp ?



## LUYỆN TẬP

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 42 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 40 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 \\ + 71 \\ \hline \end{array}$$

2 Tính nhẩm :

$$50 + 10 + 20 =$$

$$60 + 20 + 10 =$$

$$40 + 10 + 10 =$$

$$50 + 30 =$$

$$60 + 30 =$$

$$40 + 20 =$$

3 Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

a) 43 và 25 ;

b) 20 và 68 ;

c) 5 và 21.

4 Trong thư viện có 25 học sinh trai và 32 học sinh gái. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh đang ở trong thư viện ?

5 Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

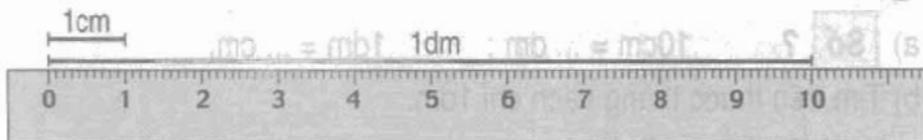
$$\begin{array}{r} 3\ 2 \\ + 4\ \square \\ \hline 7\ 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \square\ 6 \\ + 2\ 1 \\ \hline 5\ 7 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 5\square \\ + 2\ 0 \\ \hline \square\ 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4\square \\ + \square\ 2 \\ \hline 9\ 5 \end{array}$$

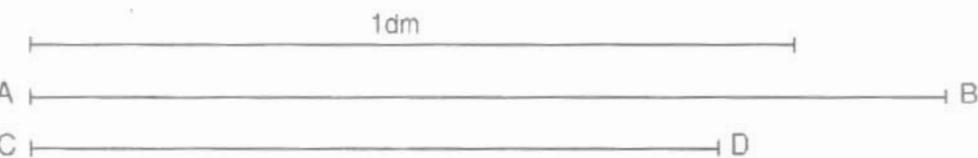
# ĐỀ-XI-MÉT



Đề-xi-mét là một đơn vị đo độ dài. Đề-xi-mét viết tắt là dm.

$$1\text{dm} = 10\text{cm} \quad ; \quad 10\text{cm} = 1\text{dm}$$

## 1 Quan sát hình vẽ và trả lời các câu hỏi :



a) Điền *bé hơn* hoặc *lớn hơn* vào chỗ chấm nào cho thích hợp ?

- Độ dài đoạn thẳng AB ..... 1dm.

- Độ dài đoạn thẳng CD ..... 1dm.

b) Điền *ngắn hơn* hoặc *dài hơn* vào chỗ chấm nào cho thích hợp ?

- Đoạn thẳng AB ..... đoạn thẳng CD.

- Đoạn thẳng CD ..... đoạn thẳng AB.

## 2 Tính (theo mẫu) :

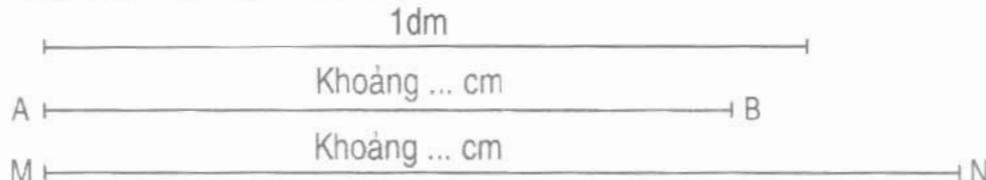
a)  $1\text{dm} + 1\text{dm} = 2\text{dm}$        $3\text{dm} + 2\text{dm} =$

$8\text{dm} + 2\text{dm} =$        $9\text{dm} + 10\text{dm} =$

b)  $8\text{dm} - 2\text{dm} = 6\text{dm}$        $16\text{dm} - 2\text{dm} =$

$10\text{dm} - 9\text{dm} =$        $35\text{dm} - 3\text{dm} =$

## 3 Không dùng thước đo, hãy ước lượng độ dài của mỗi đoạn thẳng rồi ghi số thích hợp vào chỗ chấm :





## LUYỆN TẬP

1

a) **Số** ?  $10\text{cm} = \dots \text{dm}$ ;  $1\text{dm} = \dots \text{cm}$ .

b) Tim trên thước thẳng vạch chỉ 1dm.

c) Vẽ đoạn thẳng AB dài 1dm.

2

a) Tim trên thước thẳng vạch chỉ 2dm.

b) **Số** ?  $2\text{dm} = \dots \text{cm}$

3

**Số** ?

a)  $1\text{dm} = \dots \text{cm}$        $3\text{dm} = \dots \text{cm}$        $8\text{dm} = \dots \text{cm}$   
 $2\text{dm} = \dots \text{cm}$        $5\text{dm} = \dots \text{cm}$        $9\text{dm} = \dots \text{cm}$

b)  $30\text{cm} = \dots \text{dm}$        $60\text{cm} = \dots \text{dm}$        $70\text{cm} = \dots \text{dm}$

4

Điền cm hoặc dm vào chỗ chấm thích hợp :



Độ dài cài bút chí là 16...



Độ dài một gang tay  
của mẹ là 2...



Độ dài một bước chân  
của Khoa là 30...



Bé Phương cao 12 ...

# SỐ BỊ TRỪ - SỐ TRỪ - HIỆU



$$\begin{array}{r}
 59 \\
 - 35 \\
 \hline
 24
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{l}
 \text{Số bị trừ} \quad \text{Số trừ} \quad \text{Hiệu}
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{r}
 59 \\
 - 35 \\
 \hline
 24
 \end{array}
 \quad
 \begin{array}{l}
 \text{Số bị trừ} \\
 \text{Số trừ} \\
 \text{Hiệu}
 \end{array}$$

Chú ý :  $59 - 35$  cũng gọi là hiệu.

- 1** Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số bị trừ	19	90	87	59	72	34
Số trừ	6	30	25	50	0	34
Hiệu	13					



- 2** Đặt tính rồi tính hiệu (theo mẫu), biết :

- a) Số bị trừ là 79, số trừ là 25
- b) Số bị trừ là 38, số trừ là 12
- c) Số bị trừ là 67, số trừ là 33
- d) Số bị trừ là 55, số trừ là 22.

Mẫu :	79
	- 25
	54

- 3** Một sợi dây dài 8dm, cắt đi một đoạn dài 3dm. Hỏi đoạn dây còn lại dài mấy đê-xi-mét ?



## LUYỆN TẬP

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 88 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64 \\ - 44 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 96 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ - 53 \\ \hline \end{array}$$

**2** Tính nhẩm :

$$60 - 10 - 30 =$$

$$90 - 10 - 20 =$$

$$80 - 30 - 20 =$$

$$60 - 40 =$$

$$90 - 30 =$$

$$80 - 50 =$$

**3** Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 84 và 31 ;

b) 77 và 53 ;

c) 59 và 19.

**4** Từ mảnh vải dài 9dm, cắt ra 5dm để may túi. Hỏi mảnh vải còn lại dài mấy đé-xi-mét ?

**5** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Trong kho có 84 cái ghế, đã lấy ra 24 cái ghế. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu cái ghế ?

A. 24 cái ghế

B. 48 cái ghế

C. 60 cái ghế

D. 64 cái ghế.



## LUYỆN TẬP CHUNG

**1** Viết các số :

a) Từ 40 đến 50 ;      b) Từ 68 đến 74 ;      c) Tròn chục và bé hơn 50.

**2** Viết :

a) Số liền sau của 59 ;

b) Số liền sau của 99

c) Số liền trước của 89 ;

d) Số liền trước của 1

e) Số lớn hơn 74 và bé hơn 76 ;

g) Số lớn hơn 86 và bé hơn 89.

**3** Đặt tính rồi tính :

a)  $32 + 43 ;$

$87 - 35 ;$

$21 + 57$

b)  $96 - 42 ;$

$44 + 34 ;$

$53 - 10.$

**4** Lớp 2A có 18 học sinh đang tập hát, lớp 2B có 21 học sinh đang tập hát.  
Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh đang tập hát ?

**LUYỆN TẬP CHUNG**

**1** Viết các số 25, 62, 99, 87, 39, 85 theo mẫu :

$$25 = 20 + 5$$

**2** Viết số thích hợp vào ô trống :

a)

Số hạng	30	52	9	7
Số hạng	60	14	10	2
Tổng				

b)

Số bị trừ	90	66	19	25
Số trừ	60	52	19	15
Hiệu				

**3** Tính :

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 30 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 65 \\ - 11 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 94 \\ - 42 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 32 \\ + 32 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

**4** Mẹ và chị hái được 85 quả cam, mẹ hái được 44 quả cam. Hỏi chị hái được bao nhiêu quả cam ?

**5** Số ?

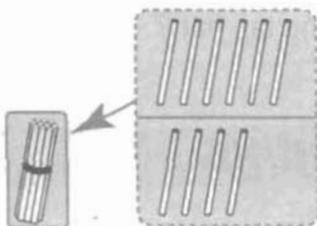
$1\text{dm} = \dots \text{cm};$

$10\text{cm} = \dots \text{dm}.$

## 2. PHÉP CỘNG CÓ NHỎ TRONG PHẠM VI 100



### PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 10



$$\begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline 10 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6+4=10 \\ 4+6=10 \end{array}$$

1 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

$$\begin{array}{llll} 9 + \dots = 10 & 8 + \dots = 10 & 7 + \dots = 10 & 5 + \dots = 10 \\ 1 + \dots = 10 & 2 + \dots = 10 & 3 + \dots = 10 & 10 = 5 + \dots \\ 10 = 9 + \dots & 10 = 8 + \dots & 10 = 7 + \dots & 10 = 6 + \dots \\ 10 = 1 + \dots & 10 = 2 + \dots & 10 = 3 + \dots & 10 = \dots + 6 \end{array}$$

2 Tính :

$$\begin{array}{r} + 7 \\ \hline 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 5 \\ \hline 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 2 \\ \hline 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 1 \\ \hline 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 4 \\ \hline 6 \end{array}$$

3 Tính nhẩm :

$$7 + 3 + 6 =$$

$$9 + 1 + 2 =$$

$$6 + 4 + 8 =$$

$$4 + 6 + 1 =$$

$$5 + 5 + 5 =$$

$$2 + 8 + 9 =$$

4 Đóng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B

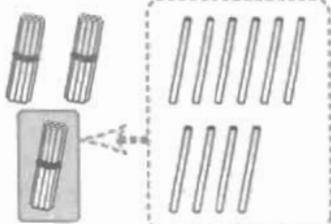


C



$$26 + 4 ; \quad 36 + 24$$

$$26 + 4 = ?$$

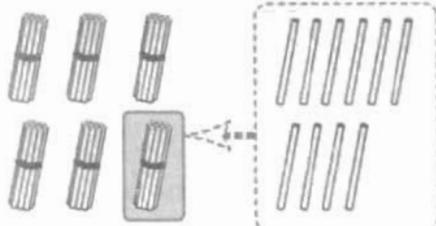


$$26 + 4 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 26 \\ + 4 \\ \hline 30 \end{array}$$

- 6 cộng 4 bằng 10, viết 0, nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3, viết 3.

$$36 + 24 = ?$$



$$36 + 24 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 24 \\ \hline 60 \end{array}$$

- 6 cộng 4 bằng 10, viết 0, nhớ 1.
- 3 cộng 2 bằng 5, thêm 1 bằng 6, viết 6.

1 Tính :

a)  $\begin{array}{r} 35 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$        $\begin{array}{r} 42 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$        $\begin{array}{r} 81 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$        $\begin{array}{r} 57 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$

b)  $\begin{array}{r} 63 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$        $\begin{array}{r} 25 \\ + 35 \\ \hline \end{array}$        $\begin{array}{r} 21 \\ + 29 \\ \hline \end{array}$        $\begin{array}{r} 48 \\ + 42 \\ \hline \end{array}$

2 Nhà bạn Mai nuôi 22 con gà, nhà bạn Lan nuôi 18 con gà. Hỏi hai nhà nuôi được tất cả bao nhiêu con gà?

3 Viết 5 phép cộng có tổng bằng 20 theo mẫu :

$$19 + 1 = 20$$



## LUYỆN TẬP

1 Tính nhẩm :

$$9 + 1 + 5 =$$

$$8 + 2 + 6 =$$

$$7 + 3 + 4 =$$

$$9 + 1 + 8 =$$

$$8 + 2 + 1 =$$

$$7 + 3 + 6 =$$

2 Tính :

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 33 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 45 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 52 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 61 \\ \hline \end{array}$$

3 Đặt tính rồi tính :

$$24 + 6 ;$$

$$48 + 12 ;$$

$$3 + 27.$$

4 Một lớp học có 14 học sinh nữ và 16 học sinh nam. Hỏi lớp học đó có tất cả bao nhiêu học sinh ?

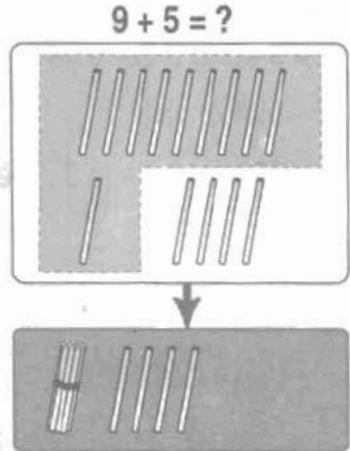
5 Số ?



Đoạn thẳng AB dài ... cm hoặc ... dm.

# 9 CỘNG VỚI MỘT SỐ

## 9 + 5



$$\begin{array}{r}
 9 \\
 + 5 \\
 \hline
 14
 \end{array}$$

$$9 + 5 = 14$$

$$5 + 9 = 14$$

$$... = 2 + 12$$

$$9 + 7 = ...$$

$$9 + 8 = ...$$

$$9 + 9 = ...$$

1 Tính nhẩm :

$$9 + 3 =$$

$$9 + 6 =$$

$$9 + 8 =$$

$$9 + 7 =$$

$$9 + 4 =$$

$$3 + 9 =$$

$$6 + 9 =$$

$$8 + 9 =$$

$$7 + 9 =$$

$$4 + 9 =$$

2 Tính :

$$\begin{array}{r}
 9 \\
 + 2 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 9 \\
 + 8 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 9 \\
 + 9 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 7 \\
 + 9 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 5 \\
 + 9 \\
 \hline
 \end{array}$$

3 Tính :

$$9 + 6 + 3 =$$

$$9 + 4 + 2 =$$

$$9 + 9 + 1 =$$

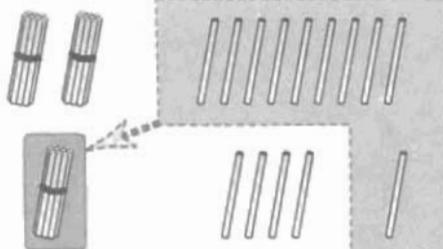
$$9 + 2 + 4 =$$

4 Trong vườn có 9 cây táo, mẹ trồng thêm 6 cây táo nữa. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây táo ?



## 29 + 5

$$29 + 5 = ?$$



$$29 + 5 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 5 \\ \hline 34 \end{array}$$

- 9 cộng 5 bằng 14, viết 4, nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3, viết 3.

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 59 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 79 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 79 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 89 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 63 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

**2** Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

- a) 59 và 6 ;      b) 19 và 7 ;      c) 69 và 8.

**3** Nối các điểm để có hình vuông :

A

B

M

N

D

C

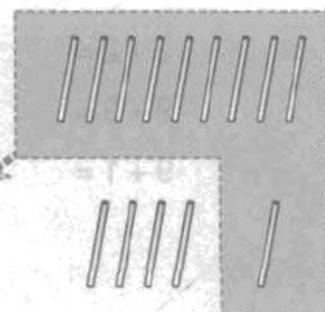
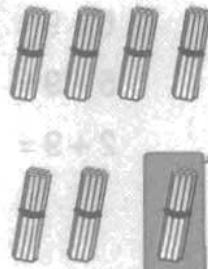
Q

P

# 49 + 25



$$49 + 25 = ?$$



$$49 + 25 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ + 25 \\ \hline 74 \end{array}$$

- 9 cộng 5 bằng 14, viết 4, nhớ 1.
- 4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 22 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ + 24 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 53 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 56 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 89 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 59 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

**2** Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số hạng	9	29	9	49	59
Số hạng	6	18	34	27	29
Tổng	15				



**3** Lớp 2A có 29 học sinh, lớp 2B có 25 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh ?



## LUYỆN TẬP

**1** Tính nhẩm :

$$9 + 4 =$$

$$9 + 3 =$$

$$9 + 2 =$$

$$6 + 9 =$$

$$9 + 6 =$$

$$9 + 5 =$$

$$9 + 9 =$$

$$5 + 9 =$$

$$9 + 8 =$$

$$9 + 7 =$$

$$9 + 1 =$$

$$2 + 9 =$$

**2** Tính :

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 45 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ + 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 81 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 74 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ + 39 \\ \hline \end{array}$$

**3**

**Λ** **∨** **?**  
**≡**

$$9 + 9 \dots 19$$

$$9 + 8 \dots 8 + 9$$

$$9 + 5 \dots 9 + 6$$

$$9 + 9 \dots 15$$

$$2 + 9 \dots 9 + 2$$

$$9 + 3 \dots 9 + 2$$

**4**

Trong sân có 19 con gà trống và 25 con gà mái. Hỏi trong sân có tất cả bao nhiêu con gà ?

**5**

Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

Trên hình vẽ có mấy đoạn thẳng ?



A. 3 đoạn thẳng

B. 4 đoạn thẳng

C. 5 đoạn thẳng

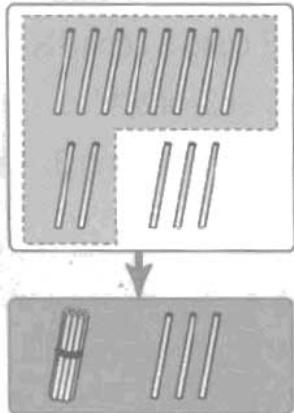
D. 6 đoạn thẳng

# 8 CỘNG VỚI MỘT SỐ

## 8 + 5



$8 + 5 = ?$



$$\begin{array}{r}
 8 \\
 + 5 \\
 \hline
 13
 \end{array}$$

$8 + 5 = 13$

$5 + 8 = 13$

$$\begin{array}{l}
 8 + 3 = \dots \\
 8 + 4 = \dots \\
 8 + 5 = \dots \\
 8 + 6 = \dots \\
 8 + 7 = \dots \\
 8 + 8 = \dots \\
 8 + 9 = \dots
 \end{array}$$

**1** Tính nhẩm :

$8 + 3 =$

$8 + 4 =$

$8 + 6 =$

$8 + 7 =$

$8 + 9 =$

$3 + 8 =$

$4 + 8 =$

$6 + 8 =$

$7 + 8 =$

$9 + 8 =$

**2** Tính :

$$\begin{array}{r}
 8 \\
 + 3 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 8 \\
 + 7 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 8 \\
 + 9 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 4 \\
 + 8 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 6 \\
 + 8 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 8 \\
 + 8 \\
 \hline
 \end{array}$$

**3** Tính nhẩm :

$8 + 5 =$

$8 + 6 =$

$8 + 9 =$

$8 + 2 + 3 =$

$8 + 2 + 4 =$

$8 + 2 + 7 =$

$9 + 5 =$

$9 + 8 =$

$9 + 6 =$

$9 + 1 + 4 =$

$9 + 1 + 7 =$

$9 + 1 + 5 =$

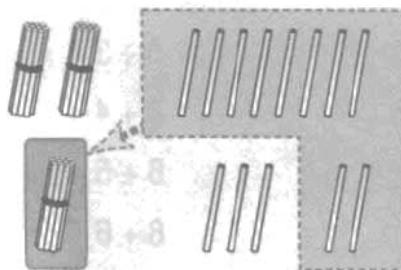
**4** Hà có 8 con tem, Mai có 7 con tem.  
Hỏi cả hai bạn có bao nhiêu con tem ?





$$28 + 5$$

$$28 + 5 = ?$$



$$\begin{array}{r} 28 \\ + 5 \\ \hline 33 \end{array}$$

- 8 cộng 5 bằng 13, viết 3, nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3, viết 3.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 18 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 58 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 79 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

2 Mỗi số 51, 43, 47, 25 là kết quả của phép tính nào ?

$$38 + 5$$

$$18 + 7$$

$$28 + 9$$

$$51$$

$$43$$

$$47$$

$$25$$

$$48 + 3$$

$$78 + 7$$

$$39 + 8$$

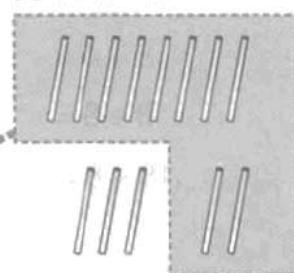
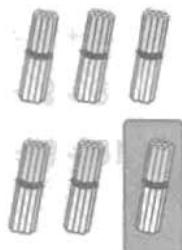
3 Có 18 con gà và 5 con vịt. Hỏi cả gà và vịt có bao nhiêu con ?

4 Vẽ đoạn thẳng có độ dài 5cm.

# 38 + 25



$$38 + 25 = ?$$



$$38 + 25 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 25 \\ \hline 63 \end{array}$$

- 8 cộng 5 bằng 13, viết 3, nhớ 1.
- 3 cộng 2 bằng 5, thêm 1 bằng 6, viết 6.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 45 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 58 \\ + 36 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 59 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ + 38 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 44 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 32 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ + 12 \\ \hline \end{array}$$

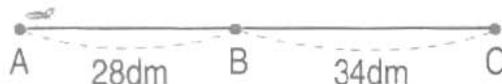
$$\begin{array}{r} 48 \\ + 33 \\ \hline \end{array}$$

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	8	28	38	8	18	80
Số hạng	7	16	41	53	34	8
Tổng						



3 Đoạn thẳng AB dài 28dm, đoạn thẳng BC dài 34dm. Con kiến đi từ A đến C phải đi hết đoạn đường dài bao nhiêu đế-xi-mét? (Xem hình vẽ).



4



$$8 + 4 \dots 8 + 5$$

$$9 + 8 \dots 8 + 9$$

$$9 + 7 \dots 9 + 6$$

$$18 + 8 \dots 19 + 9$$

$$18 + 9 \dots 19 + 8$$

$$19 + 10 \dots 10 + 18$$



## LUYỆN TẬP

### 1 Tính nhẩm :

$8 + 2 =$

$8 + 3 =$

$8 + 4 =$

$8 + 5 =$

$8 + 6 =$

$8 + 7 =$

$8 + 8 =$

$8 + 9 =$

$18 + 6 =$

$18 + 7 =$

$18 + 8 =$

$18 + 9 =$

### 2 Đặt tính rồi tính :

$38 + 15 ; \quad 48 + 24 ; \quad 68 + 13 ; \quad 78 + 9 ; \quad 58 + 26.$

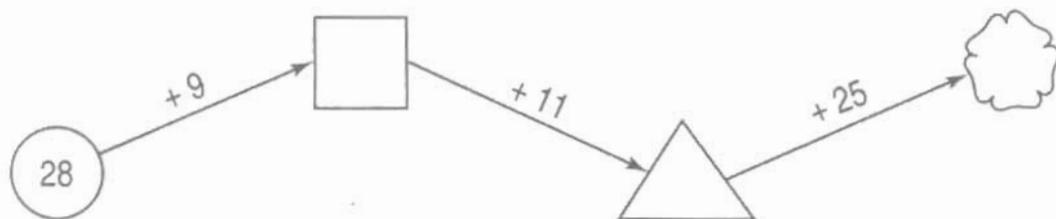
### 3 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Gói kẹo chanh : 28 cái

Gói kẹo dừa : 26 cái

Cả hai gói : ... cái ?

### 4 Số ?



### 5 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

$28 + 4 = ?$

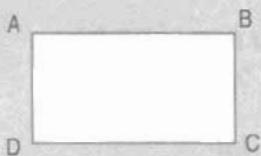
A. 68

B. 22

C. 32

D. 24

# HÌNH CHỮ NHẬT - HÌNH TỨ GIÁC



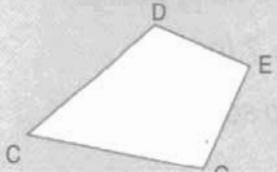
Hình chữ nhật ABCD



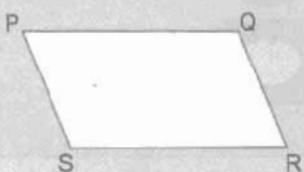
Hình chữ nhật MNPQ



Hình chữ nhật ...



Hình tứ giác CDEG



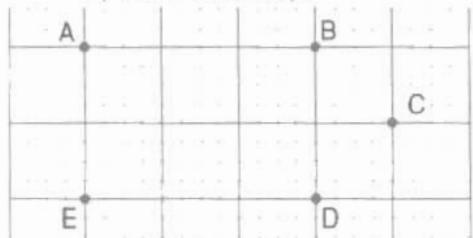
Hình tứ giác PQRS



Hình tứ giác ...

**1** Dùng thước và bút nối các điểm để có :

a) Hình chữ nhật.

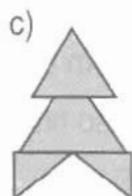
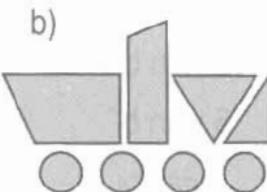
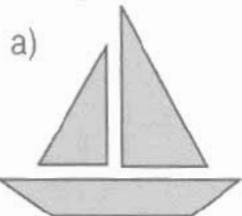


b) Hình tứ giác.



Đọc tên các hình trên.

**2** Trong mỗi hình dưới đây có mấy hình tứ giác ?

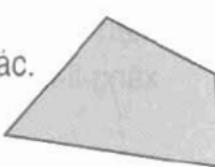


**3** Ké thêm một đoạn thẳng trong hình sau để được :

a) Một hình chữ nhật và một hình tam giác.



b) Ba hình tứ giác.

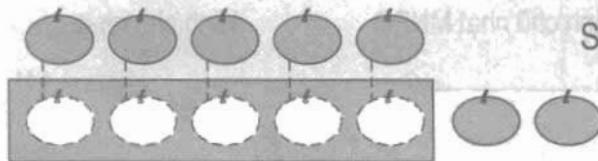




## BÀI TOÁN VỀ NHIỀU HƠN

**Bài toán :** Hàng trên có 5 quả cam, hàng dưới có **nhiều hơn** hàng trên 2 quả cam. Hỏi hàng dưới có mấy quả cam ?

*Bài giải*



Số quả cam ở hàng dưới là :

$$5 + 2 = 7 \text{ (quả)}$$

**Đáp số :** 7 quả cam.

- 1** Hòa có 4 bông hoa, Bình có nhiều hơn Hòa 2 bông hoa. Hỏi Bình có mấy bông hoa ?

*Tóm tắt*

Hòa có : 4 bông hoa

Bình nhiều hơn Hòa : 2 bông hoa

Bình có : ... bông hoa ?

- 2** Nam có 10 viên bi, Bảo có nhiều hơn Nam 5 viên bi. Hỏi Bảo có bao nhiêu viên bi ?

*Tóm tắt*

Nam có : 10 viên bi

Bảo nhiều hơn Nam : 5 viên bi

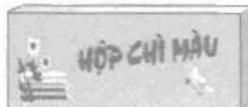
Bảo có : ... viên bi ?

- 3** Mận cao 95cm, Đào cao hơn Mận 3cm. Hỏi Đào cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?



## LUYỆN TẬP

1



Trong cốc có 6 bút chì, trong hộp có  
nhiều hơn trong cốc 2 bút chì. Hỏi trong  
hộp có bao nhiêu bút chì ?

2

Giải bài toán theo tóm tắt sau :

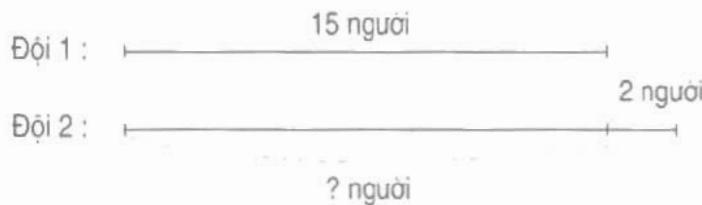
An có : ... : 11 bút chì

Bình nhiều hơn An : 3 bút chì

Bình có : ... bút chì ?

3

Giải bài toán theo tóm tắt sau :



4

Đoạn thẳng AB dài 10cm, đoạn thẳng CD dài hơn đoạn thẳng AB 2cm.

a) Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?

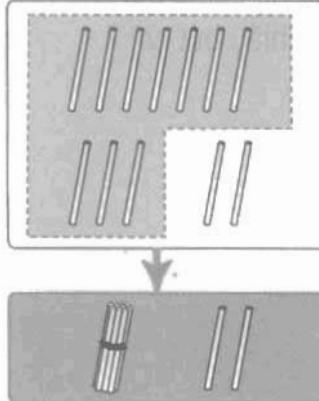
b) Vẽ đoạn thẳng CD.



# 7 CỘNG VỚI MỘT SỐ

## 7 + 5

$7 + 5 = ?$



$$\begin{array}{r} 7 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$12$

$7 + 5 = 12$

$5 + 7 = 12$

$7 + 4 = \dots$

$7 + 5 = \dots$

$7 + 6 = \dots$

$7 + 7 = \dots$

$7 + 8 = \dots$

$7 + 9 = \dots$

**1** Tính nhẩm :

$7 + 4 =$

$7 + 6 =$

$7 + 8 =$

$7 + 9 =$

$4 + 7 =$

$6 + 7 =$

$8 + 7 =$

$9 + 7 =$

**2** Tính :

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

**3** Tính nhẩm :

$7 + 5 =$

$7 + 6 =$

$7 + 3 + 2 =$

$7 + 3 + 3 =$

$7 + 8 =$

$7 + 9 =$

$7 + 3 + 5 =$

$7 + 3 + 6 =$

**4** Em 7 tuổi, anh hơn em 5 tuổi. Hỏi anh bao nhiêu tuổi?

**5** Điền dấu + hoặc dấu – vào chỗ chấm để được kết quả đúng :

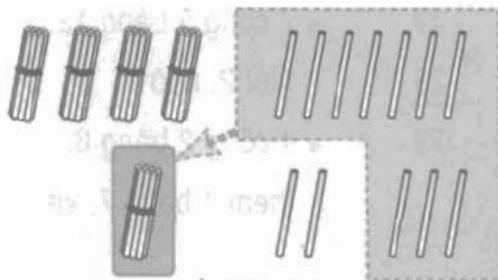
a)  $7 \dots 6 = 13$  ;

b)  $7 \dots 3 \dots 7 = 11$ .

$$47 + 5$$



$$47 + 5 = ?$$



$$\begin{array}{r} 47 \\ + 5 \\ \hline 52 \end{array}$$

- 7 cộng 5 bằng 12,  
viết 2, nhớ 1.
- 4 thêm 1 bằng 5,  
viết 5.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 2 \\ \hline \end{array}$$

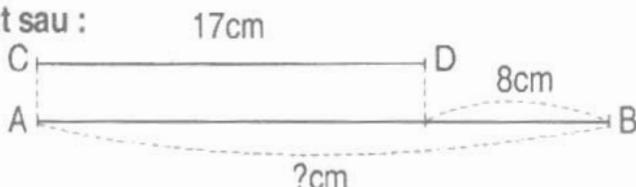
$$\begin{array}{r} 8 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$$

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	7	27	19	47	7
Số hạng	8	7	7	6	13
Tổng					



3 Giải bài toán theo tóm tắt sau :



4 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

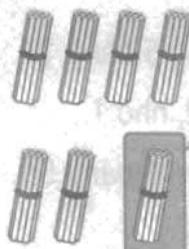

Số hình chữ nhật có trong hình vẽ là :

- A. 4      B. 5      C. 6      D. 9



# 47 + 25

$$47 + 25 = ?$$



$$47 + 25 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 25 \\ \hline 72 \end{array}$$

- 7 cộng 5 bằng 12, viết 2, nhớ 1.
- 4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 24 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 36 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 67 \\ + 29 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 77 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 28 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 39 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 29 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

**2** Đúng ghi Đ, sai ghi S :

$$\begin{array}{r} a) 35 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} b) 37 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} c) 29 \\ + 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} d) 47 \\ + 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} e) 37 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

42

87

35

61

30

**3** Một đội trống rồng có 27 nő và 18 nam. Hỏi đội đó có bao nhiêu người ?

**4** Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

$$\begin{array}{r} + 3 \square \\ \hline 5 \\ \hline 4 \ 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} + 27 \\ \hline 1 \square \\ \hline 4 \ 3 \end{array}$$



## LUYỆN TẬP

### 1 Tính nhẩm :

$7 + 3 =$

$7 + 4 =$

$7 + 5 =$

$7 + 6 =$

$7 + 7 =$

$7 + 8 =$

$7 + 9 =$

$7 + 10 =$

$5 + 7 =$

$6 + 7 =$

$8 + 7 =$

$9 + 7 =$

### 2 Đặt tính rồi tính :

$37 + 15 ;$

$47 + 18 ;$

$24 + 17 ;$

$67 + 9.$

### 3 Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Thùng cam có : 28 quả

Thùng quýt có : 37 quả

Cá hai thùng có : ... quả ?

### 4



$19 + 7 \dots 17 + 9$

$23 + 7 \dots 38 - 8$

$17 + 9 \dots 17 + 7$

$16 + 8 \dots 28 - 3$

### 5

Kết quả của phép tính nào có thể điền vào ô trống ?

$18 + 8$

$19 + 4$

$17 - 2$

$27 - 5$

$17 + 4$

$15 < \boxed{\phantom{00}} < 25$

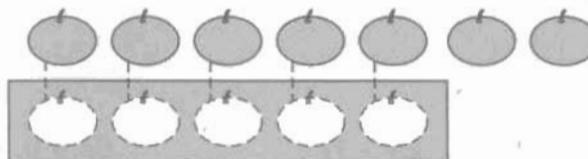


## BÀI TOÁN VỀ ÍT HƠN

**Bài toán :** Hàng trên có 7 quả cam, hàng dưới có *ít hơn* hàng trên 2 quả cam. Hỏi hàng dưới có mấy quả cam ?

*Bài giải*

Số quả cam ở hàng dưới là :



$$7 - 2 = 5 \text{ (quả)}$$

*Đáp số : 5 quả cam.*

- 1** Vườn nhà Mai có 17 cây cam, vườn nhà Hoa có ít hơn vườn nhà Mai 7 cây cam. Hỏi vườn nhà Hoa có mấy cây cam ?

*Tóm tắt*

Vườn nhà Mai :

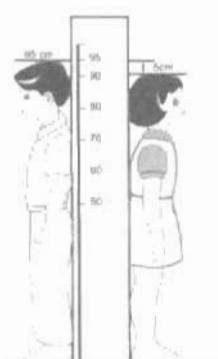
17 cây

Vườn nhà Hoa :

7 cây

? cây

**2**



An cao 95cm, Bình thấp hơn An 5cm.  
Hỏi Bình cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?

**3**

- Lớp 2A có 15 học sinh gái, số học sinh trai của lớp ít hơn số học sinh gái 3 bạn. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh trai ?

## LUYỆN TẬP



1

a)



- Trong hình tròn có mấy ngôi sao ?
- Trong hình vuông có mấy ngôi sao ?
- Trong hình vuông có nhiều hơn trong hình tròn mấy ngôi sao ?
- Trong hình tròn có ít hơn trong hình vuông mấy ngôi sao ?

b) Em phải vẽ thêm mấy ngôi sao nữa vào trong hình tròn để số ngôi sao ở trong hai hình bằng nhau ?

2

Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Anh : 16 tuổi

Em kém anh : 5 tuổi

Em : ... tuổi ?

3

Giải bài toán theo tóm tắt sau :

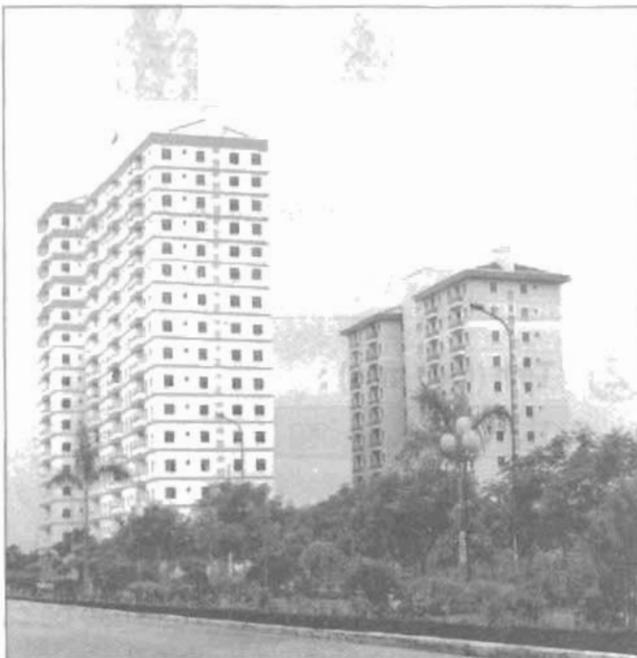
Em : 11 tuổi

Anh hơn em : 5 tuổi

Anh : ... tuổi ?

4

Toà nhà thứ nhất có 16 tầng, toà nhà thứ hai có ít hơn toà nhà thứ nhất 4 tầng. Hỏi toà nhà thứ hai có bao nhiêu tầng ?



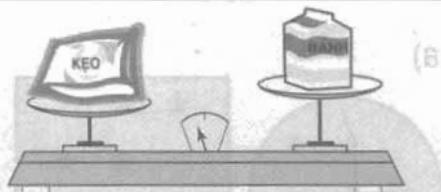


## KI-LÔ-GAM

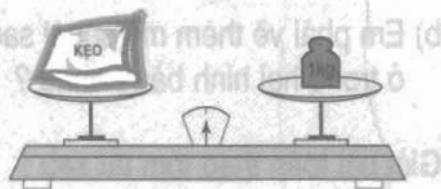
Tô cân có nón lùn  
Cái cân đĩa  
Quả cân 1 ki-lô-gam.



Ki-lô-gam viết tắt là **kg**.



Gói kẹo **nặng hơn** gói bánh.  
Gói bánh **nhẹ hơn** gói kẹo.



Gói kẹo cân nặng 1kg.

### 1 Đọc, viết (theo mẫu) :

Đọc	Hai ki-lô-gam	Năm ki-lô-gam	...
Viết	2kg	...	3kg

### 2 Tính (theo mẫu) :

$$1\text{kg} + 2\text{kg} = 3\text{kg}$$

$$10\text{kg} - 5\text{kg} =$$

$$6\text{kg} + 20\text{kg} =$$

$$24\text{kg} - 13\text{kg} =$$

$$47\text{kg} + 12\text{kg} =$$

$$35\text{kg} - 25\text{kg} =$$

### 3 Bao gạo to cân nặng 25kg, bao gạo bé cân nặng 10kg. Hỏi cả hai bao gạo cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

## LUYỆN TẬP



1

a)

Cái cân đồng hồ



Túi cam cân nặng mấy ki-lô-gam ?

b)



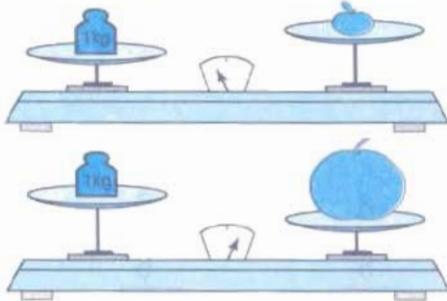
25kg

Bạn Hoa cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?



2

Câu nào đúng ? Câu nào sai ?



- a) Quả cam nặng hơn 1kg.
- b) Quả cam nhẹ hơn 1kg.
- c) Quả bưởi nặng hơn 1kg.
- d) Quả bưởi nhẹ hơn 1kg.
- e) Quả cam nặng hơn quả bưởi.
- g) Quả bưởi nặng hơn quả cam.

3

Tính :

$$3\text{kg} + 6\text{kg} - 4\text{kg} =$$

$$8\text{kg} - 4\text{kg} + 9\text{kg} =$$

$$15\text{kg} - 10\text{kg} + 7\text{kg} =$$

$$16\text{kg} + 2\text{kg} - 5\text{kg} =$$

4

Mẹ mua về 26kg gạo nếp vừa gạo tẻ, trong đó có 16kg gạo tẻ. Hỏi mẹ mua về bao nhiêu ki-lô-gam gạo nếp ?

5

Con gà cân nặng 2kg, con ngỗng nặng hơn con gà 3kg. Hỏi con ngỗng cân nặng mấy ki-lô-gam ?

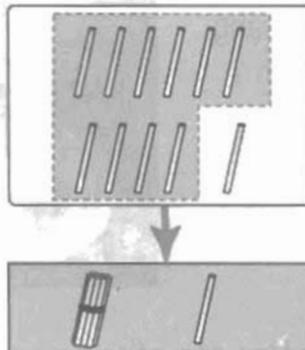




# 6 CỘNG VỚI MỘT SỐ

## 6 + 5

$$6 + 5 = ?$$



$$\begin{array}{r}
 6 \\
 + 5 \\
 \hline
 11
 \end{array}$$

$$6 + 5 = 11$$

$$5 + 6 = 11$$

$$6 + 5 = \dots$$

$$6 + 6 = \dots$$

$$6 + 7 = \dots$$

$$6 + 8 = \dots$$

$$6 + 9 = \dots$$

**1** Tính nhẩm :

$$6 + 6 =$$

$$6 + 7 =$$

$$6 + 8 =$$

$$6 + 9 =$$

$$6 + 0 =$$

$$7 + 6 =$$

$$8 + 6 =$$

$$9 + 6 =$$

**2** Tính :

$$\begin{array}{r}
 6 \\
 + 4 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 6 \\
 + 5 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 6 \\
 + 8 \\
 \hline
 \end{array}$$

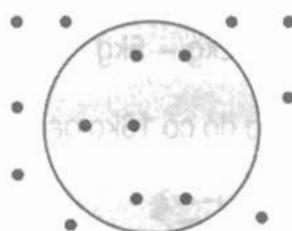
$$\begin{array}{r}
 7 \\
 + 6 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 9 \\
 + 6 \\
 \hline
 \end{array}$$

**3** Số ?  $6 + \boxed{\quad} = 11$

$\boxed{\quad} + 6 = 12$        $6 + \boxed{\quad} = 13$

**4**



- Có mấy điểm ở trong hình tròn ?
- Có mấy điểm ở ngoài hình tròn ?
- Có tất cả bao nhiêu điểm ?

**5**



$$7 + 6 \dots 6 + 7$$

$$8 + 8 \dots 7 + 8$$

$$6 + 9 - 5 \dots 11$$

$$8 + 6 - 10 \dots 3$$



26 + 5 = ?

$$\begin{array}{r} 26 \\ + 5 \\ \hline 31 \end{array}$$

- 6 cộng 5 bằng 11, viết 1, nhớ 1.
- 2 thêm 1 bằng 3, viết 3.

26 + 5 = ...

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 16 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 66 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 18 \\ + 9 \\ \hline \end{array}$$

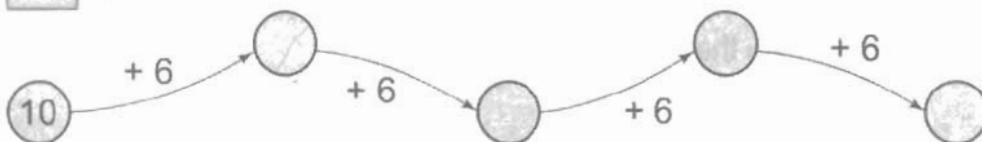
$$\begin{array}{r} 27 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 5 \\ \hline \end{array}$$

2

Số ?



3

Tháng trước tổ em được 16 điểm mười, tháng này tổ em được nhiều hơn tháng trước 5 điểm mười. Hỏi tháng này tổ em được bao nhiêu điểm mười ?

4

Đo độ dài các đoạn thẳng AB, BC, AC :

A

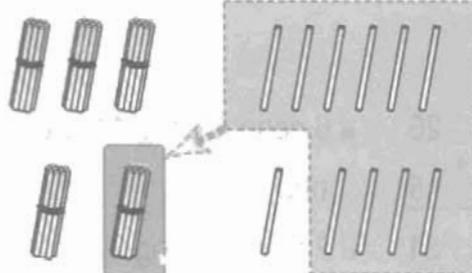
B

C



## 36 + 15

$$36 + 15 = ?$$



$$36 + 15 = \dots$$

$$\begin{array}{r}
 36 \\
 + 15 \\
 \hline
 51
 \end{array}$$

• 6 cộng 5 bằng 11, viết 1, nhớ 1.  
 • 3 cộng 1 bằng 4, thêm 1 bằng 5, viết 5.

**1** Tính :

$$\begin{array}{r}
 16 \\
 + 29 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 26 \\
 + 38 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 36 \\
 + 47 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 46 \\
 + 36 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 56 \\
 + 25 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 44 \\
 + 37 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 38 \\
 + 56 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 39 \\
 + 16 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 36 \\
 + 24 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 17 \\
 + 16 \\
 \hline
 \end{array}$$

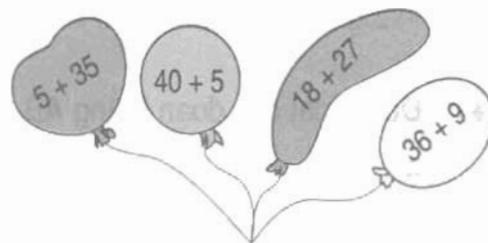
**2** Đặt tính rồi tính tổng, biết các số hạng là :

- a) 36 và 18 ;      b) 24 và 19 ;      c) 35 và 26.

**3** Giải bài toán theo hình vẽ sau :



**4** Quả bóng nào ghi phép tính có kết quả là 45 ?



## LUYỆN TẬP



**1** Tính nhẩm :

$6 + 5 =$

$6 + 6 =$

$6 + 7 =$

$6 + 8 =$

$5 + 6 =$

$6 + 10 =$

$7 + 6 =$

$6 + 9 =$

$8 + 6 =$

$9 + 6 =$

$6 + 4 =$

$4 + 6 =$

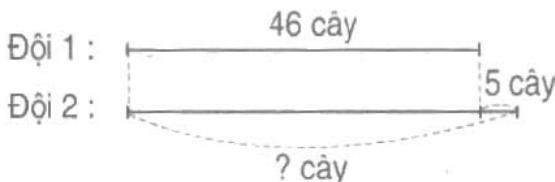
**2** Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	26	17	38	26	15
Số hạng	5	36	16	9	36
Tổng					

**3** Số ?

+6	4	5	6	7	8
+6	10				
+6	16				

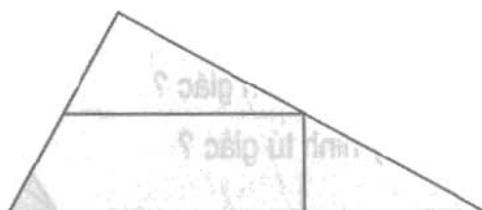
**4** Giải bài toán theo tóm tắt sau :



**5** Trong hình bên :

a) Có mấy hình tam giác ?

b) Có mấy hình tứ giác ?





## BÀNG CỘNG

### 1 Tính nhẩm :

a)

$9 + 2 =$	$8 + 3 =$	$7 + 4 =$	$6 + 5 =$
$9 + 3 =$	$8 + 4 =$	$7 + 5 =$	$6 + 6 =$
$9 + 4 =$	$8 + 5 =$	$7 + 6 =$	$= 8 + 8$
$9 + 5 =$	$8 + 6 =$	$7 + 7 =$	
$9 + 6 =$	$8 + 7 =$		
$9 + 7 =$	$8 + 8 =$		
$9 + 8 =$			
$9 + 9 =$			

b)

$2 + 9 =$	$3 + 8 =$	$4 + 7 =$	$5 + 6 =$
$3 + 9 =$	$4 + 8 =$	$5 + 7 =$	
	$4 + 9 =$	$5 + 8 =$	
		$5 + 9 =$	

2

Tính :

$$\begin{array}{r} 15 \\ + \ 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 26 \\ + 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36 \\ + \ 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ + 39 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 28 \\ \hline \end{array}$$

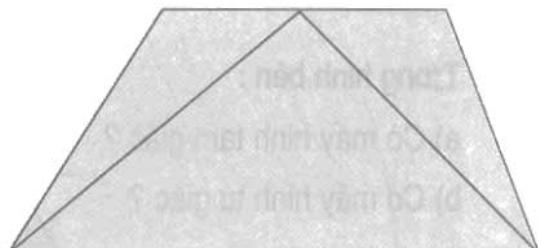
3

Hoa cân nặng 28kg, Mai cân nặng hơn Hoa 3kg. Hỏi Mai cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

4

Trong hình bên :

- a) Có mấy hình tam giác ?
- b) Có mấy hình tứ giác ?



**1**

Tính nhẩm :

a) $9 + 6 =$	$7 + 8 =$	$6 + 5 =$	$3 + 9 =$
$6 + 9 =$	$8 + 7 =$	$5 + 6 =$	$9 + 3 =$
b) $3 + 8 =$	$4 + 8 =$	$2 + 9 =$	$6 + 7 =$
$5 + 8 =$	$4 + 7 =$	$5 + 9 =$	$7 + 7 =$

**2**

Tính :

$8 + 4 + 1 =$	$7 + 4 + 2 =$	$6 + 3 + 5 =$
$8 + 5 =$	$7 + 6 =$	$6 + 8 =$

**3**

Tính :

$\begin{array}{r} 36 \\ + 36 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 35 \\ + 47 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 69 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ + 57 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 27 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$
-----------------------------------------------------	-----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	-----------------------------------------------------

**4**

Mẹ hái được 38 quả bưởi, chị hái được 16 quả bưởi. Hỏi mẹ và chị hái được tất cả bao nhiêu quả bưởi ?

**5**

Điền chữ số thích hợp vào ô trống :

a)  $5 \square > 58$  ;

b)  $89 < \square 8$ .



# PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 100

**83 + 17 = ?**

$$\begin{array}{r} 83 \\ + 17 \\ \hline 100 \end{array}$$

**83 + 17 = 100**

$$\begin{array}{r} = 8 + 1 \\ + 17 \\ \hline = 8 + 17 \\ = 8 + 17 \\ = 8 + 17 \end{array}$$

- 3 cộng 7 bằng 10, viết 0, nhớ 1.
- 8 cộng 1 bằng 9, thêm 1 bằng 10, viết 10.

$$\begin{array}{r} = 8 + 1 \\ + 17 \\ \hline = 8 + 17 \\ = 8 + 17 \\ = 8 + 17 \end{array}$$

: mèo mèo



: gato gato



: gato gato



: gato gato



: gato gato

: gato gato



**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 99 \\ + 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 75 \\ + 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64 \\ + 36 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 52 \\ \hline \end{array}$$

**2** Tính nhẩm (theo mẫu) :

$$60 + 40 =$$

$$80 + 20 =$$

$$30 + 70 =$$

$$90 + 10 =$$

$$50 + 50 =$$

Mẫu :  $60 + 40 = ?$

Nhẩm : 6 chục + 4 chục = 10 chục

10 chục = 100

Vậy :  $60 + 40 = 100$

**3** **Số ?**

a)

$$(58) \xrightarrow{+ 12} \boxed{\phantom{00}} \xrightarrow{+ 30} \boxed{\phantom{00}}$$

b)

$$(35) \xrightarrow{+ 15} \boxed{\phantom{00}} \xrightarrow{- 20} \boxed{\phantom{00}}$$

**4**

Một cửa hàng buổi sáng bán được 85kg đường, buổi chiều bán được nhiều hơn buổi sáng 15kg đường. Hỏi buổi chiều của hàng đó bán được bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

# LÍT



Bình đựng được *nhiều* nước hơn cốc.  
Cốc đựng được *ít* nước hơn bình.

Rót sữa cho đầy ca, ta được 1lit sữa.

Lit viết tắt là **l**.

## 1 Đọc, viết (theo mẫu) :

Đọc	Ba lít			
Viết	3l			

## 2 Tính (theo mẫu) :

a)  $9l + 8l = 17l$

$15l + 5l =$

$2l + 2l + 6l =$

b)  $17l - 6l =$

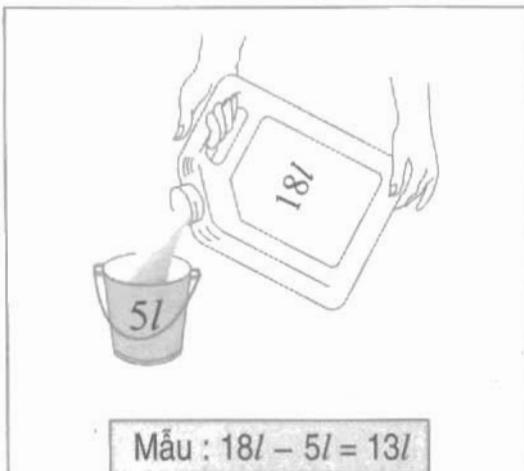
$18l - 5l =$

$28l - 4l - 2l =$

3

Còn bao nhiêu lít ?

a)



b)

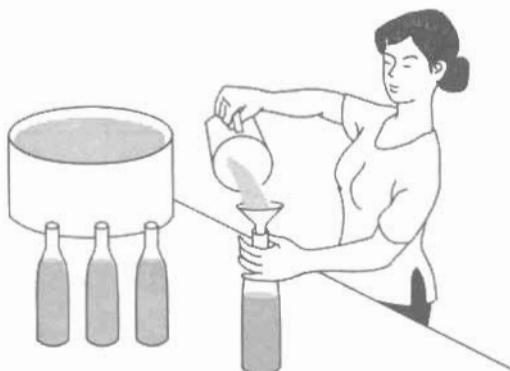


c)



4

Lần đầu cửa hàng bán được 12l nước mắm, lần sau bán được 15l nước mắm. Hỏi cả hai lần của hàng bán được bao nhiêu lit nước mắm ?



# LUYỆN TẬP



**1** Tính :

$$2l + 1l =$$

$$15l - 5l =$$

$$3l + 2l - 1l =$$

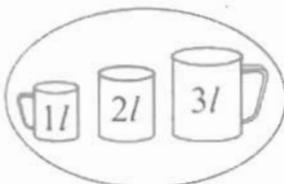
$$16l + 5l =$$

$$35l - 12l =$$

$$16l - 4l + 15l =$$

**2** Số ?

a)



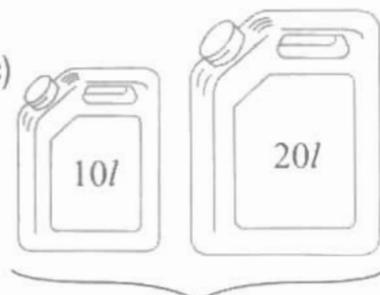
$$\dots l$$

b)



$$\dots l$$

c)

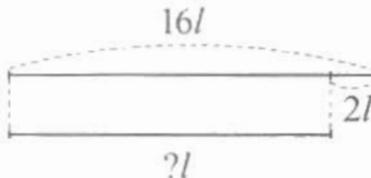


$$\dots l$$

**3** Thùng thứ nhất có 16l dầu, thùng thứ hai có ít hơn thùng thứ nhất 2l dầu.  
Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lit dầu ?

Tóm tắt

Thùng 1 :



Thùng 2 :

**4** Thực hành : Đổ 1l nước từ chai 1l sang các cốc như nhau.





## LUYỆN TẬP CHUNG

**1** Tính :

$$5 + 6 =$$

$$16 + 5 =$$

$$40 + 5 =$$

$$4 + 16 =$$

$$8 + 7 =$$

$$27 + 8 =$$

$$30 + 6 =$$

$$3 + 47 =$$

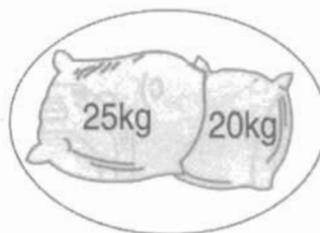
$$9 + 4 =$$

$$44 + 9 =$$

$$7 + 20 =$$

$$5 + 35 =$$

**2** **Số ?**



... kg



... l

**3** Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	34	45	63	17	44
Số hạng	17	48	29	46	36
Tổng					

**4** Giải bài toán theo tóm tắt sau :

Lần đầu bán : 45kg gạo

Lần sau bán : 38kg gạo

Cả hai lần bán : ... kg gạo ?

**5** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

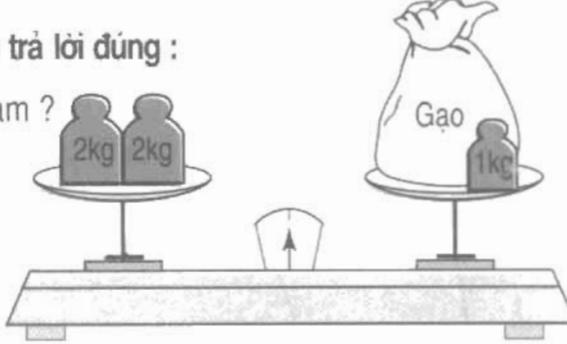
Túi gạo cân nặng mấy ki-lô-gam ?

A. 1kg

B. 2kg

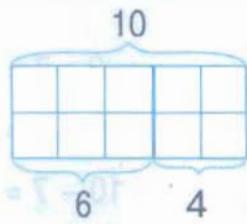
C. 3kg

D. 4kg



### 3. PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100

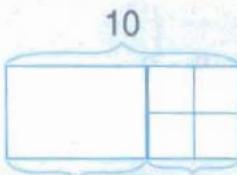
#### TÌM MỘT SỐ HẠNG TRONG MỘT TỔNG



$$6 + 4 = \dots$$

$$6 = 10 - \dots$$

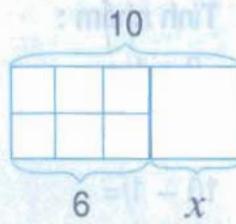
$$4 = 10 - \dots$$



$$x + 4 = 10$$

$$x = 10 - \dots$$

$$x = \dots$$



$$6 + x = 10$$

$$x = 10 - \dots$$

$$x = \dots$$

Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

1 Tim  $x$  (theo mẫu) :

a)  $x + 3 = 9$   
 $x = 9 - 3$   
 $x = 6$

b)  $x + 5 = 10$  ;  
d)  $x + 8 = 19$  ;  
c)  $x + 2 = 8$   
e)  $4 + x = 14$   
g)  $3 + x = 10$ .

2 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số hạng	12	9		15		17
Số hạng	6		24		21	
Tổng		10	34	15	42	39



3 Một lớp học có 35 học sinh, trong đó có 20 học sinh trai. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu học sinh gái ?



## LUYỆN TẬP

**1** Tìm  $x$ :

a)  $x + 8 = 10$ ;      b)  $x + 7 = 10$ ;      c)  $30 + x = 58$ .

**2** Tính nhẩm:

$9 + 1 =$        $8 + 2 =$        $3 + 7 =$

$10 - 9 =$        $10 - 8 =$        $10 - 3 =$

$10 - 1 =$        $10 - 2 =$        $10 - 7 =$

**3** Tính:

$10 - 1 - 2 =$        $10 - 3 - 4 =$        $19 - 3 - 5 =$

$10 - 3 =$        $10 - 7 =$        $19 - 8 =$

**4** Vừa cam vừa quýt có 45 quả, trong đó có 25 quả cam. Hỏi có bao nhiêu quả quýt?

**5** Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

Tìm  $x$ , biết:  $x + 5 = 5$ .

A.  $x = 5$

B.  $x = 10$

C.  $x = 0$

# SỐ TRÒN CHỤC TRỪ ĐI MỘT SỐ

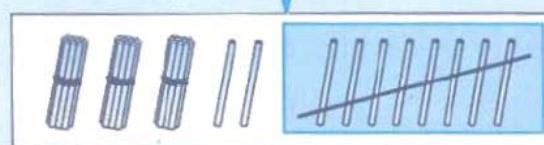


$$40 - 8 = ?$$



$$\begin{array}{r} 40 \\ - 8 \\ \hline 32 \end{array}$$

- 0 không trừ được 8, lấy 10 trừ 8 bằng 2, viết 2, nhớ 1.



- 4 trừ 1 bằng 3, viết 3.

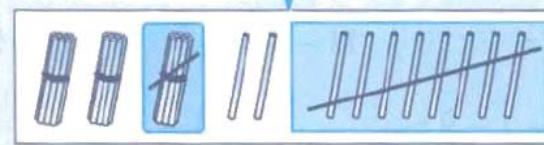
$$40 - 8 = \dots$$

$$40 - 18 = ?$$



$$\begin{array}{r} 40 \\ - 18 \\ \hline 22 \end{array}$$

- 0 không trừ được 8, lấy 10 trừ 8 bằng 2, viết 2, nhớ 1.



- 1 thêm 1 bằng 2, 4 trừ 2 bằng 2, viết 2.

$$40 - 18 = \dots$$

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 60 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 50 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 30 \\ - 11 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 54 \\ \hline \end{array}$$

**2** Tìm  $x$  :

a)  $x + 9 = 30$  ;

b)  $5 + x = 20$  ;

c)  $x + 19 = 60$ .

**3** Có 2 chục que tính, bót đi 5 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính ?



# 11 TRỪ ĐI MỘT SỐ

## 11 - 5

$11 - 5 = ?$



$$\begin{array}{r} 11 \\ - 5 \\ \hline 6 \end{array}$$

$s = 8 - 04$

$11 - 2 = \dots$

$11 - 6 = \dots$

$11 - 3 = \dots$

$11 - 7 = \dots$

$11 - 4 = \dots$

$11 - 8 = \dots$

$11 - 5 = \dots$

$11 - 9 = \dots$

$11 - 5 = \dots$

**1** Tính nhẩm :

a)  $9 + 2 =$        $8 + 3 =$        $7 + 4 =$        $6 + 5 =$

$2 + 9 =$        $3 + 8 =$        $4 + 7 =$        $5 + 6 =$

$11 - 9 =$        $11 - 8 =$        $11 - 7 =$        $11 - 6 =$

$11 - 2 =$        $11 - 3 =$        $11 - 4 =$        $11 - 5 =$

b)  $11 - 1 - 5 =$        $11 - 1 - 9 =$        $11 - 1 - 3 =$

$11 - 6 =$        $11 - 10 =$        $11 - 4 =$

**2** Tính :

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$$

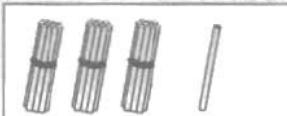
**3** Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

- a) 11 và 7 ;      b) 11 và 9 ;      c) 11 và 3.

**4** Bình có 11 quả bóng bay, Bình cho bạn 4 quả. Hỏi Bình còn lại mấy quả bóng bay ?

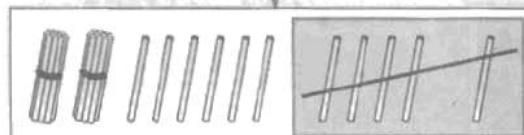


$31 - 5 = ?$



$$\begin{array}{r} -31 \\ -5 \\ \hline 26 \end{array}$$

- 1 không trừ được 5,  
lấy 11 trừ 5 bằng 6  
viết 6, nhớ 1.



$31 - 5 = \dots$



41  
- 3  

---

31

81

21  
—  
4  
—

71  
—  
6

11  
—  
8

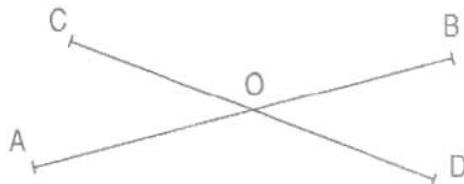
41  
—  
5  
\_\_\_\_\_

**2** Đặt tinh rồi tinh hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :



**3** Đàn gà đẻ được 51 quả trứng, mẹ đã lấy 6 quả trứng để làm món ăn. Hỏi còn lại bao nhiêu quả trứng?

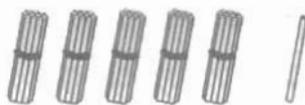
4 Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm nào?





## 51 - 15

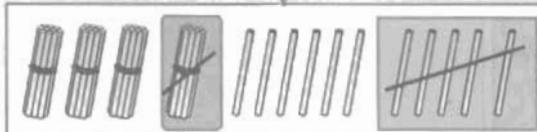
$$51 - 15 = ?$$



$$\begin{array}{r} 51 \\ - 15 \\ \hline 36 \end{array}$$

• 1 không trừ được 5,  
lấy 11 trừ 5 bằng 6,  
viết 6, nhớ 1.

• 1 thêm 1 bằng 2,  
5 trừ 2 bằng 3, viết 3.



$$51 - 15 = \dots$$

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 81 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 31 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 51 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 71 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 61 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 71 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 61 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 91 \\ - 49 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 81 \\ - 55 \\ \hline \end{array}$$

**2** Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

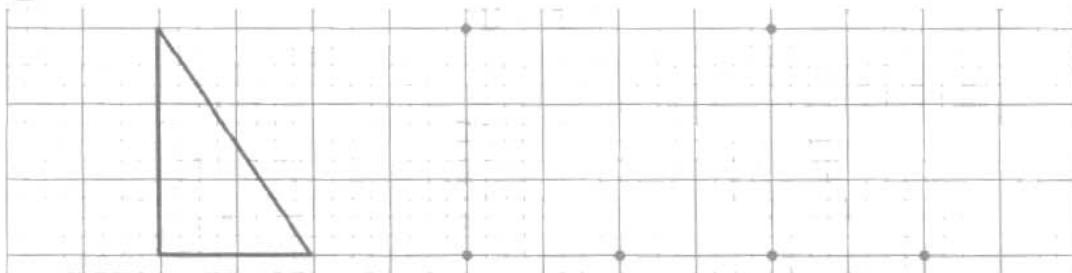
- a) 81 và 44 ;      b) 51 và 25 ;      c) 91 và 9.

**3** Tìm  $x$  :

- a)  $x + 16 = 41$  ;      b)  $x + 34 = 81$  ;      c)  $19 + x = 61$ .

**4**

Vẽ hình theo mẫu :



Mẫu

**LUYỆN TẬP****1**

Tính nhẩm :

$11 - 2 =$

$11 - 4 =$

$11 - 6 =$

$11 - 8 =$

$11 - 3 =$

$11 - 5 =$

$11 - 7 =$

$11 - 9 =$

**2**

Đặt tính rồi tính :

a)  $41 - 25 ;$

$51 - 35 ;$

$81 - 48$

b)  $71 - 9 ;$

$38 + 47 ;$

$29 + 6.$

**3**Tim  $x :$ 

a)  $x + 18 = 61 ;$

b)  $23 + x = 71 ;$

c)  $x + 44 = 81.$

**4**

Một cửa hàng có 51kg táo, đã bán 26kg táo. Hỏi cửa hàng đó còn lại bao nhiêu ki-lô-gam táo ?

**5**

$9 \dots 6 = 15$

$16 \dots 10 = 6$

$11 \dots 8 = 3$

$11 \dots 6 = 5$

$10 \dots 5 = 5$

$8 \dots 8 = 16$

$11 \dots 2 = 9$

$8 \dots 6 = 14$

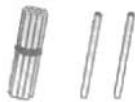
$7 \dots 5 = 12$



# 12 TRỪ ĐI MỘT SỐ

## 12 - 8

$12 - 8 = ?$



$$\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline 4 \end{array}$$

$12 - 3 = \dots$

$12 - 4 = \dots$

$12 - 5 = \dots$

$12 - 6 = \dots$

$12 - 7 = \dots$

$12 - 8 = \dots$

$12 - 9 = \dots$

$12 - 8 = \dots$

**1** Tính nhẩm :

a)  $9 + 3 =$

$8 + 4 =$

$7 + 5 =$

$6 + 6 =$

$3 + 9 =$

$4 + 8 =$

$5 + 7 =$

$12 - 6 =$

$12 - 9 =$

$12 - 8 =$

$12 - 7 =$

$12 - 3 =$

$12 - 4 =$

$12 - 5 =$

b)  $12 - 2 - 7 =$

$12 - 2 - 5 =$

$12 - 2 - 6 =$

$12 - 9 =$

$12 - 7 =$

$12 - 8 =$

**2** Tính :

$$\begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

**3** Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 12 và 7 ;

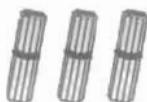
b) 12 và 3 ;

c) 12 và 9.

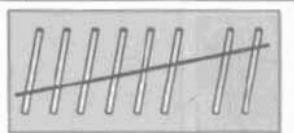
**4** Có 12 quyển vở, trong đó có 6 quyển vở bìa đỏ, còn lại là vở bìa xanh.  
Hỏi có mấy quyển vở bìa xanh ?



$$32 - 8 = ?$$



8 prend 1 mèche ↓



$$32 - 8 = \dots$$

$$\begin{array}{r} 32 \\ - 8 \\ \hline 24 \end{array}$$

$$32 - 8 = 24$$

- 2 không trừ được 8, lấy 12 trừ 8 bằng 4, viết 4, nhớ 1.

- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.



$$32 - 8 = 24$$

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 82 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 22 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 32 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 92 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

- a) 72 và 7 ;      b) 42 và 6 ;      c) 62 và 8.

3 Hoà có 22 nhán vở, Hòa cho bạn 9 nhán vở. Hỏi Hòa còn lại bao nhiêu nhán vở ?

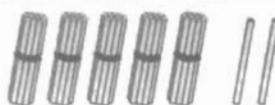
4 Tìm  $x$  :

- a)  $x + 7 = 42$  ;      b)  $5 + x = 62$ .



## 52 - 28

$$52 - 28 = ?$$

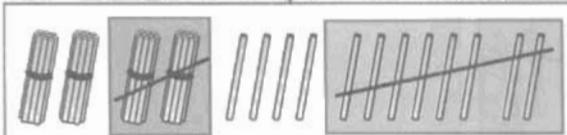


$$\begin{array}{r} 52 \\ - 28 \\ \hline 24 \end{array}$$

- 2 không trừ được 8, lấy 12 trừ 8 bằng 4, viết 4, nhớ 1.

- 2 thêm 1 bằng 3, 5 trừ 3 bằng 2, viết 2.

Số 100, Số nháy, Số nhảy



$$52 - 28 = \dots$$

1

Tính :

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 32 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 82 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 92 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 28 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 22 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 82 \\ - 77 \\ \hline \end{array}$$

2

Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

- a) 72 và 27 ;      b) 82 và 38 ;      c) 92 và 55.

3

Đội Hai trồng được 92 cây, đội Một trồng được ít hơn đội Hai 38 cây.  
Hỏi đội Một trồng được bao nhiêu cây ?

**1** Tính nhẩm :

$12 - 3 =$

$12 - 5 =$

$12 - 7 =$

$12 - 9 =$

$12 - 4 =$

$12 - 6 =$

$12 - 8 =$

$12 - 10 =$

**2** Đặt tính rồi tính :

a)  $62 - 27 ;$

$72 - 15 ;$

$32 - 8$

b)  $53 + 19 ;$

$36 + 36 ;$

$25 + 27.$

**3** Tìm  $x$  :

a)  $x + 18 = 52 ;$

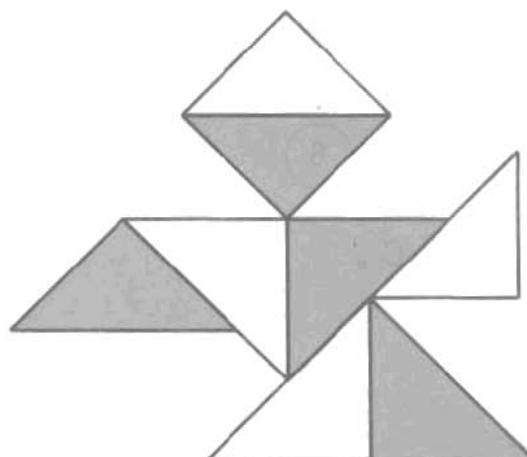
b)  $x + 24 = 62 ;$

c)  $27 + x = 82.$

**4** Vừa gà vừa thỏ có 42 con, trong đó có 18 con thỏ. Hỏi có bao nhiêu con gà ?

**5** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

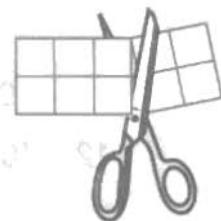
Có bao nhiêu hình tam giác ?



- A. Có 7 hình tam giác
- B. Có 8 hình tam giác
- C. Có 9 hình tam giác
- D. Có 10 hình tam giác



## TÌM SỐ BỊ TRỪ



$$10 - 4 = 6$$

$$10 = 6 + 4$$

Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

Số bị trừ :  $x$

Số trừ : 4

Hiệu : 6

$$= 6 - 2 \text{ } \square$$

$$= 6 - 2 \text{ } \square$$

$$x = 6 + 4$$

$$x - 4 = 6$$

$$x = 6 + 4$$

$$x = 10$$

: risultato da T

: risultato da G

: risultato da G

**1** Tìm  $x$  :

a)  $x - 4 = 8$  ;

b)  $x - 9 = 18$  ;

c)  $x - 10 = 25$

d)  $x - 8 = 24$  ;

e)  $x - 7 = 21$  ;

g)  $x - 12 = 36$ .

**2** Viết số thích hợp vào ô trống :

Số bị trừ	11				
Số trừ	4	12	34	27	48
Hiệu		9	15	35	46



**3** Số ?

$$\boxed{\quad} \xrightarrow{-2} \boxed{5}$$

$$\boxed{\quad} \xrightarrow{-4} \boxed{6}$$

$$\boxed{\quad} \xrightarrow{-5} \boxed{0}$$

**4** a) Vẽ đoạn thẳng AB và

C .

B

doạn thẳng CD.

b) Đoạn thẳng AB và đoạn  
thẳng CD cắt nhau tại một  
điểm. Hãy ghi tên điểm đó.

A°

D

# 13 TRỪ ĐI MỘT SỐ

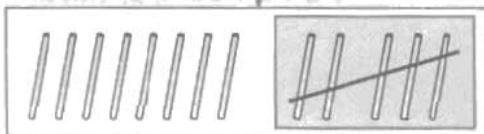
## 13 - 5



$13 - 5 = ?$



$$\begin{array}{r} 13 \\ - 5 \\ \hline 8 \end{array}$$



$13 - 5 = ...$

$13 - 4 = ...$

$13 - 5 = ...$

$13 - 6 = ...$

$13 - 7 = ...$

$13 - 8 = ...$

$13 - 9 = ...$

### 1 Tính nhẩm :

a)  $9 + 4 =$        $8 + 5 =$        $7 + 6 =$

$4 + 9 =$        $5 + 8 =$        $6 + 7 =$

$13 - 9 =$        $13 - 8 =$        $13 - 7 =$

$13 - 4 =$        $13 - 5 =$        $13 - 6 =$

b)  $13 - 3 - 5 =$        $13 - 3 - 1 =$        $13 - 3 - 4 =$

$13 - 8 =$        $13 - 4 =$        $13 - 7 =$

### 2 Tính :

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

### 3 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

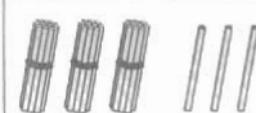
- a) 13 và 9 ;      b) 13 và 6 ;      c) 13 và 8.

4 Cửa hàng có 13 xe đạp, đã bán 6 xe đạp. Hỏi cửa hàng còn lại mấy xe đạp ?



## 33 - 5

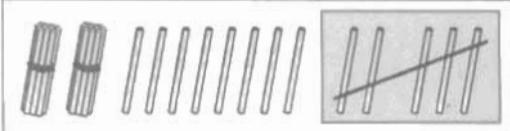
$$33 - 5 = ?$$



$$\begin{array}{r} 33 \\ - 5 \\ \hline 28 \end{array}$$

- 3 không trừ được 5, lấy 13 trừ 5 bằng 8, viết 8, nhớ 1.

- 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.



$$33 - 5 = \dots$$



$$= 28$$

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 83 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

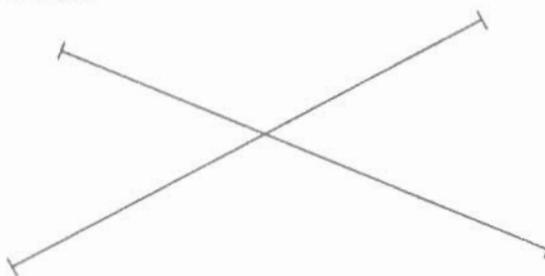
**2** Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

- a) 43 và 5 ;      b) 93 và 9 ;      c) 33 và 6.

**3** Tìm  $x$  :

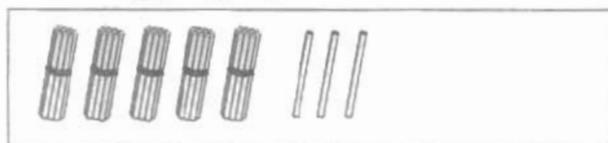
- a)  $x + 6 = 33$  ;      b)  $8 + x = 43$  ;      c)  $x - 5 = 53$ .

**4** Hãy vẽ 9 chấm tròn trên hai đoạn thẳng cắt nhau, sao cho mỗi đoạn thẳng đều có 5 chấm tròn.

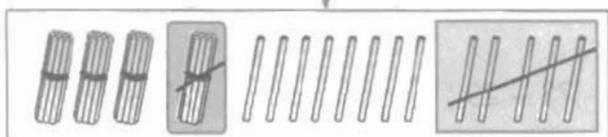




$53 - 15 = ?$



$$\begin{array}{r} - 53 \\ 15 \\ \hline 38 \end{array}$$



$$53 - 15 = \dots$$

- 3 không trừ được 5,  
lấy 13 trừ 5 bằng 8,  
viết 8, nhớ 1.
  - 1 thêm 1 bằng 2,  
5 trừ 2 bằng 3,  
viết 3.

### 1 Tính:

83  
- 19

- 43  
- 28

93

63

73  
- 27

53  
- 18  

---

33  
—  
25

63  
— 47

23  
- 15  

---

83  
- 38  

---

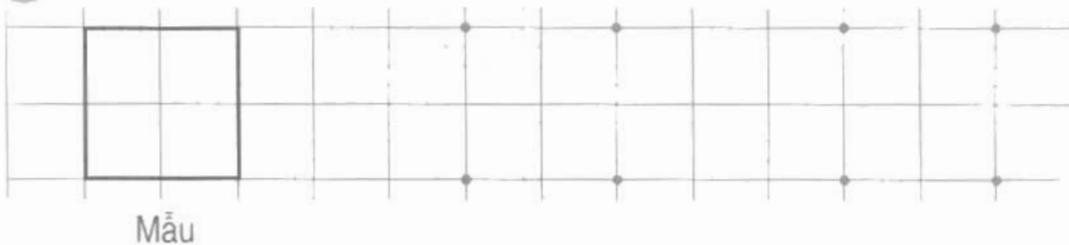
**2** Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :



### 3 Tim<sub>x</sub>:

- a)  $x - 18 = 9$ ;      b)  $x + 26 = 73$ ;      c)  $35 + x = 83$ .

#### 4 Vẽ hình theo mẫu :





## LUYỆN TẬP

**1** Tính nhẩm :

$$13 - 4 =$$

$$13 - 6 =$$

$$13 - 8 =$$

$$13 - 5 =$$

$$13 - 7 =$$

$$13 - 9 =$$

**2** Đặt tính rồi tính :

a)  $63 - 35 ;$

$$73 - 29 ;$$

$$33 - 8$$

b)  $93 - 46 ;$

$$83 - 27 ;$$

$$43 - 14.$$

**3** Tính :

$$33 - 9 - 4 =$$

$$63 - 7 - 6 =$$

$$42 - 8 - 4 =$$

$$33 - 13 =$$

$$63 - 13 =$$

$$42 - 12 =$$

**4** Cô giáo có 63 quyển vở, cô đã phát cho học sinh 48 quyển vở. Hỏi cô giáo còn bao nhiêu quyển vở ?

**5** Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

$$\begin{array}{r} 43 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$$

Kết quả của phép tính trên là :

A. 27

B. 37

C. 17

D. 69



# 14 TRỪ ĐI MỘT SỐ

## 14 - 8

$14 - 8 = ?$



$$\begin{array}{r} 14 \\ - 8 \\ \hline 6 \end{array}$$

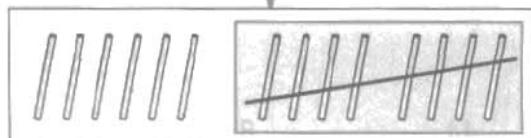
$14 - 5 = \dots$

$14 - 6 = \dots$

$14 - 7 = \dots$

$14 - 8 = \dots$

$14 - 9 = \dots$



$14 - 8 = \dots$

### 1 Tính nhẩm :

a)  $9 + 5 =$        $8 + 6 =$        $7 + 7 =$

$5 + 9 =$        $6 + 8 =$        $14 - 7 =$

$14 - 9 =$        $14 - 8 =$        $14 - 4 =$

$14 - 5 =$        $14 - 6 =$        $14 - 10 =$

b)  $14 - 4 - 2 =$        $14 - 4 - 5 =$        $14 - 4 - 1 =$

$14 - 6 =$        $14 - 9 =$        $14 - 5 =$

### 2 Tính :

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 14 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

### 3 Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 14 và 5 ;      b) 14 và 7 ;      c) 12 và 9.

4 Một cửa hàng có 14 quạt điện, đã bán 6 quạt điện. Hỏi cửa hàng đó còn lại mấy quạt điện ?



## 34 - 8

34

• 4 không trừ được 8, lấy 14 trừ 8 bằng 6, viết 6, nhớ 1.

826

$$\begin{array}{r} \text{• } 3 \text{ trừ } 1 \text{ bằng } 2, \text{ viết } 2. \\ = 0 - 8 \\ = 0 - 2 \\ = 8 \end{array}$$



1

Tính :

a)  $\begin{array}{r} 94 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 64 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 44 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 84 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 24 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$

b)  $\begin{array}{r} 72 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 53 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 74 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 31 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 34 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$

2

Đặt tính rồi tính hiệu, biết số bị trừ và số trừ lần lượt là :

a) 64 và 6 ;

b) 84 và 8 ;

c) 94 và 9.

3

Nhà bạn Hà nuôi 34 con gà, nhà bạn Ly nuôi ít hơn nhà bạn Hà 9 con gà.

Hỏi nhà bạn Ly nuôi bao nhiêu con gà ?

4

Tim  $x$  :

a)  $x + 7 = 34$  ;

b)  $x - 14 = 36$ .



54

- 4 không trừ được 8, lấy 14 trừ 8 bằng 6, viết 6, nhớ 1.

$$\begin{array}{r} -18 \\ \hline -36 \end{array}$$

- 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.

$$= 8 - 5$$

giá trị cuối

 $= 2 - 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$  $= 1$



## LUYÊN TẬP

**1** Tính nhẩm :

$$14 - 5 =$$

$$14 - 7 =$$

$$14 - 9 =$$

$$14 - 6 =$$

$$14 - 8 =$$

$$13 - 9 =$$

**2** Đặt tính rồi tính :

a)  $84 - 47 ;$

b)  $30 - 6 ;$

c)  $74 - 49$

b)  $62 - 28 ;$

c)  $83 - 45 ;$

d)  $60 - 12.$

**3** Tìm  $x :$

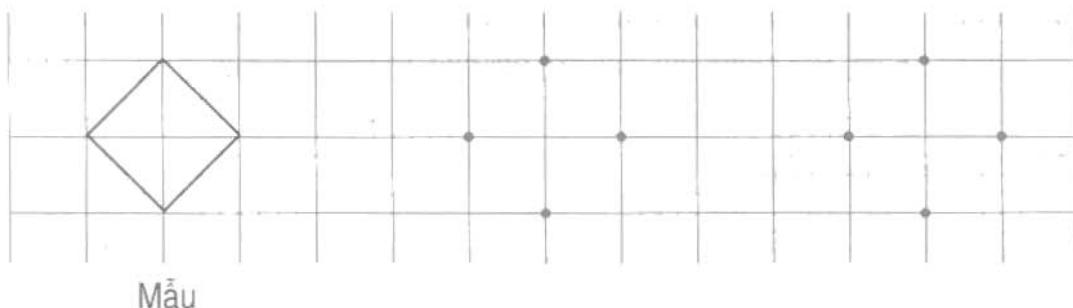
a)  $x - 24 = 34 ;$

b)  $x + 18 = 60 ;$

c)  $25 + x = 84.$

**4** Một cửa hàng đồ chơi có 84 ô tô và máy bay, trong đó có 45 ô tô. Hỏi cửa hàng đó có bao nhiêu máy bay ?

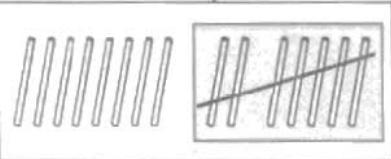
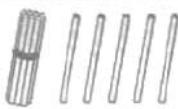
**5** Vẽ hình theo mẫu :



# 15, 16, 17, 18 TRỪ ĐI MỘT SỐ

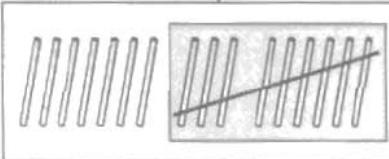


$15 - 7 = ?$



$15 - 7 = \dots$

$16 - 9 = ?$



$16 - 9 = \dots$

$15 - 6 = \dots$

$15 - 7 = \dots$

$15 - 8 = \dots$

$15 - 9 = \dots$

$16 - 7 = \dots$

$16 - 8 = \dots$

$16 - 9 = \dots$

$17 - 8 = \dots$

$17 - 9 = \dots$

$18 - 9 = \dots$

**1** Tính :

a)	$\begin{array}{r} 15 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$
----	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------

b)	$\begin{array}{r} 16 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$
----	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------

c)	$\begin{array}{r} 18 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 20 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$
----	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------	----------------------------------------------------

**2** Mỗi số 7, 8, 9 là kết quả của phép tính nào ?

$15 - 6$

$17 - 8$

$18 - 9$

$15 - 8$

$7$

$9$

$8$

$15 - 7$

$16 - 9$

$17 - 9$

$16 - 8$



# 55 - 8 ; 56 - 7 ; 37 - 8 ; 68 - 9

$$\begin{array}{r} 55 \\ - 8 \\ \hline 47 \end{array}$$

- 5 không trừ được 8,  
lấy 15 trừ 8 bằng 7,  
viết 7, nhớ 1.
- 5 trừ 1 bằng 4, viết 4.

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 7 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ - 8 \\ \hline \dots \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ - 9 \\ \hline \dots \end{array}$$

**1** Tính :

a)  $\begin{array}{r} 45 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 75 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 95 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 65 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 15 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

b)  $\begin{array}{r} 66 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 96 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 36 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 56 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 46 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$

c)  $\begin{array}{r} 87 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 77 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 48 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 58 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 35 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$

**2** Tìm  $x$  :

a)  $x + 9 = 27$  ;

b)  $7 + x = 35$  ;

c)  $x + 8 = 46$ .

**3** Vẽ hình theo mẫu :



Mẫu

**65 - 38 ; 46 - 17 ; 57 - 28 ; 78 - 29**



**65**

- 5 không trừ được 8, lấy 15

**- 38**

- trừ 8 bằng 7, viết 7, nhớ 1.

**- 27**

- 3 thêm 1 bằng 4,

**- 18**

- 6 trừ 4 bằng 2, viết 2.

**46**

**- 17**

**... 3**

**= 8**

**57**

**- 28**

**... 9**

**= 8**

**78**

**- 29**

**... 9**

**= 8**

### 1 Tính :

a)  $\begin{array}{r} 85 \\ - 27 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 55 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 95 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 75 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 45 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$

b)  $\begin{array}{r} 96 \\ - 48 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 86 \\ - 27 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 66 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 76 \\ - 28 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 56 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$

c)  $\begin{array}{r} 98 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 88 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 48 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 87 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$

$\begin{array}{r} 77 \\ - 48 \\ \hline \end{array}$

### 2 Số ?

$$86 \xrightarrow{-6} \boxed{\quad} \xrightarrow{-10} \circlearrowleft$$

$$77 \xrightarrow{-7} \boxed{\quad} \xrightarrow{-9} \circlearrowright$$

$$58 \xrightarrow{-9} \boxed{\quad} \xrightarrow{-9} \circlearrowleft$$

$$72 \xrightarrow{-8} \boxed{\quad} \xrightarrow{-5} \circlearrowright$$

### 3

Năm nay bà 65 tuổi, mẹ kèm bà 27 tuổi. Hỏi năm nay mẹ bao nhiêu tuổi ?



## LUYỆN TẬP

### 1 Tính nhẩm :

$15 - 6 =$

$14 - 8 =$

$15 - 8 =$

$15 - 9 =$

$16 - 7 =$

$15 - 7 =$

$14 - 6 =$

$16 - 8 =$

$17 - 8 =$

$16 - 9 =$

$17 - 9 =$

$14 - 5 =$

$18 - 9 =$

$13 - 6 =$

$13 - 7 =$

$13 - 9 =$

### 2 Tính nhẩm :

$15 - 5 - 1 =$

$16 - 6 - 3 =$

$17 - 7 - 2 =$

$15 - 6 =$

$16 - 9 =$

$17 - 9 =$

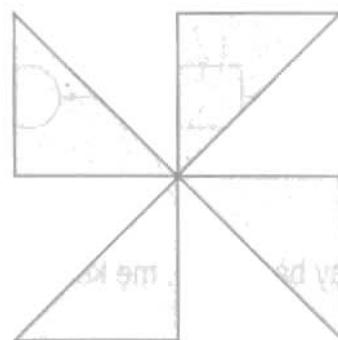
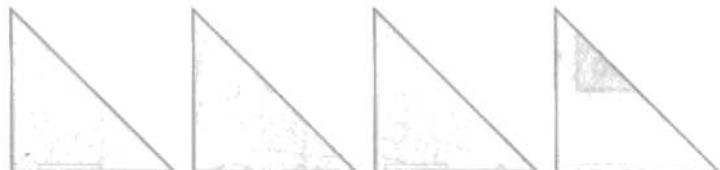
### 3 Đặt tính rồi tính :

a)  $35 - 7 ;$        $72 - 36$

b)  $81 - 9 ;$        $50 - 17.$

4 Mẹ vắt được 50 lít sữa bò, chị vắt được ít hơn mẹ 18 lít sữa bò. Hỏi chị vắt được bao nhiêu lít sữa bò ?

5 Xếp 4 hình tam giác thành hình cánh quạt (xem hình vẽ) :



# BẢNG TRỪ



**1** Tính nhẩm :

$11 - 2 =$

$12 - 3 =$

$13 - 4 =$

$11 - 3 =$

$12 - 4 =$

$13 - 5 =$

$11 - 4 =$

$12 - 5 =$

$13 - 6 =$

$11 - 5 =$

$12 - 6 =$

$13 - 7 =$

$11 - 6 =$

$12 - 7 =$

$13 - 8 =$

$11 - 7 =$

$12 - 8 =$

$13 - 9 =$

$11 - 8 =$

$12 - 9 =$

$11 - 9 =$

$14 - 5 =$

$15 - 6 =$

$16 - 7 =$

$17 - 8 =$

$14 - 6 =$

$15 - 7 =$

$16 - 8 =$

$17 - 9 =$

$14 - 7 =$

$15 - 8 =$

$16 - 9 =$

$14 - 8 =$

$15 - 9 =$

$18 - 9 =$

$14 - 9 =$

**2** Tính :

$5 + 6 - 8 =$

$9 + 8 - 9 =$

$3 + 9 - 6 =$

$8 + 4 - 5 =$

$6 + 9 - 8 =$

$7 + 7 - 9 =$

**3** Vẽ hình theo mẫu :



Mẫu



## LUYỆN TẬP

### 1 Tính nhẩm :

$18 - 9 =$

$16 - 8 =$

$14 - 7 =$

$17 - 9 =$

$17 - 8 =$

$15 - 7 =$

$13 - 6 =$

$12 - 8 =$

$16 - 7 =$

$14 - 6 =$

$12 - 5 =$

$16 - 6 =$

$15 - 6 =$

$13 - 5 =$

$11 - 4 =$

$14 - 5 =$

$12 - 3 =$

$12 - 4 =$

$10 - 3 =$

$11 - 3 =$

### 2 Đặt tính rồi tính :

a)  $35 - 8 ;$

$57 - 9 ;$

$63 - 5$

b)  $72 - 34 ;$

$81 - 45 ;$

$94 - 36.$

### 3 Tim $x$ :

a)  $x + 7 = 21 ;$

b)  $8 + x = 42 ;$

c)  $x - 15 = 15.$

4 Thùng to có 45kg đường, thùng bé có ít hơn thùng to 6kg đường. Hỏi thùng bé có bao nhiêu ki-lô-gam đường ?

### 5 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :



Đoạn thẳng MN dài khoảng mấy xăng-ti-mét ?

- A. Khoảng 7cm
- C. Khoảng 9cm
- B. Khoảng 8cm
- D. Khoảng 10cm



# 100 TRỪ ĐI MỘT SỐ

a)  $100 - 36 = ?$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 36 \\ \hline 064 \end{array}$$

$$100 - 36 = 64$$

- 0 không trừ được 6, lấy 10 trừ 6 bằng 4, viết 4, nhớ 1.

- 3 thêm 1 bằng 4, 0 không trừ được 4, lấy 10 trừ 4 bằng 6, viết 6, nhớ 1.

- 1 trừ 1 bằng 0, viết 0.

b)  $100 - 5 = ?$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 5 \\ \hline 095 \end{array}$$

$$100 - 5 = 95$$

- 0 không trừ được 5, lấy 10 trừ 5 bằng 5, viết 5, nhớ 1.

- 0 không trừ được 1, lấy 10 trừ 1 bằng 9, viết 9, nhớ 1.

- 1 trừ 1 bằng 0, viết 0.

1 Tính :

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 22 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 69 \\ \hline \end{array}$$

2 Tính nhẩm (theo mẫu) :

$$100 - 20 =$$

Mẫu :  $100 - 20 = ?$

$$100 - 70 =$$

Nhẩm :  $10 \text{ chục} - 2 \text{ chục} = 8 \text{ chục}$

$$100 - 40 =$$

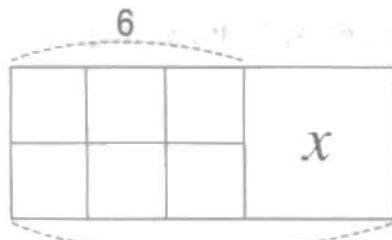
Vậy :  $100 - 20 = 80$

$$100 - 10 =$$

3 Một cửa hàng buổi sáng bán được 100 hộp sữa, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 24 hộp sữa. Hỏi buổi chiều của hàng đó bán được bao nhiêu hộp sữa?



## TÌM SỐ TRỪ



$$10 - x = 6$$

Số bị trừ : 10

$$10 - x = 6$$

Số trừ :  $x$

$$x = 10 - 6$$

Hiệu : 6

$$x = 4$$

**Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.**

**1** Tìm  $x$  :

- |                    |                 |                 |
|--------------------|-----------------|-----------------|
| a) $15 - x = 10$ ; | $15 - x = 8$ ;  | $42 - x = 5$    |
| b) $32 - x = 14$ ; | $32 - x = 18$ ; | $x - 14 = 18$ . |

**2** Viết số thích hợp vào ô trống :

Số bị trừ	75	84	58	72	
Số trừ	36				37
Hiệu		60	34	19	18



**3** Một bến xe có 35 ô tô, sau khi một số ô tô rời bến, trong bến còn lại 10 ô tô. Hỏi có bao nhiêu ô tô đã rời bến ?

# ĐƯỜNG THẲNG



Đoạn thẳng AB



Đường thẳng AB



Ba điểm A, B, C cùng nằm trên một đường thẳng.

A, B, C là ba điểm thẳng hàng.

- 1 Vẽ các đoạn thẳng như hình dưới đây. Dùng thước thẳng và bút kéo dài các đoạn thẳng về hai phía để được đường thẳng, rồi ghi tên các đường thẳng đó :

a)



b)



c)

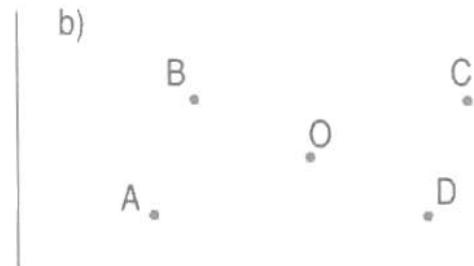


- 2 Nêu tên ba điểm thẳng hàng (dùng thước thẳng để kiểm tra) :

a)



b)





## LUYỆN TẬP

**1** Tính nhẩm :

$$12 - 7 =$$

$$11 - 8 =$$

$$14 - 9 =$$

$$16 - 8 =$$

$$14 - 7 =$$

$$13 - 8 =$$

$$15 - 9 =$$

$$17 - 8 =$$

$$16 - 7 =$$

$$15 - 8 =$$

$$17 - 9 =$$

$$18 - 9 =$$

**2** Tính :

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 74 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 88 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40 \\ - 11 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 93 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 38 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64 \\ - 27 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 71 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 66 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$$

**3** Tìm  $x$  :

a)  $32 - x = 18$ ;      b)  $20 - x = 2$ ;      c)  $x - 17 = 25$ .

**4** Vẽ đường thẳng :

- a) Đi qua hai điểm M, N.      b) Đi qua điểm O.

M

N

O

A

B

C

## LUYỆN TẬP CHUNG



**1** Tính nhẩm :

$$16 - 7 =$$

$$12 - 6 =$$

$$10 - 8 =$$

$$13 - 6 =$$

$$11 - 7 =$$

$$13 - 7 =$$

$$17 - 8 =$$

$$15 - 7 =$$

$$14 - 8 =$$

$$15 - 6 =$$

$$11 - 4 =$$

$$12 - 3 =$$

**2** Đặt tính rồi tính :

a)  $32 - 25 ;$

$61 - 19 ;$

$44 - 8$

b)  $53 - 29 ;$

$94 - 57 ;$

$30 - 6.$

**3** Tính :

$$42 - 12 - 8 =$$

$$36 + 14 - 28 =$$

$$58 - 24 - 6 =$$

$$72 - 36 + 24 =$$

**4** Tìm  $x$  :

a)  $x + 14 = 40 ;$

b)  $x - 22 = 38 ;$

c)  $52 - x = 17.$

**5** Băng giấy màu đỏ dài 65cm, băng giấy màu xanh ngắn hơn băng giấy màu đỏ 17cm. Hỏi băng giấy màu xanh dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?

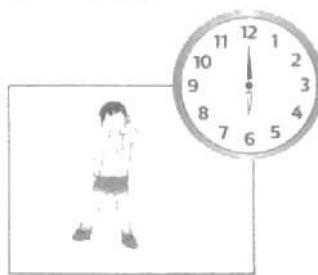


## NGÀY, GIỜ

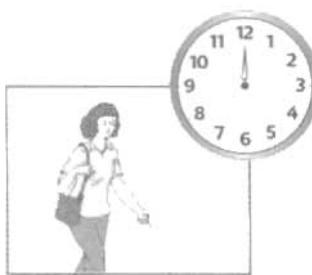
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Một ngày có 24 giờ.</li> <li>24 giờ trong một ngày được tính từ 12 giờ đêm hôm trước đến 12 giờ đêm hôm sau.</li> </ul>
SÁNG	1 giờ sáng, 2 giờ sáng, 3 giờ sáng, 4 giờ sáng, 5 giờ sáng, 6 giờ sáng, 7 giờ sáng, 8 giờ sáng, 9 giờ sáng, 10 giờ sáng.
TRUA	11 giờ trưa, 12 giờ trưa.
CHIỀU	1 giờ chiều (13 giờ), 2 giờ chiều (14 giờ), 3 giờ chiều (15 giờ), 4 giờ chiều (16 giờ), 5 giờ chiều (17 giờ), 6 giờ chiều (18 giờ).
TỐI	7 giờ tối (19 giờ), 8 giờ tối (20 giờ), 9 giờ tối (21 giờ).
ĐÊM	10 giờ đêm (22 giờ), 11 giờ đêm (23 giờ), 12 giờ đêm (24 giờ).

1

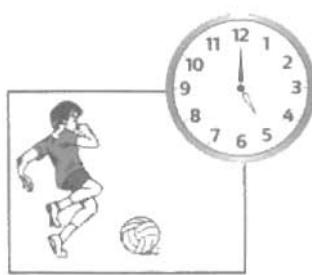
Số ?



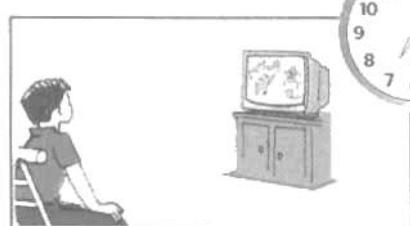
Em tập thể dục lúc  
... giờ sáng.



Mẹ em đi làm về lúc  
... giờ trưa.



Em chơi bóng lúc  
... giờ chiều.

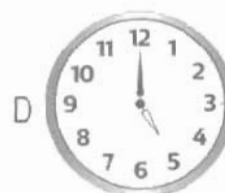


Lúc ... giờ tối em xem  
phim truyền hình.



Lúc ... giờ đêm em đang ngủ.

**2** Đồng hồ nào chỉ thời gian thích hợp với giờ ghi trong tranh ?



Em vào học lúc 7 giờ sáng.



Em chơi  
thả diều  
lúc 17 giờ.



Em đọc truyện  
lúc 8 giờ tối.



Em ngủ lúc 10 giờ đêm.

**3** Viết tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu) :



15 giờ hay 3 giờ chiều.

20 giờ hay ... giờ tối.



## THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

**1** Đồng hồ nào chỉ thời gian thích hợp với giờ ghi trong tranh ?

A



B



C



D



**2** Câu nào đúng ? Câu nào sai ?



Vào học: 7 giờ

Mở cửa từ 8 giờ  
đến 17 giờ

- a) Đi học đúng giờ.      c) Cửa hàng đã mở cửa.  
b) Đi học muộn giờ.    d) Cửa hàng đóng cửa.

- e) Lan tập đàn lúc 20 giờ.  
g) Lan tập đàn lúc 8 giờ sáng.

**3** Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ :

8 giờ ;      11 giờ ;      14 giờ ;      18 giờ ;      23 giờ.

# NGÀY, THÁNG



Đây là tờ lịch tháng 11 :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BÁY	CHỦ NHẬT
11						1	2
	3	4	5	6	7	8	9
	10	11	12	13	14	15	16
	17	18	19	20	21	22	23
	24	25	26	27	28	29	30

Tháng 11 có 30 ngày.

1

Đọc, viết (theo mẫu) :

Đọc	Viết
Ngày bảy tháng mười một	Ngày 7 tháng 11
Ngày mười lăm tháng mười một	
	Ngày 20 tháng 11
	Ngày 30 tháng 11

2

a) Nếu tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 12 :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BÁY	CHỦ NHẬT
12	1			4	5		7
		9	10			13	14
		16		18	19		21
	22			25	26		28
	29		31				

Tháng 12 có 31 ngày.

b) Xem tờ lịch trên rồi cho biết :

- Ngày 22 tháng 12 là thứ mấy ? Ngày 25 tháng 12 là thứ mấy ?
- Trong tháng 12 có mấy ngày chủ nhật ? Đó là các ngày nào ?
- Tuần này, thứ sáu là ngày 19 tháng 12. Tuần sau, thứ sáu là ngày nào ?



## THỰC HÀNH XEM LỊCH

1 Nêu tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 1 :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BÁY	CHỦ NHẬT
1				1	2	3	
	5		7	8			11
			14		16	17	
		20		22	23		
	26			29		31	

Tháng 1 có 31 ngày.

2 Đây là tờ lịch tháng 4 :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BÁY	CHỦ NHẬT
4				1	2	3	4
	5	6	7	8	9	10	11
	12	13	14	15	16	17	18
	19	20	21	22	23	24	25
	26	27	28	29	30		

Tháng 4 có 30 ngày.

Xem tờ lịch trên rồi cho biết :

- Các ngày thứ sáu trong tháng 4 là các ngày nào ?
- Thứ ba tuần này là ngày 20 tháng 4. Thứ ba tuần trước là ngày nào ?  
Thứ ba tuần sau là ngày nào ?
- Ngày 30 tháng 4 là ngày thứ mấy ?

# LUYỆN TẬP CHUNG



**1** Đồng hồ nào ứng với mỗi câu sau ?

a) Em tưới cây lúc 5 giờ chiều.



b) Em đang học ở trường lúc 8 giờ sáng.



c) Cả nhà em ăn cơm lúc 6 giờ chiều.



d) Em đi ngủ lúc 21 giờ.



**2** a) Nêu tiếp các ngày còn thiếu trong tờ lịch tháng 5 :

	THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU	THỨ BẢY	CHỦ NHẬT
5						1	2
			5	6	7	8	
		11	12				16
	17					22	23
			26	27			30
	31						

*Tháng 5 có 31 ngày.*

b) Xem tờ lịch trên rồi cho biết :

- Ngày 1 tháng 5 là ngày thứ mấy ?
- Các ngày thứ bảy trong tháng 5 là ngày nào ?
- Thứ tư tuần này là ngày 12 tháng 5. Thứ tư tuần trước là ngày nào ?
- Thứ tư tuần sau là ngày nào ?

**3** Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ :

8 giờ sáng ;

2 giờ chiều ;

9 giờ tối

20 giờ ;

21 giờ ;

14 giờ.

## 4. ÔN TẬP



### ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

1. Tính nhẩm :

$9 + 7 =$

$8 + 4 =$

$6 + 5 =$

$2 + 9 =$

$7 + 9 =$

$4 + 8 =$

$5 + 6 =$

$9 + 2 =$

$16 - 9 =$

$12 - 8 =$

$11 - 6 =$

$11 - 2 =$

$16 - 7 =$

$12 - 4 =$

$11 - 5 =$

$11 - 9 =$

2. Đặt tính rồi tính :

a)  $38 + 42 ;$

$47 + 35 ;$

$36 + 64$

b)  $81 - 27 ;$

$63 - 18 ;$

$100 - 42.$

3. Số ?

a)  $9 \xrightarrow{+1} \boxed{\quad} \xrightarrow{+7} \circlearrowleft$   
 $9 + 8 =$

b)  $7 \xrightarrow{+3} \boxed{\quad} \xrightarrow{+5} \circlearrowleft$   
 $7 + 8 =$

c)  $9 + 6 =$

d)  $6 + 5 =$

$9 + 1 + 5 =$

$6 + 4 + 1 =$

4. Lớp 2A trồng được 48 cây, lớp 2B trồng được nhiều hơn lớp 2A 12 cây.  
Hỏi lớp 2B trồng được bao nhiêu cây ?

5. Số ?

a)  $72 + \boxed{\quad} = 72 ;$

b)  $85 - \boxed{\quad} = 85.$



# ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tiếp theo)

**1** Tính nhẩm :

$$12 - 6 = \quad 6 + 6 = \quad 17 - 9 = \quad 5 + 7 =$$

$$9 + 9 = \quad 13 - 5 = \quad 8 + 8 = \quad 13 - 8 =$$

$$14 - 7 = \quad 8 + 7 = \quad 11 - 8 = \quad 2 + 9 =$$

$$17 - 8 = \quad 16 - 8 = \quad 4 + 7 = \quad 12 - 6 =$$

**2** Đặt tính rồi tính :

$$\text{a)} \quad 68 + 27 ; \quad 56 + 44 ; \quad 82 - 48$$

$$\text{b)} \quad 90 - 32 ; \quad 71 - 25 ; \quad 100 - 7.$$

**3** **Số ?**

$$\text{a)} \quad \boxed{17} \xrightarrow{-3} \boxed{\quad} \xrightarrow{-6} \circlearrowleft \qquad \text{b)} \quad \boxed{15} \xrightarrow{-4} \boxed{\quad} \xrightarrow{-2} \circlearrowleft$$

$$17 - 9 = \qquad \qquad \qquad 15 - 6 =$$

$$\text{c)} \quad 16 - 9 = \qquad \qquad \qquad \text{d)} \quad 14 - 8 =$$

$$16 - 6 - 3 = \qquad \qquad \qquad 14 - 4 - 4 =$$

**4** Thùng lớn đựng được 60 l nước, thùng bé đựng được ít hơn thùng lớn 22 l nước. Hỏi thùng bé đựng được bao nhiêu lít nước?

**5** Viết phép cộng có tổng bằng một số hạng.



## ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tiếp theo)

**1** Tính nhẩm :

a) $5 + 9 =$	$8 + 6 =$	$3 + 9 =$	$2 + 9 =$
$9 + 5 =$	$6 + 8 =$	$3 + 8 =$	$4 + 8 =$
b) $14 - 7 =$	$12 - 6 =$	$14 - 5 =$	$15 - 9 =$
$16 - 8 =$	$18 - 9 =$	$17 - 8 =$	$13 - 7 =$

**2** Đặt tính rồi tính :

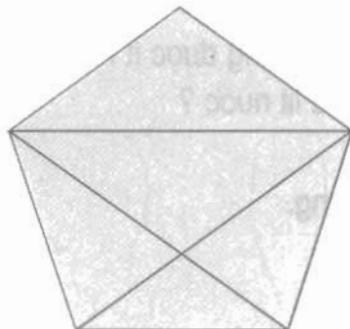
a) $36 + 36 ;$	$100 - 75 ;$	$48 + 48$
b) $100 - 2 ;$	$45 + 45 ;$	$83 + 17.$

**3** Tìm  $x$  :

a) $x + 16 = 20 ;$	b) $x - 28 = 14 ;$	c) $35 - x = 15.$
--------------------	--------------------	-------------------

**4** Anh cân nặng 50kg, em nhẹ hơn anh 16kg. Hỏi em cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

**5** Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :



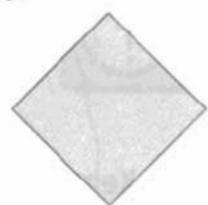
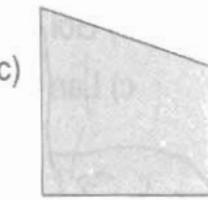
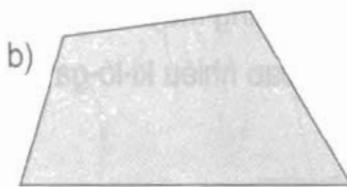
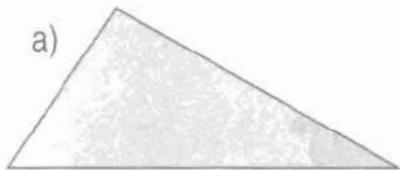
Số hình tú giác trong hình vẽ là :

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

# ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC



1 Mỗi hình dưới đây là hình gì ?



2 a) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 8cm.

b) Vẽ đoạn thẳng có độ dài 1dm.

3 Nêu tên ba điểm thẳng hàng (dùng thước thẳng để kiểm tra).

A .

I .

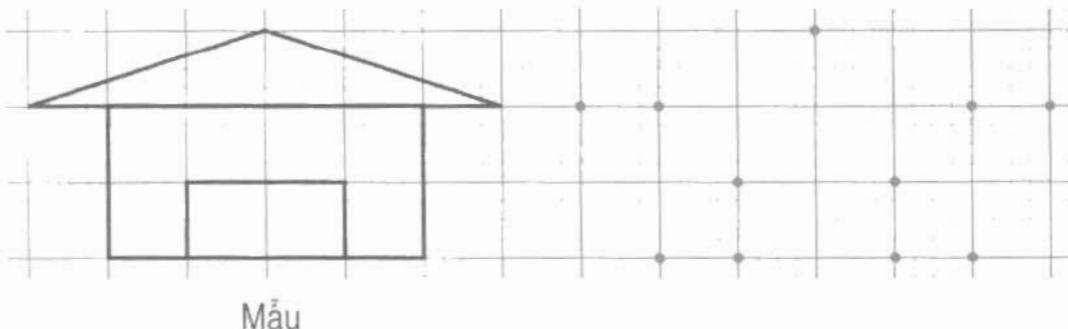
B .

D .

E .

C .

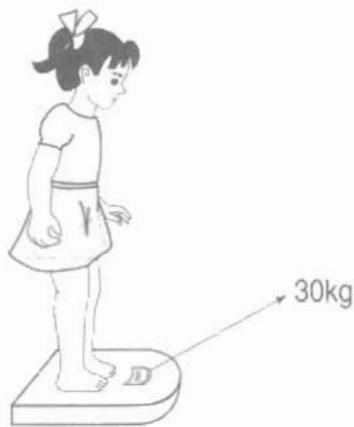
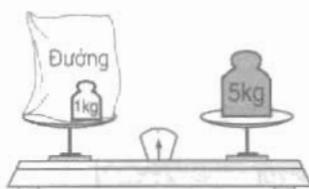
4 Vẽ hình theo mẫu :





## ÔN TẬP VỀ ĐO LƯỜNG

- 1**
- Con vịt cân nặng mấy ki-lô-gam ?
  - Gói đường cân nặng mấy ki-lô-gam ?
  - Lan cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?



- 2** Xem lịch rồi cho biết :

10	Thứ hai	6	13	20	27
	Thứ ba	7	14	21	28
	Thứ tư	1	8	15	22
	Thứ năm	2	9	16	23
	Thứ sáu	3	10	17	24
	Thứ bảy	4	11	18	25
	Chủ nhật	5	12	19	26
11	Thứ hai	3	10	17	24
	Thứ ba	4	11	18	25
	Thứ tư	5	12	19	26
	Thứ năm	6	13	20	27
	Thứ sáu	7	14	21	28
	Thứ bảy	1	8	15	22
	Chủ nhật	2	9	16	23
12	Thứ hai	1	8	15	22
	Thứ ba	2	9	16	23
	Thứ tư	3	10	17	24
	Thứ năm	4	11	18	25
	Thứ sáu	5	12	19	26
	Thứ bảy	6	13	20	27
	Chủ nhật	7	14	21	28

- Tháng 10 có bao nhiêu ngày ? Có mấy ngày chủ nhật ? Đó là các ngày nào ?
- Tháng 11 có bao nhiêu ngày ? Có mấy ngày chủ nhật ? Có mấy ngày thứ năm ?
- Tháng 12 có bao nhiêu ngày ? Có mấy ngày chủ nhật ? Có mấy ngày thứ bảy ? Em được nghỉ các ngày chủ nhật và các ngày thứ bảy, như vậy trong tháng 12 em được nghỉ bao nhiêu ngày ?

**3**

Xem tờ lịch ở bài 2 rồi cho biết :

- a) Ngày 1 tháng 10 là ngày thứ mấy ?  
Ngày 10 tháng 10 là ngày thứ mấy ?
- b) Ngày 20 tháng 11 là ngày thứ mấy ?  
Ngày 30 tháng 11 là ngày thứ mấy ?
- c) Ngày 19 tháng 12 là ngày thứ mấy ?  
Ngày 30 tháng 12 là ngày thứ mấy ?

**4**

a) Các bạn chào cờ lúc mấy giờ ?



b) Các bạn tập thể dục lúc mấy giờ ?





## ÔN TẬP VỀ GIẢI TOÁN

- 1** Một cửa hàng buổi sáng bán được 48 lít dầu, buổi chiều bán được 37 lít dầu. Hỏi cả hai buổi của hàng đó bán được bao nhiêu lít dầu?
- 2** Bình cân nặng 32kg, An nhẹ hơn Bình 6kg. Hỏi An cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?
- 3** Lan hái được 24 bông hoa, Liên hái được nhiều hơn Lan 16 bông hoa. Hỏi Liên hái được bao nhiêu bông hoa?
- 4** Viết số thích hợp vào các ô màu xanh:

1	2	3	4								
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--



## LUYỆN TẬP CHUNG

- 1** Tính nhẩm:

12 – 4 =	9 + 5 =	11 – 5 =	20 – 8 =
15 – 7 =	7 + 7 =	4 + 9 =	20 – 5 =
13 – 5 =	6 + 8 =	16 – 7 =	20 – 4 =

- 2** Đặt tính rồi tính:

28 + 19 ;	73 – 35 ;	53 + 47 ;	90 – 42.
-----------	-----------	-----------	----------

- 3** Tìm  $x$ :

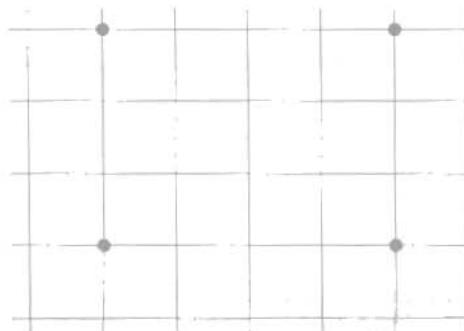
a) $x + 18 = 62$ ;	b) $x - 27 = 37$ ;	c) $40 - x = 8$ .
--------------------	--------------------	-------------------

- 4** Con lợn to cân nặng 92kg, con lợn bé nhẹ hơn con lợn to 16kg. Hỏi con lợn bé cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

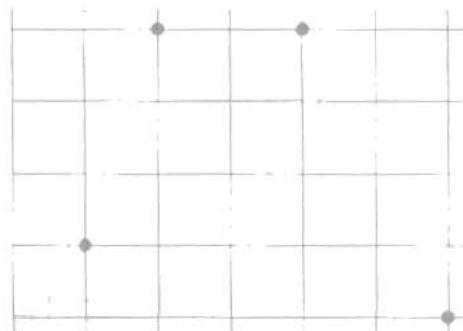
**5**

Dùng thước và bút nối các điểm để có :

a) Hình chữ nhật.



b) Hình tứ giác.



## LUYỆN TẬP CHUNG

**1**

Tính :

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 35 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40 \\ + 60 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - 75 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 39 \\ \hline \end{array}$$

**2**

Tính :

$$14 - 8 + 9 =$$

$$15 - 6 + 3 =$$

$$9 + 9 - 15 =$$

$$5 + 7 - 6 =$$

$$8 + 8 - 9 =$$

$$13 - 5 + 6 =$$

$$16 - 9 + 8 =$$

$$11 - 7 + 8 =$$

$$6 + 6 - 9 =$$

**3**

Viết số thích hợp vào ô trống :

a)

Số hạng	32	12	25	
Số hạng	8		25	35
Tổng		62		85

b)

Số bị trừ	44		64	90
Số trừ	18	36		38
Hiệu		27	34	

**4** Can bé dụng được 14/ dầu, can to dụng được nhiều hơn can bé 8/.  
Hỏi can to dụng được bao nhiêu lít dầu ?

**5** Hãy vẽ một đoạn thẳng dài 5cm. Kéo dài đoạn thẳng đó để được một đoạn thẳng dài 1dm.



## LUYỆN TẬP CHUNG

**1** Đặt tính rồi tính :

a)  $38 + 27$  ;

$54 + 19$  ;

$67 + 5$

b)  $61 - 28$  ;

$70 - 32$  ;

$83 - 8$ .

**2** Tính :

$12 + 8 + 6 =$

$25 + 15 - 30 =$

$36 + 19 - 19 =$

$51 - 19 + 18 =$

**3** Năm nay ông 70 tuổi, bố kém ông 32 tuổi. Hỏi năm nay bố bao nhiêu tuổi ?

**4** Viết số thích hợp vào ô trống :

a)  $75 + 18 = 18 + \boxed{\quad}$  ;

b)  $37 + 26 = \boxed{\quad} + 37$

c)  $44 + \boxed{\quad} = 36 + 44$  ;

d)  $\boxed{\quad} + 9 = 9 + 65$ .

**5** Xem lịch rồi cho biết :

Hôm nay là thứ mấy ? Ngày bao nhiêu và của tháng nào ?

## 5. PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

### TỔNG CỦA NHIỀU SỐ



1.  $2 + 3 + 4 = 9$  hoặc
- |       |   |   |
|-------|---|---|
| 2     | + | 3 |
|       |   | 4 |
| <hr/> |   |   |
- 2 cộng 3 bằng 5,
  - 5 cộng 4 bằng 9, viết 9.
2.  $\begin{array}{r} 12 \\ + 34 \\ \hline 40 \\ - 86 \end{array}$
- 2 cộng 4 bằng 6, 6 cộng 0 bằng 6, viết 6.
  - 1 cộng 3 bằng 4, 4 cộng 4 bằng 8, viết 8.
3.  $\begin{array}{r} 15 \\ + 46 \\ + 29 \\ \hline 8 \\ 98 \end{array}$
- 5 cộng 6 bằng 11, 11 cộng 9 bằng 20,  
20 cộng 8 bằng 28, viết 8, nhớ 2.
  - 1 cộng 4 bằng 5, 5 cộng 2 bằng 7,  
7 thêm 2 bằng 9, viết 9.

1 Tính :  $3 + 6 + 5 =$        $8 + 7 + 5 =$   
 $7 + 3 + 8 =$        $6 + 6 + 6 + 6 =$

2 Tính :  $\begin{array}{r} 14 \\ + 33 \\ \hline 21 \end{array}$        $36$        $15$        $24$   
 $+ 20$        $+ 15$        $+ 15$        $+ 24$   
 $\hline 9$        $15$        $15$        $24$   
 $\hline$

3 **Số ?**

a)   
 $12\text{kg} + \dots \text{kg} + \dots \text{kg} = \dots \text{kg}$

b)   
 $5\text{l} + \dots \text{l} + \dots \text{l} + \dots \text{l} = \dots \text{l}$



## PHÉP NHÂN

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10$$



$2 + 2 + 2 + 2 + 2$  là tổng của 5 số hạng bằng nhau, mỗi số hạng là 2.

Ta chuyển thành **phép nhân**, viết như sau :

$$2 \times 5 = 10$$

Đọc là *Hai nhân năm bằng mười*.

Dấu  $\times$  gọi là dấu nhân.

2 được lấy 5 lần

1 Chuyển tổng các số hạng bằng nhau thành phép nhân (theo mẫu) :

a)



Mẫu :	$4 + 4 = 8$
	$4 \times 2 = 8$

4 được lấy 2 lần

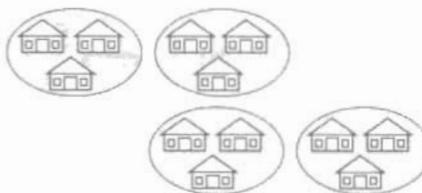
b)



$$5 + 5 + 5 = 15$$

5 được lấy 3 lần

c)



$$3 + 3 + 3 + 3 = 12$$

3 được lấy 4 lần

**2** Viết phép nhân (theo mẫu) :

- a)  $4 + 4 + 4 + 4 + 4 = 20$
- b)  $9 + 9 + 9 = 27$
- c)  $10 + 10 + 10 + 10 + 10 = 50.$

Mẫu :  $4 \times 5 = 20$

**3** Viết phép nhân :

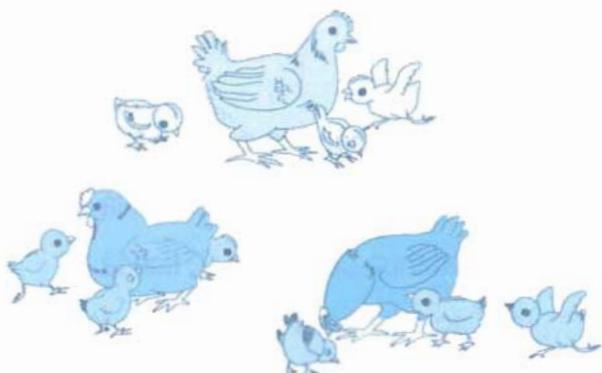
a)



--	--	--	--	--

b)

--	--	--	--	--





## THỦA SỐ - TÍCH

$$\begin{array}{ccc} 2 & \times & 5 \\ \uparrow & & \uparrow \\ \boxed{\text{Thùa số}} & & \boxed{\text{Thùa số}} \\ & = & \\ & & \boxed{\begin{array}{c} 10 \\ \uparrow \\ \text{Tích} \end{array}} \end{array}$$

Chú ý:  $2 \times 5$  cũng gọi là tích.

- 1 Viết các tổng sau dưới dạng tích (theo mẫu) :

Mẫu:  $3 + 3 + 3 + 3 + 3 = 3 \times 5$

a)  $9 + 9 + 9 =$   
b)  $2 + 2 + 2 + 2 =$   
c)  $10 + 10 + 10 =$

- 2 Viết các tích dưới dạng tổng các số hạng bằng nhau rồi tính (theo mẫu) :

Mẫu:  $6 \times 2 = 6 + 6 = 12$ ; vậy  $6 \times 2 = 12$

a)  $5 \times 2$                                   b)  $3 \times 4$   
 $2 \times 5$                                            $4 \times 3$

- 3 Viết phép nhân (theo mẫu), biết :

- a) Các thừa số là 8 và 2, tích là 16  
b) Các thừa số là 4 và 3, tích là 12  
c) Các thừa số là 10 và 2, tích là 20  
d) Các thừa số là 5 và 4, tích là 20.

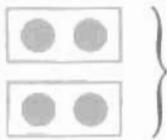
Mẫu:  $8 \times 2 = 16$

## BẢNG NHÂN 2



2 được lấy 1 lần, ta viết :

$$2 \times 1 = 2.$$



2 được lấy 2 lần, ta có :

$$2 \times 2 = 2 + 2 = 4$$

Vậy :  $2 \times 2 = 4$ .



2 được lấy 3 lần, ta có :

$$2 \times 3 = 2 + 2 + 2 = 6$$

Vậy :  $2 \times 3 = 6$ .

$$2 \times 1 = 2$$

$$2 \times 2 = 4$$

$$2 \times 3 = 6$$

$$2 \times 4 = \dots$$

$$2 \times 5 = \dots$$

$$2 \times 6 = \dots$$

$$2 \times 7 = \dots$$

$$2 \times 8 = \dots$$

$$2 \times 9 = \dots$$

$$2 \times 10 = \dots$$

**1** Tính nhẩm :

$$2 \times 2 =$$

$$2 \times 8 =$$

$$2 \times 7 =$$

$$2 \times 4 =$$

$$2 \times 10 =$$

$$2 \times 5 =$$

$$2 \times 6 =$$

$$2 \times 1 =$$

$$2 \times 9 =$$

$$2 \times 3 =$$

**2** Mỗi con gà có 2 chân. Hỏi 6 con gà có bao nhiêu chân ?

**3** Đếm thêm 2 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

2	4	6					14				20
---	---	---	--	--	--	--	----	--	--	--	----



## LUYỆN TẬP

**1** Số ?

$$\begin{array}{c} \times 3 \\ 2 \end{array} \rightarrow \boxed{6}$$

$$\begin{array}{c} \times 8 \\ 2 \end{array} \rightarrow \boxed{\quad}$$

$$\begin{array}{c} \times 5 \\ 2 \end{array} \rightarrow \boxed{\quad}$$

$$\begin{array}{c} \times 2 \\ 2 \end{array} \rightarrow \boxed{\quad} \xrightarrow{+ 5} \boxed{\quad}$$

$$\begin{array}{c} \times 4 \\ 2 \end{array} \rightarrow \boxed{\quad} \xrightarrow{- 6} \boxed{\quad}$$

**2** Tính (theo mẫu) :

$$2\text{cm} \times 3 = 6\text{cm}$$

$$2\text{kg} \times 4 =$$

$$2\text{cm} \times 5 =$$

$$2\text{kg} \times 6 =$$

$$2\text{dm} \times 8 =$$

$$2\text{kg} \times 9 =$$

**3** Mỗi xe đạp có 2 bánh xe. Hỏi 8 xe đạp có bao nhiêu bánh xe ?

**4** Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

$\times$	4	6	9	10	7	5	8	2
2	8	-	-	-	-	-	-	-

**5** Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Thừa số	2	2	2	2	2	2
Thừa số	4	5	7	9	10	2
Tích	8	-	-	-	-	-



## BÀNG NHÂN 3



3 được lấy 1 lần, ta viết :  
 $3 \times 1 = 3$ .



3 được lấy 2 lần, ta có :  
 $3 \times 2 = 3 + 3 = 6$   
 Vậy :  $3 \times 2 = 6$ .



3 được lấy 3 lần, ta có :  
 $3 \times 3 = 3 + 3 + 3 = 9$   
 Vậy :  $3 \times 3 = 9$ .

$3 \times 1 = 3$

$3 \times 2 = \dots$

$3 \times 3 = \dots$

$3 \times 4 = \dots$

$3 \times 5 = \dots$

$3 \times 6 = \dots$

$3 \times 7 = \dots$

$3 \times 8 = \dots$

$3 \times 9 = \dots$

$3 \times 10 = \dots$

1 Tính nhẩm :

$3 \times 3 =$

$3 \times 8 =$

$3 \times 1 =$

$3 \times 5 =$

$3 \times 4 =$

$3 \times 10 =$

$3 \times 9 =$

$3 \times 2 =$

$3 \times 6 =$

$3 \times 7 =$

2 Mỗi nhóm có 3 học sinh, có 10 nhóm như vậy. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh ?

3 Đếm thêm 3 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

3	6	9				21			30
---	---	---	--	--	--	----	--	--	----



## LUYÊN TẬP

**1** Số ?

$$\begin{array}{ccc} 3 & \times 3 & \bigcirc \\ 3 & \times 8 & \bigcirc \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} 3 & \times 9 & \bigcirc \\ 3 & \times 5 & \bigcirc \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} 3 & \times 6 & \bigcirc \\ 3 & \times 7 & \bigcirc \end{array}$$

**2** Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :

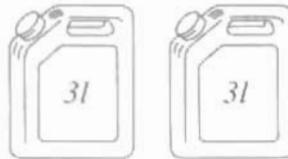
$$\begin{array}{ccc} 3 & \times 4 & \bigcirc \\ 3 & \times \dots & \bigcirc \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} 3 & \times \dots & \bigcirc \\ 3 & \times \dots & \bigcirc \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} 3 & \times \dots & \bigcirc \\ 3 & \times \dots & \bigcirc \end{array}$$

**3** Mỗi can đựng được 3l dầu.

Hỏi 5 can như thế đựng  
được bao nhiêu lít dầu ?



**4** Mỗi túi có 3kg gạo. Hỏi  
8 túi như thế có tất cả  
bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?



**5** Số ?

- a) 3 ; 6 ; 9 ; ... ; ... .
- b) 10 ; 12 ; 14 ; ... ; ... .
- c) 21 ; 24 ; 27 ; ... ; ... .

## BẢNG NHÂN 4



4 được lấy 1 lần, ta viết :

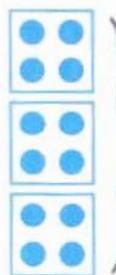
$$4 \times 1 = 4.$$



4 được lấy 2 lần, ta có :

$$4 \times 2 = 4 + 4 = 8$$

Vậy :  $4 \times 2 = 8.$



4 được lấy 3 lần, ta có :

$$4 \times 3 = 4 + 4 + 4 = 12$$

Vậy :  $4 \times 3 = 12.$

$$4 \times 1 = \dots$$

$$4 \times 2 = \dots$$

$$4 \times 3 = \dots$$

$$4 \times 4 = \dots$$

$$4 \times 5 = \dots$$

$$4 \times 6 = \dots$$

$$4 \times 7 = \dots$$

$$4 \times 8 = \dots$$

$$4 \times 9 = \dots$$

$$4 \times 10 = \dots$$

### 1 Tính nhẩm :

$$4 \times 2 =$$

$$4 \times 1 =$$

$$4 \times 8 =$$

$$4 \times 4 =$$

$$4 \times 3 =$$

$$4 \times 9 =$$

$$4 \times 6 =$$

$$4 \times 5 =$$

$$4 \times 10 =$$

$$4 \times 7 =$$

2 Mỗi xe ô tô có 4 bánh xe. Hỏi 5 xe ô tô nhu thế có bao nhiêu bánh xe ?

3 Đếm thêm 4 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

4	8	12			24				40
---	---	----	--	--	----	--	--	--	----



## LUYỆN TẬP

### 1 Tính nhẩm :

a)  $4 \times 4 =$        $4 \times 9 =$        $4 \times 6 =$

$4 \times 5 =$        $4 \times 2 =$        $4 \times 10 =$

$4 \times 8 =$        $4 \times 7 =$        $4 \times 1 =$

b)  $2 \times 3 =$        $2 \times 4 =$        $4 \times 3 =$

$3 \times 2 =$        $4 \times 2 =$        $3 \times 4 =$

### 2 Tính (theo mẫu) :

Mẫu :  $4 \times 3 + 8 = 12 + 8$   
                        = 20

a)  $4 \times 8 + 10 =$

b)  $4 \times 9 + 14 =$

c)  $4 \times 10 + 60 =$

3 Mỗi học sinh được mượn 4 quyển sách. Hỏi 5 học sinh được mượn bao nhiêu quyển sách ?

### 4 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

$4 \times 3 = ?$

A . 7

B . 1

C . 12

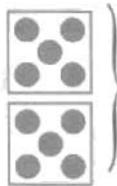
D . 43

# BÀNG NHÂN 5



5 được lấy 1 lần, ta viết :

$$5 \times 1 = 5.$$



5 được lấy 2 lần, ta có :

$$5 \times 2 = 5 + 5 = 10$$

Vậy :  $5 \times 2 = 10.$



5 được lấy 3 lần, ta có :

$$5 \times 3 = 5 + 5 + 5 = 15$$

Vậy :  $5 \times 3 = 15.$

$$5 \times 1 = \dots$$

$$5 \times 2 = \dots$$

$$5 \times 3 = \dots$$

$$5 \times 4 = \dots$$

$$5 \times 5 = \dots$$

$$5 \times 6 = \dots$$

$$5 \times 7 = \dots$$

$$5 \times 8 = \dots$$

$$5 \times 9 = \dots$$

$$5 \times 10 = \dots$$

## 1 Tính nhẩm :

$$5 \times 3 =$$

$$5 \times 2 =$$

$$5 \times 10 =$$

$$5 \times 5 =$$

$$5 \times 4 =$$

$$5 \times 9 =$$

$$5 \times 7 =$$

$$5 \times 6 =$$

$$5 \times 8 =$$

$$5 \times 1 =$$

2 Mỗi tuần lễ mẹ đi làm 5 ngày. Hỏi 4 tuần lễ mẹ đi làm bao nhiêu ngày ?

3 Đếm thêm 5 rồi viết số thích hợp vào ô trống :

5	10	15			30				50
---	----	----	--	--	----	--	--	--	----



## LUYỆN TẬP

### 1 Tính nhẩm :

a) $5 \times 3 =$	$5 \times 8 =$	$5 \times 2 =$
$5 \times 4 =$	$5 \times 7 =$	$5 \times 9 =$
$5 \times 5 =$	$5 \times 6 =$	$5 \times 10 =$
b) $2 \times 5 =$	$5 \times 3 =$	$5 \times 4 =$
$5 \times 2 =$	$3 \times 5 =$	$4 \times 5 =$

### 2 Tính (theo mẫu) :

a)  $5 \times 7 - 15 =$   
b)  $5 \times 8 - 20 =$   
c)  $5 \times 10 - 28 =$

Mẫu :  $5 \times 4 - 9 = 20 - 9 = 11$

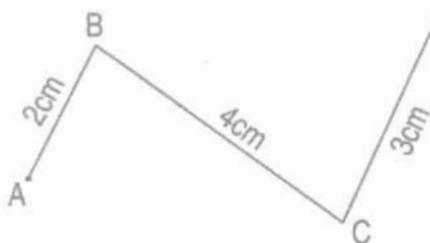
3 Mỗi ngày Liên học 5 giờ, mỗi tuần lẽ Liên học 5 ngày. Hỏi mỗi tuần lẽ Liên học bao nhiêu giờ ?

4 Mỗi can đựng được 5 lít dầu. Hỏi 10 can như thế đựng được bao nhiêu lít dầu ?

### 5 Số ?

- a) 5 ; 10 ; 15 ; 20 ; ... ; ...  
b) 5 ; 8 ; 11 ; 14 ; ... ; ...

# DƯỜNG GẤP KHÚC - ĐỘ DÀI DƯỜNG GẤP KHÚC



**Đường gấp khúc ABCD.**

- Đường gấp khúc ABCD gồm ba đoạn thẳng : AB, BC và CD.
- Độ dài đường gấp khúc ABCD là tổng độ dài các đoạn thẳng AB, BC, CD :  $2\text{cm} + 4\text{cm} + 3\text{cm} = 9\text{cm}$ .

**1** Nối các điểm để được đường gấp khúc gồm :

a) Hai đoạn thẳng.



b) Ba đoạn thẳng.



**2** Tính độ dài đường gấp khúc (theo mẫu) :



Mẫu : *Bài giải*

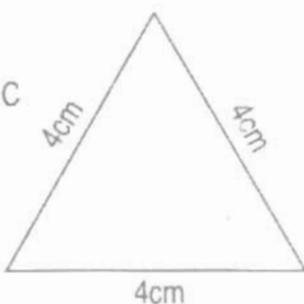
Độ dài đường gấp khúc MNPQ là :

$$3 + 2 + 4 = 9 \text{ (cm)}$$

Đáp số : 9cm.



**3** Một đoạn dây đồng được uốn thành hình tam giác như hình vẽ.  
Tính độ dài đoạn dây đồng đó.

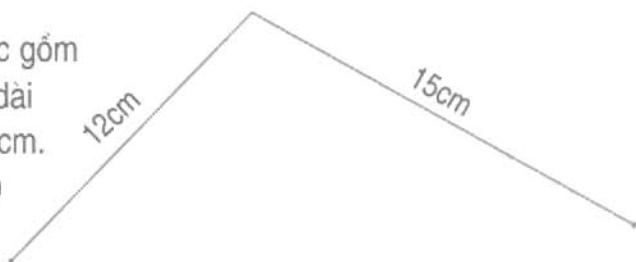




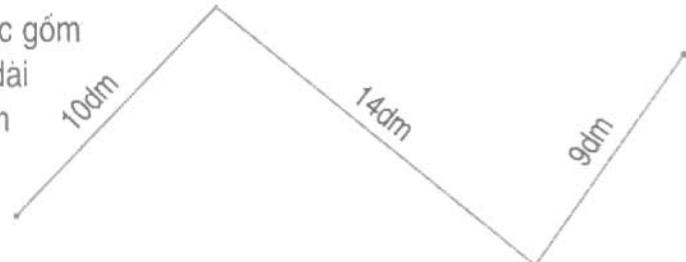
## LUYỆN TẬP

1

- a) Một đường gấp khúc gồm hai đoạn thẳng có độ dài lần lượt là 12cm và 15cm. Tính độ dài đường gấp khúc đó.

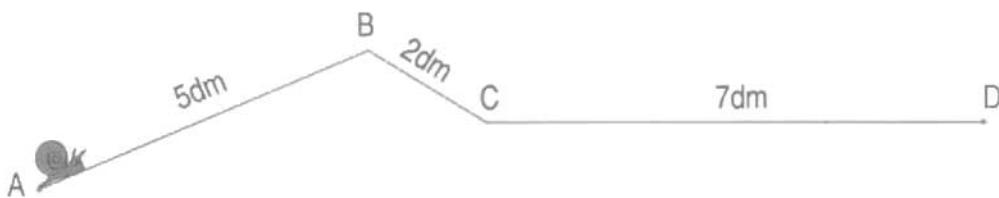


- b) Một đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng có độ dài lần lượt là 10dm, 14dm và 9dm. Tính độ dài đường gấp khúc đó.



2

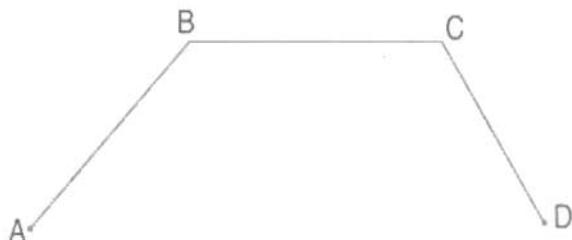
- Con ốc sên bò từ A đến D (như hình vẽ). Hỏi con ốc sên phải bò đoạn đường dài bao nhiêu đế-xi-mét ?



3

- Ghi tên các đường gấp khúc có trong hình vẽ sau, biết :

- a) Đường gấp khúc đó gồm ba đoạn thẳng.



- b) Đường gấp khúc đó gồm hai đoạn thẳng.



**1** Tính nhẩm :

$2 \times 6 =$

$2 \times 8 =$

$5 \times 9 =$

$3 \times 5 =$

$3 \times 6 =$

$3 \times 8 =$

$2 \times 9 =$

$4 \times 5 =$

$4 \times 6 =$

$4 \times 8 =$

$4 \times 9 =$

$2 \times 5 =$

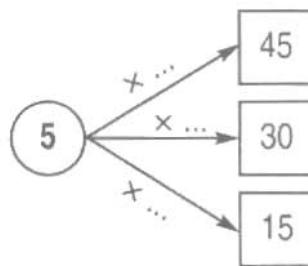
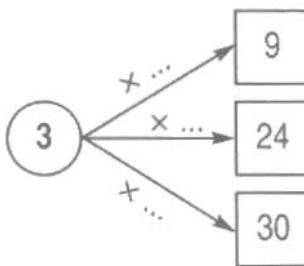
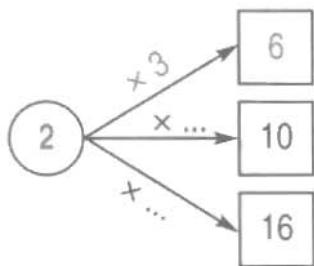
$5 \times 6 =$

$5 \times 8 =$

$3 \times 9 =$

$5 \times 5 =$

**2** Viết số thích hợp vào chỗ chấm (theo mẫu) :



**3** Tính :

a)  $5 \times 5 + 6 =$  ;

b)  $4 \times 8 - 17 =$

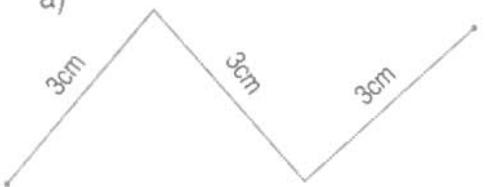
c)  $2 \times 9 - 18 =$  ;

d)  $3 \times 7 + 29 =$

**4** Mỗi đòn đũa có 2 chiếc đũa. Hỏi 7 đòn đũa có bao nhiêu chiếc đũa ?

**5** Tính độ dài mỗi đường gấp khúc sau :

a)



b)





## LUYỆN TẬP CHUNG

**1** Tính nhẩm :

$$2 \times 5 =$$

$$3 \times 7 =$$

$$4 \times 4 =$$

$$5 \times 10 =$$

$$2 \times 9 =$$

$$3 \times 4 =$$

$$4 \times 3 =$$

$$4 \times 10 =$$

$$2 \times 4 =$$

$$3 \times 3 =$$

$$4 \times 7 =$$

$$3 \times 10 =$$

$$2 \times 2 =$$

$$3 \times 2 =$$

$$4 \times 2 =$$

$$2 \times 10 =$$

**2** Viết số thích hợp vào ô trống :

Thừa số	2	5	4	3	5	3	2	4
Thừa số	6	9	8	7	8	9	7	4
Tích								



**3**



$$2 \times 3 \dots 3 \times 2$$

$$4 \times 9 \dots 5 \times 9$$

$$4 \times 6 \dots 4 \times 3$$

$$5 \times 2 \dots 2 \times 5$$

$$5 \times 8 \dots 5 \times 4$$

$$3 \times 10 \dots 5 \times 4$$

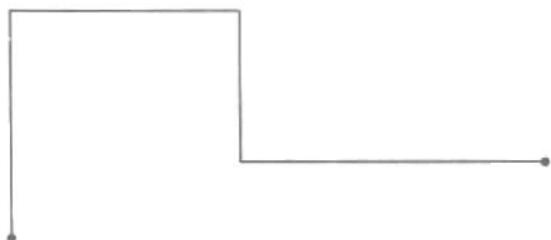
**4**

Mỗi học sinh được mượn 5 quyển truyện. Hỏi 8 học sinh được mượn bao nhiêu quyển truyện ?

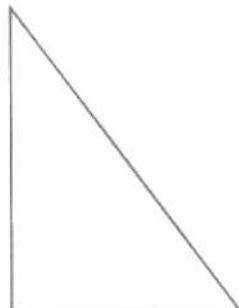
**5**

Đo rồi tính độ dài mỗi đường gấp khúc :

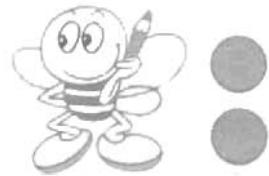
a)



b)



## PHÉP CHIA



6 ô chia thành 2 phần bằng nhau, mỗi phần có 3 ô.



- Ta có *phép chia* để tìm số ô trong mỗi phần :

$$6 : 2 = 3.$$

$$3 \times 2 = 6$$

Đọc là *Sáu chia hai bằng ba*.

Dấu : gọi là *dấu chia*.

Viết là  $6 : 2 = 3$ .

- Ta có *phép chia* để tìm số phần, mỗi phần có 3 ô :

$$6 : 3 = 2.$$

Đọc là *Sáu chia ba bằng hai*.

Viết là  $6 : 3 = 2$ .

- Nhận xét :

$$\begin{array}{ccc} & 6 : 2 = 3 & \\ 3 \times 2 = 6 & \swarrow & \searrow \\ & 6 : 3 = 2 & \end{array}$$

- Cho phép nhận, viết hai phép chia (theo mẫu) :



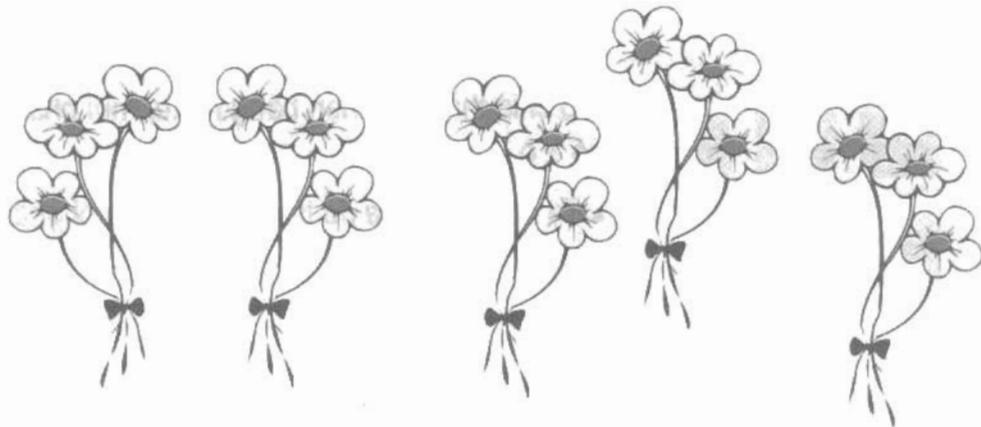
Mẫu :

$$4 \times 2 = 8$$

$$8 : 2 = 4$$

$$8 : 4 = 2$$

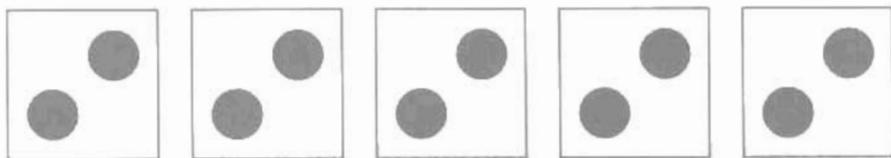
a)  $3 \times 5 = 15$



b)  $4 \times 3 = 12$



c)  $2 \times 5 = 10$



2

Tính :

a)  $3 \times 4 =$

$12 : 3 =$

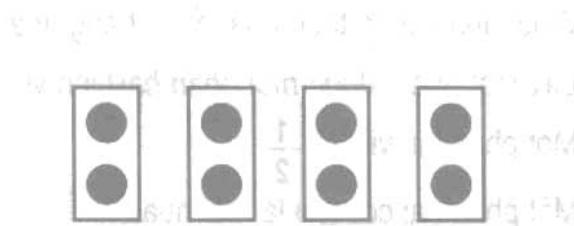
$12 : 4 =$

b)  $4 \times 5 =$

$20 : 4 =$

$20 : 5 =$

## BẢNG CHIA 2



$$2 \times 4 = 8$$

$$8 : 2 = 4$$

$$\begin{aligned} 2 : 2 &= 1 \\ 4 : 2 &= 2 \\ 6 : 2 &= 3 \\ 8 : 2 &= 4 \\ 10 : 2 &= \dots \\ 12 : 2 &= \dots \\ 14 : 2 &= \dots \\ 16 : 2 &= \dots \\ 18 : 2 &= \dots \\ 20 : 2 &= \dots \end{aligned}$$

**1** Tính nhẩm :

$$6 : 2 =$$

$$2 : 2 =$$

$$20 : 2 =$$

$$4 : 2 =$$

$$8 : 2 =$$

$$14 : 2 =$$

$$10 : 2 =$$

$$12 : 2 =$$

$$18 : 2 =$$

$$16 : 2 =$$

**2** Có 12 cái kẹo chia đều cho 2 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy cái kẹo ?

**3** Mỗi số 4, 6, 7, 8, 10 là kết quả của phép tính nào ?

$$12 : 2$$

$$20 : 2$$

4

6

7

8

10

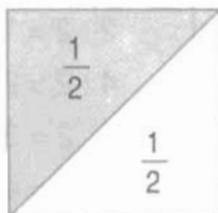
$$8 : 2$$

$$16 : 2$$

$$14 : 2$$



## MỘT PHẦN HAI



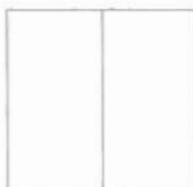
Chia hình vuông thành hai phần bằng nhau.

Lấy một phần, được **một phần hai** hình vuông.

Một phần hai viết là  $\frac{1}{2}$ .

Một phần hai còn gọi là một nửa.

**1** Đã tô màu  $\frac{1}{2}$  hình nào ?



A



B



C



D

**2** Hình nào có  $\frac{1}{2}$  số ô vuông được tô màu ?



A



B



C



D

**3** Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{2}$  số con cá ?

a)



b)





## LUYÊN TẬP

1 Tính nhẩm :

$$8 : 2 =$$

$$10 : 2 =$$

$$14 : 2 =$$

$$18 : 2 =$$

$$16 : 2 =$$

$$6 : 2 =$$

$$20 : 2 =$$

$$12 : 2 =$$

2 Tính nhẩm :

$$2 \times 6 =$$

$$2 \times 8 =$$

$$2 \times 2 =$$

$$2 \times 1 =$$

$$12 : 2 =$$

$$16 : 2 =$$

$$4 : 2 =$$

$$2 : 2 =$$

3 Có 18 lá cờ chia đều cho 2 tổ. Hỏi mỗi tổ được mấy lá cờ ?

4 Có 20 học sinh xếp thành các hàng, mỗi hàng có 2 bạn. Hỏi tất cả có mấy hàng ?

5 Hình nào có  $\frac{1}{2}$  số con chim đang bay ?

a)



b)



c)





## SỐ BỊ CHIA - SỐ CHIA - THƯƠNG



*Chú ý :*  $6 : 2$  cũng gọi là thương.

- 1** Tính rồi điền số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương
$8 : 2 = 4$	8	2	4
$10 : 2 =$			
$14 : 2 =$			
$18 : 2 =$			
$20 : 2 =$			

- 2** Tính nhẩm :

$$2 \times 3 = \quad 2 \times 4 = \quad 2 \times 5 = \quad 2 \times 6 =$$

$$6 : 2 = \quad 8 : 2 = \quad 10 : 2 = \quad 12 : 2 =$$

- 3** Viết phép chia và số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Phép nhân	Phép chia	Số bị chia	Số chia	Thương
$2 \times 4 = 8$	$8 : 2 = 4$	8	2	4
	$8 : 4 = 2$			
$2 \times 6 = 12$				
$2 \times 9 = 18$				

## BÀNG CHIA 3



$$3 \times 4 = 12$$

$$12 : 3 = 4$$

$$3 : 3 = 1$$

$$6 : 3 = 2$$

$$9 : 3 = 3$$

$$12 : 3 = 4$$

$$15 : 3 = \dots$$

$$18 : 3 = \dots$$

$$21 : 3 = \dots$$

$$24 : 3 = \dots$$

$$27 : 3 = \dots$$

$$30 : 3 = \dots$$

**1** Tính nhẩm :

$$6 : 3 =$$

$$3 : 3 =$$

$$15 : 3 =$$

$$9 : 3 =$$

$$12 : 3 =$$

$$30 : 3 =$$

$$18 : 3 =$$

$$21 : 3 =$$

$$24 : 3 =$$

$$27 : 3 =$$

**2** Có 24 học sinh chia đều thành 3 tổ. Hỏi mỗi tổ có mấy học sinh ?

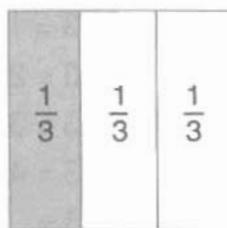
**3** Số ?

Số bị chia	12	21	27	30	3	15	24	18
Số chia	3	3	3	3	3	3	3	3
Thương								





## MỘT PHẦN BA

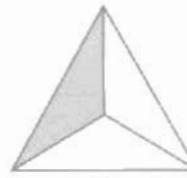
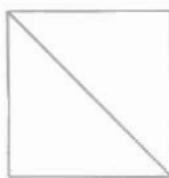
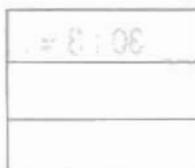


Chia hình vuông thành ba phần bằng nhau.

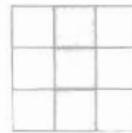
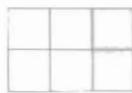
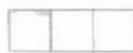
Lấy một phần, được **một phần ba** hình vuông.

Một phần ba viết là  $\frac{1}{3}$ .

- 1** Đá tô màu  $\frac{1}{3}$  hình nào ?



- 2** Hình nào có  $\frac{1}{3}$  số ô vuông được tô màu ?

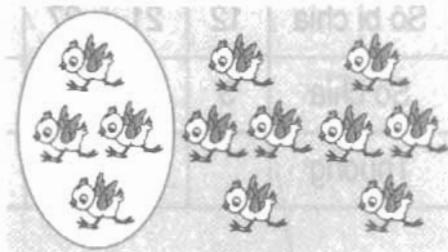


- 3** Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{3}$  số con gà ?

a)



b)



**1** Tính nhẩm :

$6 : 3 =$

$12 : 3 =$

$15 : 3 =$

$30 : 3 =$

$9 : 3 =$

$27 : 3 =$

$24 : 3 =$

$18 : 3 =$

**2** Tính nhẩm :

$3 \times 6 =$

$3 \times 9 =$

$3 \times 3 =$

$3 \times 1 =$

$18 : 3 =$

$27 : 3 =$

$9 : 3 =$

$3 : 3 =$

**3** Tính (theo mẫu) :

$8\text{cm} : 2 = 4\text{cm}$

$9\text{kg} : 3 =$

$15\text{cm} : 3 =$

$21\text{l} : 3 =$

$14\text{cm} : 2 =$

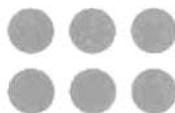
$10\text{dm} : 2 =$

**4** Có 15kg gạo chia đều vào 3 túi. Hỏi mỗi túi có mấy ki-lô-gam gạo ?**5** Có 27l dầu rót vào các can, mỗi can 3l. Hỏi rót được mấy can dầu ?



# TÌM MỘT THÙA SỐ CỦA PHÉP NHÂN

## 1. Nhận xét



$$\begin{array}{ccccc} & 2 & \times & 3 & = \\ \uparrow & & & \uparrow & \\ \boxed{\text{Thùa số}} & & & \boxed{\text{Thùa số}} & \\ & & & & \boxed{\text{Tích}} \\ & & & & \begin{array}{l} 6 : 2 = 3 \\ 6 : 3 = 2 \end{array} \end{array}$$

## 2. Tìm thừa số $x$ chưa biết

$$x \times 2 = 8$$

$$x = 8 : 2$$

$$x = 4$$

$$3 \times x = 15$$

$$x = 15 : 3$$

$$x = 5$$

*Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.*

### 1 Tính nhẩm :

$$2 \times 4 =$$

$$3 \times 4 =$$

$$3 \times 1 =$$

$$8 : 2 =$$

$$12 : 3 =$$

$$3 : 3 =$$

$$8 : 4 =$$

$$12 : 4 =$$

$$3 : 1 =$$

### 2 Tìm $x$ (theo mẫu) :

a) 
$$\begin{array}{l} x \times 2 = 10 \\ \quad x = 10 : 2 \\ \quad x = 5 \end{array}$$

b)  $x \times 3 = 12 ;$

c)  $3 \times x = 21.$

### 3 Tìm $y$ :

a)  $y \times 2 = 8 ;$

b)  $y \times 3 = 15 ;$

c)  $2 \times y = 20.$

### 4 Có 20 học sinh ngồi học, mỗi bàn có 2 học sinh. Hỏi có tất cả bao nhiêu bàn học ?

# LUYÊN TẬP



**1** Tìm  $x$ :

a)  $x \times 2 = 4$ ;      b)  $2 \times x = 12$ ;      c)  $3 \times x = 27$ .

**2** Tìm  $y$ :

a)  $y + 2 = 10$ ;      b)  $y \times 2 = 10$ ;      c)  $2 \times y = 10$ .

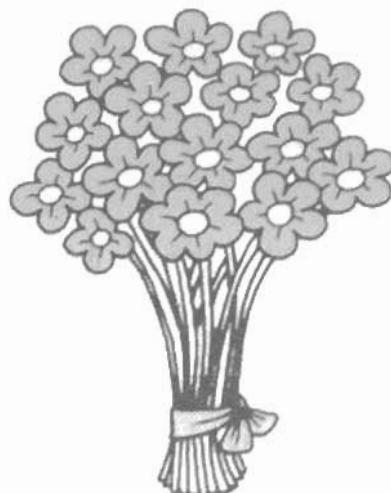
**3** Viết số thích hợp vào ô trống:

Thừa số	2	2	2		3	3
Thừa số	6		3	2	5	
Tích		12		6		15



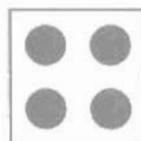
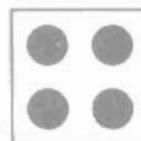
**4** Có 12kg gạo chia đều vào 3 túi. Hỏi mỗi túi có mấy ki-lô-gam gạo?

**5** Có 15 bông hoa cẩm vào các lọ, mỗi lọ 3 bông hoa. Hỏi cẩm được mấy lọ hoa?





## BẢNG CHIA 4



$$4 \times 3 = 12$$

$$12 : 4 = 3$$

$$4 : 4 = 1$$

$$8 : 4 = 2$$

$$12 : 4 = 3$$

$$16 : 4 = 4$$

$$20 : 4 = 5$$

$$24 : 4 = \dots$$

$$28 : 4 = \dots$$

$$32 : 4 = \dots$$

$$36 : 4 = \dots$$

$$40 : 4 = \dots$$

**1** Tính nhẩm :

$$8 : 4 =$$

$$12 : 4 =$$

$$24 : 4 =$$

$$16 : 4 =$$

$$40 : 4 =$$

$$20 : 4 =$$

$$4 : 4 =$$

$$28 : 4 =$$

$$36 : 4 =$$

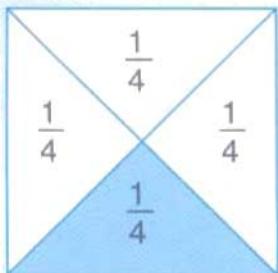
$$32 : 4 =$$

**2** Có 32 học sinh xếp thành 4 hàng đều nhau. Hỏi mỗi hàng có mấy học sinh ?

**3** Có 32 học sinh xếp thành các hàng, mỗi hàng có 4 học sinh. Hỏi xếp được mấy hàng ?



## MỘT PHẦN TƯ

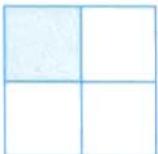


Chia hình vuông thành bốn phần bằng nhau.

Lấy một phần, được **một phần tư** hình vuông.

Một phần tư viết là  $\frac{1}{4}$ .

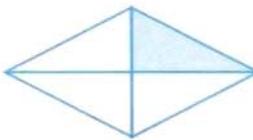
1 Đá tô màu  $\frac{1}{4}$  hình nào ?



A



B



C



D

2 Hình nào có  $\frac{1}{4}$  số ô vuông đã được tô màu ?



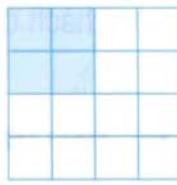
A



B



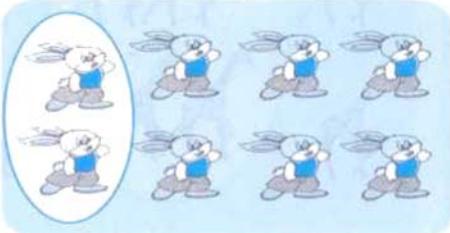
C



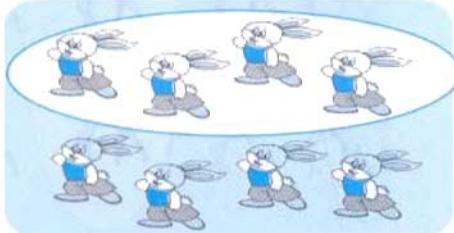
D

3 Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{4}$  số con thỏ ?

a)



b)





## LUYỆN TẬP

### 1 Tính nhẩm :

$8 : 4 =$

$12 : 4 =$

$20 : 4 =$

$28 : 4 =$

$36 : 4 =$

$24 : 4 =$

$40 : 4 =$

$32 : 4 =$

### 2 Tính nhẩm :

$4 \times 3 =$

$4 \times 2 =$

$4 \times 1 =$

$4 \times 4 =$

$12 : 4 =$

$8 : 4 =$

$4 : 4 =$

$16 : 4 =$

$12 : 3 =$

$8 : 2 =$

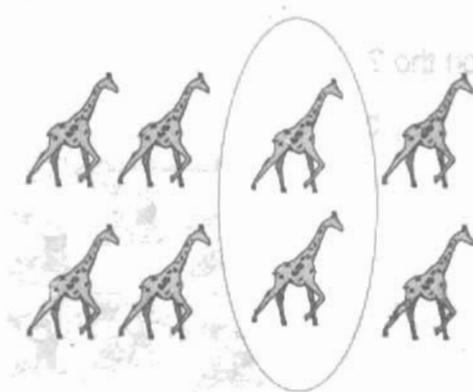
$4 : 1 =$

3 Có 40 học sinh chia đều thành 4 tổ. Hỏi mỗi tổ có mấy học sinh ?

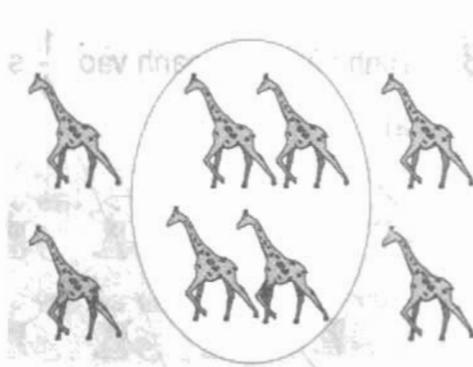
4 Có 12 người khách cần sang sông, mỗi thuyền đều chở 4 người khách (không kể người lái thuyền). Hỏi cần mấy thuyền để chở hết số khách đó ?

5 Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{4}$  số con hươu ?

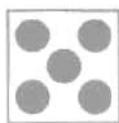
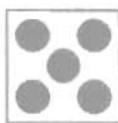
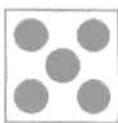
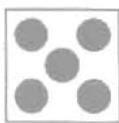
a)



b)



## BÀNG CHIA 5



$$5 \times 4 = 20$$

$$20 : 5 = 4$$

$$5 : 5 = 1$$

$$10 : 5 = 2$$

$$15 : 5 = 3$$

$$20 : 5 = 4$$

$$25 : 5 = \dots$$

$$30 : 5 = \dots$$

$$35 : 5 = \dots$$

$$40 : 5 = \dots$$

$$45 : 5 = \dots$$

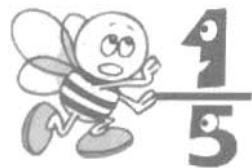
$$50 : 5 = \dots$$

**1** Số ?

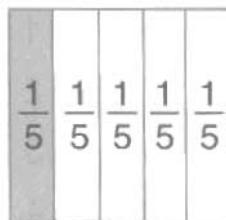
Số bị chia	10	20	30	40	50	45	35	25	15	5
Số chia	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
Thương										

**2** Có 15 bông hoa cắm đều vào 5 bình hoa. Hỏi mỗi bình có mấy bông hoa ?

**3** Có 15 bông hoa cắm vào các bình hoa, mỗi bình có 5 bông. Hỏi cắm được mấy bình hoa ?



## MỘT PHẦN NĂM

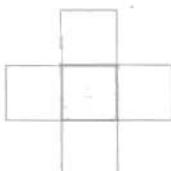


Chia hình vuông thành năm phần bằng nhau.

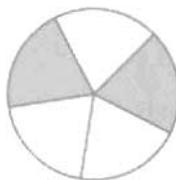
Lấy một phần, được **một phần năm** hình vuông.

Một phần năm viết là  $\frac{1}{5}$ ,

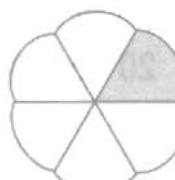
- 1** Đã tô màu  $\frac{1}{5}$  hình nào ?



A



B



C

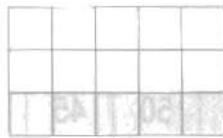


D

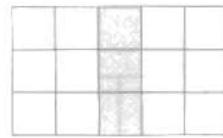
- 2** Hình nào đã tô màu  $\frac{1}{5}$  số ô vuông ?



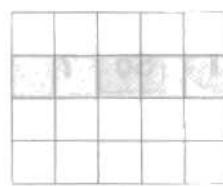
A



B



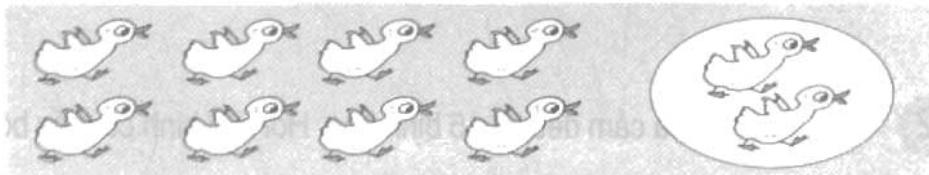
C



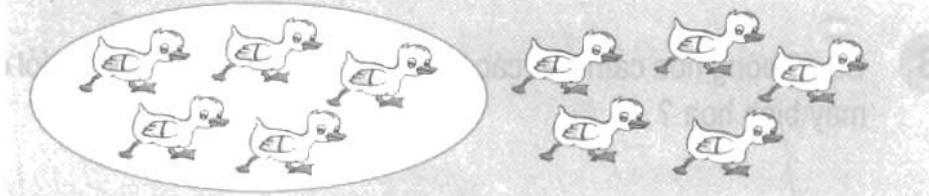
D

- 3** Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{5}$  số con vịt ?

a)



b)





**1** Tính nhẩm :

$$\begin{array}{llll} 10 : 5 = & 15 : 5 = & 20 : 5 = & 25 : 5 = \\ 30 : 5 = & 45 : 5 = & 35 : 5 = & 50 : 5 = \end{array}$$

**2** Tính nhẩm :

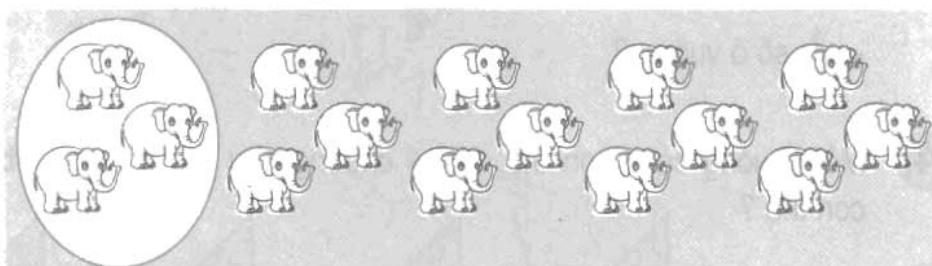
$$\begin{array}{llll} 5 \times 2 = & 5 \times 3 = & 5 \times 4 = & 5 \times 1 = \\ 10 : 2 = & 15 : 3 = & 20 : 4 = & 5 : 1 = \\ 10 : 5 = & 15 : 5 = & 20 : 5 = & 5 : 5 = \end{array}$$

**3** Có 35 quyển vở chia đều cho 5 bạn. Hỏi mỗi bạn có mấy quyển vở ?

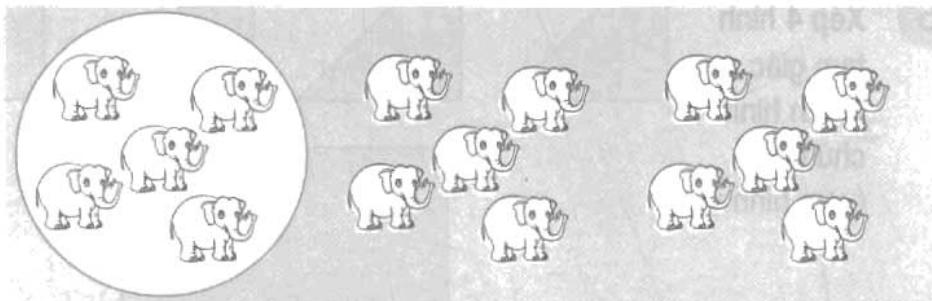
**4** Có 25 quả cam xếp vào các đĩa, mỗi đĩa 5 quả. Hỏi xếp được vào mấy đĩa ?

**5** Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{5}$  số con voi ?

a)



b)





## LUYỆN TẬP CHUNG

**1** Tính (theo mẫu) :

Mẫu :	$3 \times 4 : 2 = 12 : 2$
	$= 6$

a)  $5 \times 6 : 3 =$       b)  $6 : 3 \times 5 =$       c)  $2 \times 2 \times 2 =$

**2** Tìm  $x$  :

a)  $x + 2 = 6$

$x = 6 - 2$

b)  $3 + x = 15$

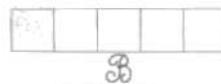
$x = 15 - 3$

**3** Hình nào đã được tô màu :

- $\frac{1}{2}$  số ô vuông ?



A



B

- $\frac{1}{3}$  số ô vuông ?



C

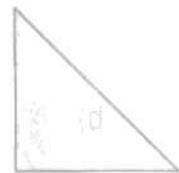
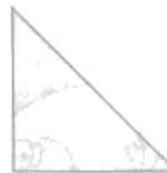


D

- $\frac{1}{4}$  số ô vuông ?

- $\frac{1}{5}$  số ô vuông ?

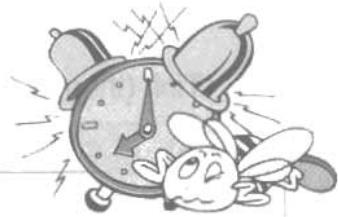
**4** Mỗi chuồng có 5 con thỏ. Hỏi 4 chuồng như thế có tất cả bao nhiêu con thỏ ?



**5** Xếp 4 hình tam giác thành hình chữ nhật  
(xem hình vẽ) :



# GIỜ, PHÚT



1 giờ = 60 phút



8 giờ



8 giờ 15 phút



8 giờ 30 phút  
hay là 8 giờ rưỡi

## 1 Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C



D

## 2 Mỗi tranh vẽ ứng với đồng hồ nào ?



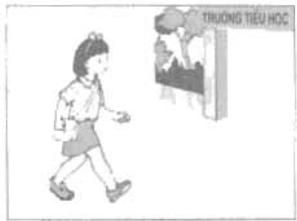
Mai ngủ dậy lúc 6 giờ.



C



D



Mai đến trường  
lúc 7 giờ 15 phút.



Mai ăn sáng lúc  
6 giờ 15 phút.



Mai tan học về  
lúc 11 giờ 30 phút.

3

Tính (theo mẫu) :

a)  $1 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ} = 3 \text{ giờ}$

b)  $5 \text{ giờ} - 2 \text{ giờ} = 3 \text{ giờ}$

$5 \text{ giờ} + 2 \text{ giờ} =$

$9 \text{ giờ} - 3 \text{ giờ} =$

$4 \text{ giờ} + 6 \text{ giờ} =$

$12 \text{ giờ} - 8 \text{ giờ} =$

$8 \text{ giờ} + 7 \text{ giờ} =$

$16 \text{ giờ} - 10 \text{ giờ} =$



## THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

1

Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C



D

2

Mỗi câu dưới đây ứng với đồng hồ nào ?

- a) An vào học lúc 13 giờ 30 phút.
- b) An ra chơi lúc 15 giờ.
- c) An vào học tiếp lúc 15 giờ 15 phút.
- d) An tan học lúc 16 giờ 30 phút.
- e) An tưới rau lúc 5 giờ 30 phút chiều.
- g) An ăn cơm lúc 7 giờ tối.



3

Quay kim trên mặt đồng hồ để đồng hồ chỉ :

2 giờ ; 1 giờ 30 phút ; 6 giờ 15 phút ; 5 giờ ruồi.

# LUYỆN TẬP



**1**



- a) Nam cùng các bạn đến vườn thú lúc mấy giờ ?



- b) Nam và các bạn đến chuồng voi lúc mấy giờ ?



- c) Nam và các bạn đến chuồng hổ lúc mấy giờ ?



- d) Nam và các bạn ngồi nghỉ lúc mấy giờ ?



- e) Nam và các bạn ra về lúc mấy giờ ?

**2**

- a) Hà đến trường lúc 7 giờ, Toàn đến trường lúc 7 giờ 15 phút. Ai đến trường sớm hơn ?
- b) Ngọc đi ngủ lúc 21 giờ, Quyên đi ngủ lúc 21 giờ 30 phút. Ai đi ngủ muộn hơn ?

**3**

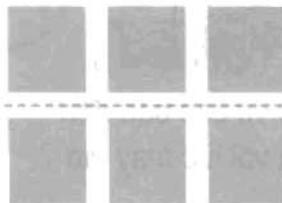
Điền giờ hoặc phút vào chỗ chấm thích hợp :

- a) Mỗi ngày Bình ngủ khoảng 8 ...
- b) Nam đi từ nhà đến trường hết 15 ...
- c) Em làm bài kiểm tra trong 35 ...



## TÌM SỐ BỊ CHIA

### 1. Nhận xét



$$6 : 2 = 3$$

↑      :      =  
 Số bị chia   Số chia   Thương

Ta có :

$$6 = 3 \times 2$$

### 2. Tìm số bị chia $x$ chưa biết

$$x : 2 = 5$$

$$x = 5 \times 2$$

$$x = 10$$

Muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

#### 1 Tính nhẩm :

$$6 : 3 =$$

$$8 : 2 =$$

$$12 : 3 =$$

$$15 : 3 =$$

$$2 \times 3 =$$

$$4 \times 2 =$$

$$4 \times 3 =$$

$$5 \times 3 =$$

#### 2 Tìm $x$ :

a)  $x : 2 = 3 ;$

b)  $x : 3 = 2 ;$

c)  $x : 3 = 4.$

#### 3

Có một số kẹo chia đều cho 3 em, mỗi em được 5 chiếc kẹo. Hỏi có tất cả bao nhiêu chiếc kẹo ?

# LUYỆN TẬP



**1** Tìm  $y$ :

a)  $y : 2 = 3$ ;      b)  $y : 3 = 5$ ;      c)  $y : 3 = 1$ .

**2** Tìm  $x$ :

a) $x - 2 = 4$ ;	b) $x - 4 = 5$ ;	c) $x : 3 = 3$
$x : 2 = 4$	$x : 4 = 5$	$x - 3 = 3$

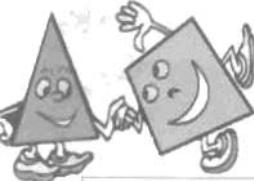
**3** Viết số thích hợp vào ô trống:

Số bị chia	10		18		21	
Số chia	2	2	2	3	3	3
Thương		5		3		4

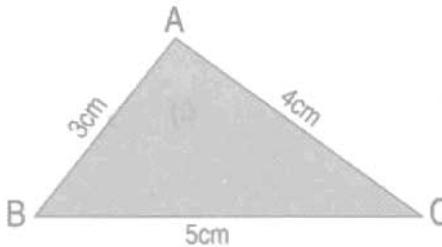


**4** Có một số lit dầu đựng trong 6 can, mỗi can  $3l$ . Hỏi có tất cả bao nhiêu lit dầu?





## CHU VI HÌNH TAM GIÁC - CHU VI HÌNH TỨ GIÁC

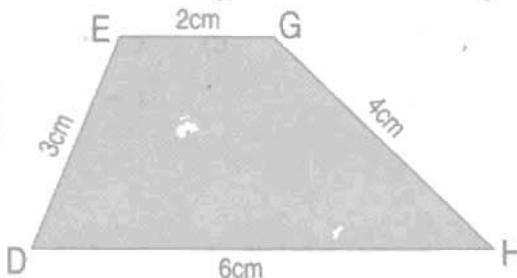


- Hình tam giác ABC có ba cạnh là : AB , BC và CA.

Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác ABC là :

$$3\text{cm} + 5\text{cm} + 4\text{cm} = 12\text{cm}.$$

Ta nói rằng : **Chu vi hình tam giác** ABC là 12cm.



- Hình tứ giác DEGH có bốn cạnh là : DE , EG , GH và HD.

Tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác DEGH là :

$$3\text{cm} + 2\text{cm} + 4\text{cm} + 6\text{cm} = 15\text{cm}.$$

Ta nói rằng : **Chu vi hình tứ giác** DEGH là 15cm.

- Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác (hình tứ giác) là chu vi của hình đó.**

**1** Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là :

- 7cm, 10cm và 13cm
- 20dm, 30dm và 40dm
- 8cm, 12cm và 7cm.

Mẫu: *Bài giải*

Chu vi hình tam giác là :

$$7 + 10 + 13 = 30 \text{ (cm)}$$

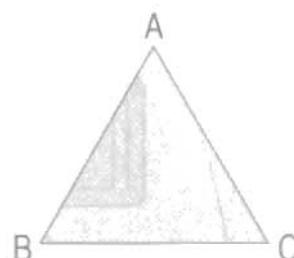
Đáp số : 30cm.

**2** Tính chu vi hình tứ giác có độ dài các cạnh là :

- 3dm , 4dm , 5dm và 6dm
- 10cm , 20cm , 10cm và 20cm.

**3** a) Đo rồi ghi số đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC.

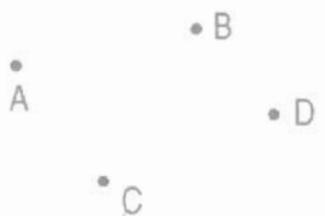
b) Tính chu vi hình tam giác ABC.





**1** Nối các điểm để được :

- a) Một đường gấp khúc gồm ba đoạn thẳng.



- b) Một hình tam giác.

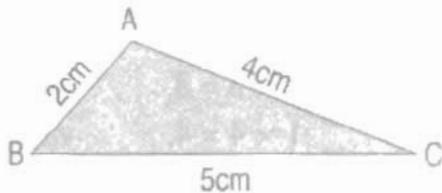


- c) Một hình tứ giác.

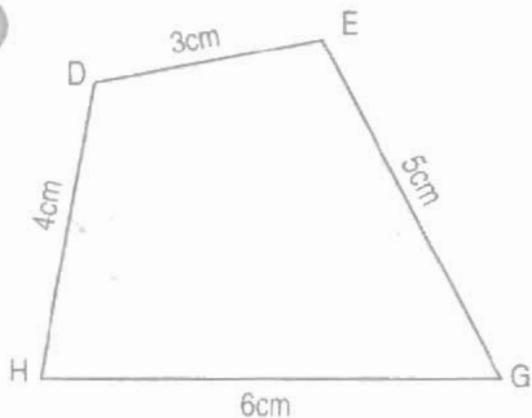


**2** Tính chu vi hình tam giác ABC, biết độ dài các cạnh là :

$$AB = 2\text{cm}, BC = 5\text{cm}, AC = 4\text{cm}.$$



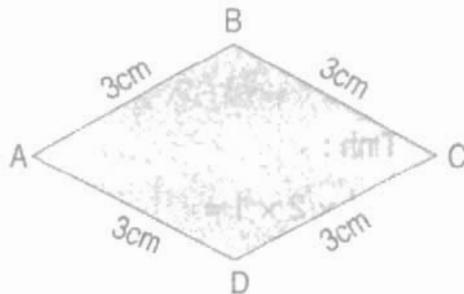
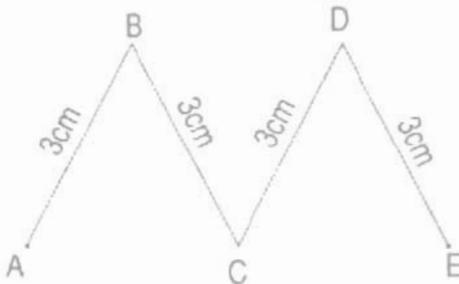
**3**



Hình tứ giác DEGH có độ dài các cạnh là  $DE = 3\text{cm}$ ,  $EG = 5\text{cm}$ ,  $GH = 6\text{cm}$ ,  $DH = 4\text{cm}$ .  
Tính chu vi hình tứ giác đó.

**4** a) Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE.

b) Tính chu vi hình tứ giác ABCD.



# SỐ 1 TRONG PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA



## 1. Phép nhân có thừa số 1

- a)  $1 \times 2 = 1 + 1 = 2$ , vậy  $1 \times 2 = 2$   
 $1 \times 3 = 1 + 1 + 1 = 3$ , vậy  $1 \times 3 = 3$   
 $1 \times 4 = 1 + 1 + 1 + 1 = 4$ , vậy  $1 \times 4 = 4$ .

• Số 1 nhân với số nào cũng bằng chính số đó.

- b)  $2 \times 1 = 2$        $3 \times 1 = 3$        $4 \times 1 = 4$

• Số nào nhân với 1 cũng bằng chính số đó.

## 2. Phép chia cho 1

- $1 \times 2 = 2$ , vậy  $2 : 1 = 2$   
 $1 \times 3 = 3$ , vậy  $3 : 1 = 3$   
 $1 \times 4 = 4$ , vậy  $4 : 1 = 4$ .

• Số nào chia cho 1 cũng bằng chính số đó.

### 1 Tính nhẩm :

$1 \times 2 =$	$1 \times 3 =$	$1 \times 5 =$
$2 \times 1 =$	$3 \times 1 =$	$5 \times 1 =$
$2 : 1 =$	$3 : 1 =$	$5 : 1 =$

### 2 Số ?

$\boxed{\phantom{0}} \times 2 = 2$	$5 \times \boxed{\phantom{0}} = 5$	$\boxed{\phantom{0}} : 1 = 3$
$\boxed{\phantom{0}} \times 1 = 2$	$5 : \boxed{\phantom{0}} = 5$	$\boxed{\phantom{0}} \times 1 = 4$

### 3 Tính :

a)  $4 \times 2 \times 1 =$  ;      b)  $4 : 2 \times 1 =$  ;      c)  $4 \times 6 : 1 =$

# SỐ 0 TRONG PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA



## 1. Phép nhân có thừa số 0

$$0 \times 2 = 0 + 0 = 0, \quad \text{vậy} \quad 0 \times 2 = 0,$$

$$\text{ta có} \quad 2 \times 0 = 0,$$

$$0 \times 3 = 0 + 0 + 0 = 0, \quad \text{vậy} \quad 0 \times 3 = 0,$$

$$\text{ta có} \quad 3 \times 0 = 0.$$

• Số 0 nhân với số nào cũng bằng 0.

Số nào nhân với 0 cũng bằng 0.

## 2. Phép chia có số bị chia là 0

$$0 : 2 = 0 \quad \text{vì} \quad 0 \times 2 = 0$$

$$0 : 5 = 0 \quad \text{vì} \quad 0 \times 5 = 0$$

• Số 0 chia cho số nào khác 0 cũng bằng 0.

Chú ý : Không có phép chia cho 0.

**1** Tính nhẩm :

$$0 \times 4 = \quad 0 \times 2 = \quad 0 \times 3 = \quad 0 \times 1 =$$

$$4 \times 0 = \quad 2 \times 0 = \quad 3 \times 0 = \quad 1 \times 0 =$$

**2** Tính nhẩm :

$$0 : 4 = \quad 0 : 2 = \quad 0 : 3 = \quad 0 : 1 =$$

**3** Số ?

$$\boxed{\phantom{0}} \times 5 = 0 \quad 3 \times \boxed{\phantom{0}} = 0$$

$$\boxed{\phantom{0}} : 5 = 0 \quad \boxed{\phantom{0}} : 3 = 0$$

**4** Tính :

$$2 : 2 \times 0 = \quad 0 : 3 \times 3 =$$

$$5 : 5 \times 0 = \quad 0 : 4 \times 1 =$$



## LUYỆN TẬP

1

a) Lập bảng nhân 1 :

$1 \times 1 =$

$1 \times 2 =$

$1 \times 3 =$

$1 \times 4 =$

$1 \times 5 =$

$1 \times 6 =$

$1 \times 7 =$

$1 \times 8 =$

$1 \times 9 =$

$1 \times 10 =$

b) Lập bảng chia 1 :

$1 : 1 =$

$2 : 1 =$

$3 : 1 =$

$4 : 1 =$

$5 : 1 =$

$6 : 1 =$

$7 : 1 =$

$8 : 1 =$

$9 : 1 =$

$10 : 1 =$

2

Tính nhẩm :

a)  $0 + 3 =$

b)  $5 + 1 =$

c)  $4 : 1 =$

$3 + 0 =$

$1 + 5 =$

$0 : 2 =$

$0 \times 3 =$

$1 \times 5 =$

$0 : 1 =$

$3 \times 0 =$

$5 \times 1 =$

$1 : 1 =$

3

Kết quả tính nào là 0 ? Kết quả tính nào là 1 ?

$2 - 2$

$3 : 3$

$5 - 5$

$5 : 5$

0

1

$3 - 2 - 1$

$1 \times 1$

$2 : 2 : 1$

# LUYỆN TẬP CHUNG



**1** Tính nhẩm :

$$2 \times 3 =$$

$$3 \times 4 =$$

$$4 \times 5 =$$

$$5 \times 1 =$$

$$6 : 2 =$$

$$12 : 3 =$$

$$20 : 4 =$$

$$5 : 5 =$$

$$6 : 3 =$$

$$12 : 4 =$$

$$20 : 5 =$$

$$5 : 1 =$$

**2** Tính nhẩm (theo mẫu) :

a)

$$20 \times 2 = ?$$

$$2 \text{ chục} \times 2 = 4 \text{ chục}$$

$$20 \times 2 = 40$$

$$30 \times 3 =$$

$$20 \times 3 =$$

$$20 \times 4 =$$

$$30 \times 2 =$$

$$40 \times 2 =$$

$$20 \times 5 =$$

b)

$$40 : 2 = ?$$

$$4 \text{ chục} : 2 = 2 \text{ chục}$$

$$40 : 2 = 20$$

$$60 : 2 =$$

$$60 : 3 =$$

$$80 : 2 =$$

$$80 : 4 =$$

$$90 : 3 =$$

$$80 : 2 =$$

**3**

a) Tim  $x$  :  $x \times 3 = 15$  ;

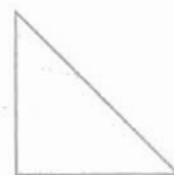
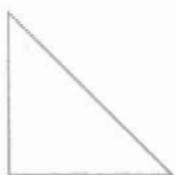
$$4 \times x = 28.$$

b) Tim  $y$  :  $y : 2 = 2$  ;

$$y : 5 = 3.$$

**4**

Cô giáo chia đều 24 tờ báo cho 4 tổ. Hỏi mỗi tổ được mấy tờ báo?



**5**

Xếp 4 hình tam giác thành hình vuông (xem hình vẽ) :





## LUYỆN TẬP CHUNG

### 1 Tính nhẩm :

a) $2 \times 4 =$	$3 \times 5 =$	$4 \times 3 =$	$5 \times 2 =$
$8 : 2 =$	$15 : 3 =$	$12 : 4 =$	$10 : 5 =$
$8 : 4 =$	$15 : 5 =$	$12 : 3 =$	$10 : 2 =$
b) $2\text{cm} \times 4 =$	$10\text{dm} : 5 =$	$4\text{cm} \times 2 =$	
$5\text{dm} \times 3 =$	$12\text{cm} : 4 =$	$8\text{cm} : 2 =$	
$4l \times 5 =$	$18l : 3 =$	$20\text{dm} : 2 =$	

### 2 Tính :

a) $3 \times 4 + 8 =$	b) $2 : 2 \times 0 =$
$3 \times 10 - 14 =$	$0 : 4 + 6 =$

- ### 3
- a) Có 12 học sinh chia đều thành 4 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy học sinh ?
  - b) Có 12 học sinh chia thành các nhóm, mỗi nhóm có 3 học sinh. Hỏi chia được thành mấy nhóm ?

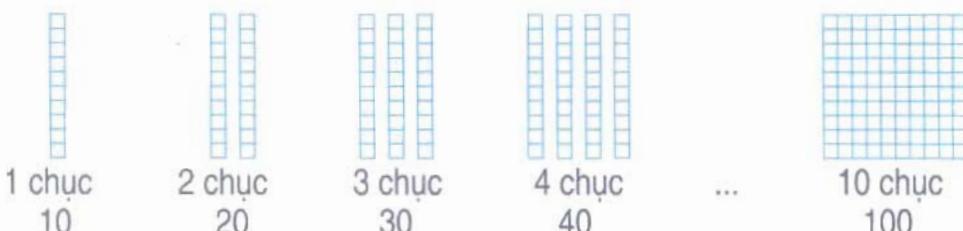
## 6. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000



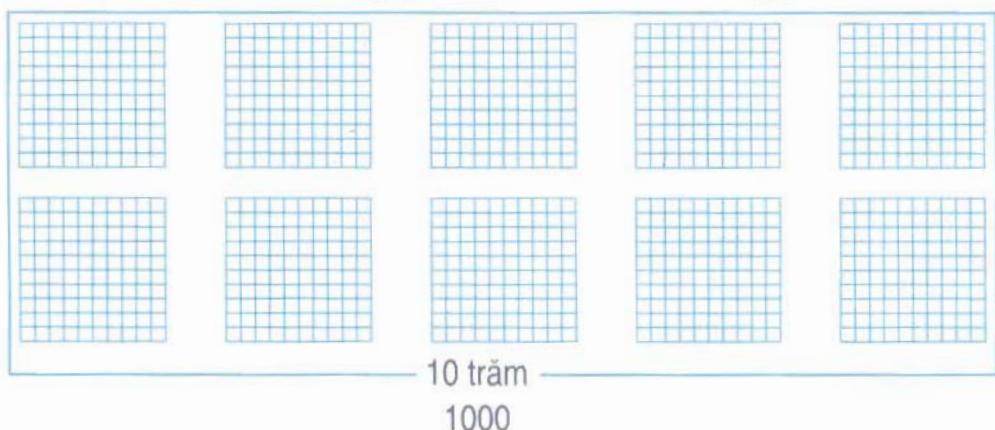
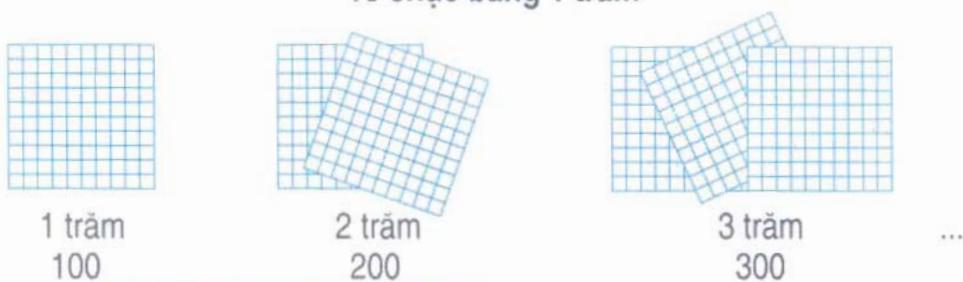
### ĐƠN VỊ, CHỤC, TRĂM, NGHÌN



10 đơn vị bằng 1 chục



10 chục bằng 1 trăm



10 trăm bằng 1 nghìn

Các số : 100, 200, 300, 400, ... là các số tròn trăm.

**Đọc, viết (theo mẫu) :**



100  
một trăm



.....  
.....



.....  
.....



.....  
.....



.....  
.....



.....



.....



.....



.....



.....



.....



.....

# SO SÁNH CÁC SỐ TRÒN TRĂM

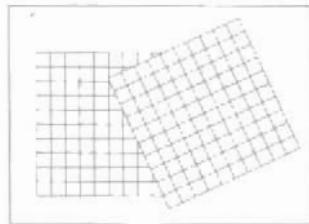
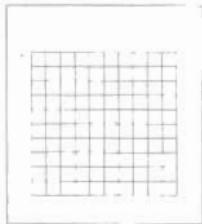


100	200	300	400	500	600	700	800

$200 < 300$

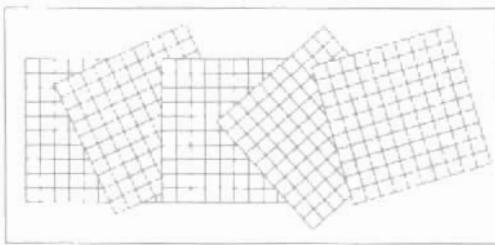
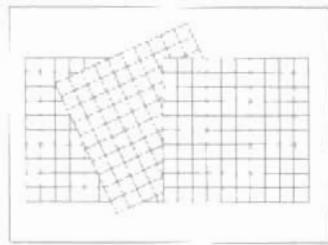
$300 > 200$

1



100 ... 200

100 ... 200  
200 ... 100



300 ... 500

300 ... 500  
500 ... 300

2



100 ... 200

400 ... 300

300 ... 200

700 ... 800

500 ... 400

900 ... 900

700 ... 900

600 ... 500

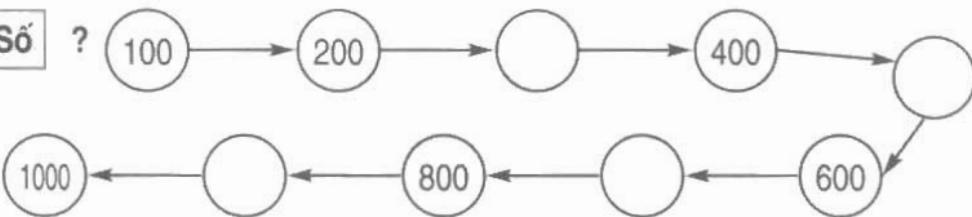
500 ... 500

900 ... 1000

3



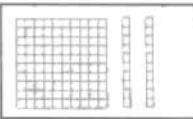
?



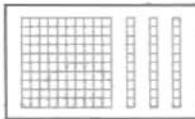


## CÁC SỐ TRÒN CHỤC TỪ 110 ĐẾN 200

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	1	0	110	một trăm mười
	1	2	0	120	một trăm hai mươi
	1	3	0	130	một trăm ba mươi
	1	4	0	140	.....
	1	5	0	150	.....
	1	6	0	160	.....
	1	7	0	170	.....
	1	8	0	180	.....
	1	9	0	190	.....
	2	0	0	200	.....



$$120 < 130$$



$$120 < 130$$

$$130 > 120$$

**1** Viết (theo mẫu) :

Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số
110	một trăm mươi	190	
130		120	
150		160	
170		140	
180		200	

**2**  ?



110 ... 120



120 ... 110



110 ... 120



120 ... 110



110 ... 120

120 ... 110



110 ... 120



120 ... 110



130 ... 150

150 ... 130

150 ... 130

**3**  ?

100 ... 110

180 ... 170

140 ... 140

190 ... 150

150 ... 170

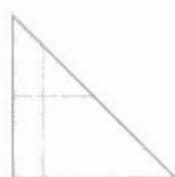
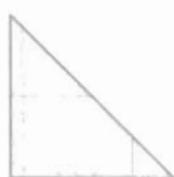
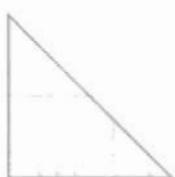
160 ... 130

**4**  ?

110 ; ... ; 130 ; 140 ; ... ; 160 ; 170 ; ... ; ... ; 200

**5** Xếp 4 hình tam giác thành hình tứ giác

(xem hình vẽ) :





## 101. CÁC SỐ TỪ 101 ĐẾN 110

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	1	0	1	101	một trăm linh một
	1	0	2	102	một trăm linh hai
	1	0	3	103	một trăm linh ba
	1	0	4	104	.....
	1	0	5	105	.....
	1	0	6	106	.....
	1	0	7	107	.....
	1	0	8	108	.....
	1	0	9	109	.....
	1	1	0	110	.....

**1** Mỗi số dưới đây ứng với cách đọc nào?

102

109

105

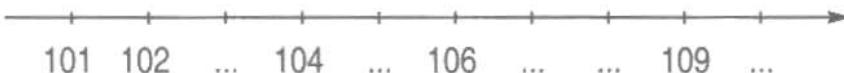
108

103

107

- |                       |
|-----------------------|
| a) Một trăm linh bảy  |
| b) Một trăm linh chín |
| c) Một trăm linh tám  |
| d) Một trăm linh hai  |
| e) Một trăm linh năm  |
| g) Một trăm linh ba   |

**2** Số ?



**3** > < = ?

101 ... 102

106 ... 109

102 ... 102

103 ... 101

105 ... 104

105 ... 105

109 ... 108

109 ... 110

- 4**
- Viết các số 106, 108, 103, 105, 107 theo thứ tự từ bé đến lớn.
  - Viết các số 100, 106, 107, 105, 110, 103 theo thứ tự từ lớn đến bé.

## CÁC SỐ TỪ 111 ĐẾN 200

		Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
  a		1	1	1	111	một trăm mười một
  b		1	1	2	112	một trăm mười hai
  		1	1	5	115	một trăm mười lăm
  		1	1	8	118	.....
 		...	...	...	...	.....
  □		...	...	...	...	.....
  =		...	...	...	...	.....
  		...	...	...	...	.....
  		...	...	...	...	một trăm ba mươi lăm

**1**

Viết (theo mẫu) :

110	một trăm mười
111	
117	
154	
181	
195	

**2****Số** ?

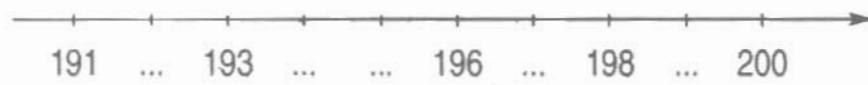
a)



b)



c)

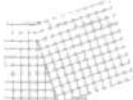
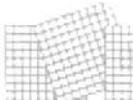
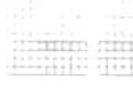
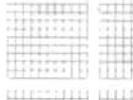
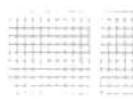
**3**

<b>&gt;</b>	123 ... 124	120 ... 152
<b>&lt;</b>	129 ... 120	186 ... 186
<b>=</b>	126 ... 122	135 ... 125
	136 ... 136	148 ... 128
	155 ... 158	199 ... 200



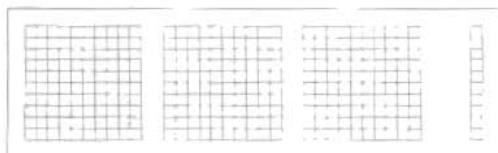
243

## CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ

	Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số
	2	4	3	243	hai trăm bốn mươi ba
	2	3	5	235	hai trăm ba mươi lăm
	3	1	0	310	.....
	2	4	0	...	.....
	2	0	0	200	.....
	1	1	0	110	.....
	1	0	0	100	.....

**1** Mỗi số sau chỉ số ô vuông trong hình nào ?

(a)



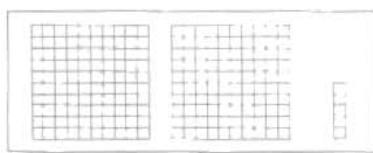
110

205

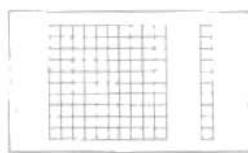
310

132

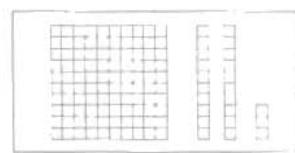
123



(c)



(d)



(e)

**2** Mỗi số sau ứng với cách đọc nào ?

315

311

322

521

450

405

a) Bốn trăm linh năm

b) Bốn trăm năm mươi

c) Ba trăm mươi một

d) Ba trăm mươi lăm

e) Năm trăm hai mươi một

g) Ba trăm hai mươi hai

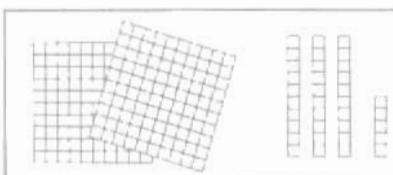
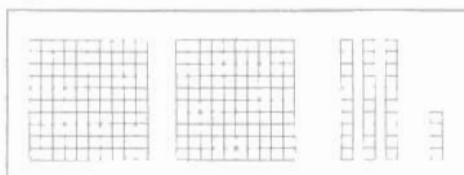
**3** Viết (theo mẫu) :

Đọc số	Viết số
Tám trăm hai mươi	820
Chín trăm mươi một	...
Chín trăm chín mươi một	...
Sáu trăm bảy mươi ba	...
Sáu trăm bảy mươi lăm	...
Bảy trăm linh năm	...
Tám trăm	...

Đọc số	Viết số
Năm trăm sáu mươi	...
Bốn trăm hai mươi bảy	...
Hai trăm ba mươi một	...
Ba trăm hai mươi	...
Chín trăm linh một	...
Năm trăm bảy mươi lăm	...
Tám trăm chín mươi một	...



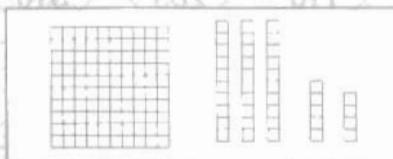
## SO SÁNH CÁC SỐ CÓ BA CHỮ SỐ



$$234 < 235$$

$$235 > 234$$

$$234 < 235$$

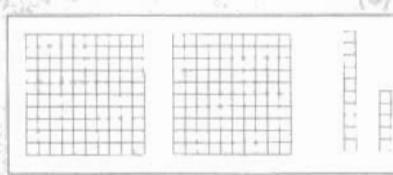
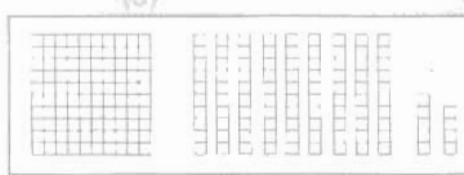


$$194 > 139$$

$$139 < 194$$

(a)

(b)



$$199 < 215$$

$$215 > 199$$

$$199 < 215$$

(c)

1



$$127 \dots 121$$

$$865 \dots 865$$

$$124 \dots 129$$

$$648 \dots 684$$

$$182 \dots 192$$

$$749 \dots 549$$

2

Tim số lớn nhất trong các số sau :

a) 395 ; 695 ; 375 ;

b) 873 ; 973 ; 979

c) 751 ; 341 ; 741.

3

Số ?

971	972	973			976	977		979	
-----	-----	-----	--	--	-----	-----	--	-----	--

	982	983			986		988		
--	-----	-----	--	--	-----	--	-----	--	--

991				995	996			999	1000
-----	--	--	--	-----	-----	--	--	-----	------



**1** Viết (theo mẫu) :

Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị	Đọc số
116	1	1	6	một trăm mười sáu
815	...	...	...	.....
307	...	...	...	.....
...	4	7	5	.....
...	...	...	...	chín trăm
...	8	0	2	.....

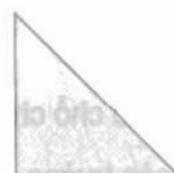
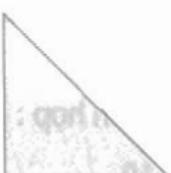
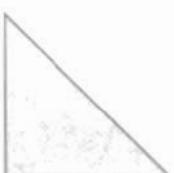
**2** Số ?

- a) 400 ; 500 ; ... ; ... ; 800 ; 900 ; ... .
- b) 910 ; 920 ; 930 ; ... ; ... ; 970 ; ... ; 990 ; ... .
- c) 212 ; 213 ; 214 ; ... ; ... ; 217 ; 218 ; ... ; ... ; ... .
- d) 693 ; 694 ; ... ; ... ; 697 ; ... ; ... ; 701.

**3** >      543 ... 590      342 ... 432  
<      670 ... 676      987 ... 897  
=      699 ... 701      695 ... 600 + 95

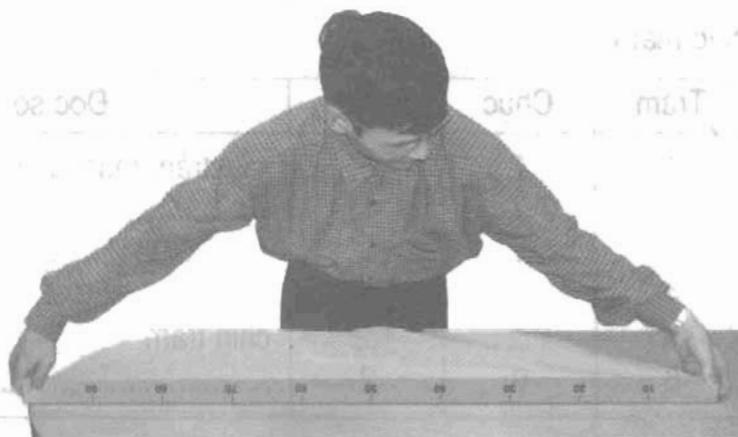
**4** Viết các số 875, 1000, 299, 420 theo thứ tự từ bé đến lớn.

**5** Xếp 4 hình tam giác thành hình tứ giác (xem hình vẽ) :





## MÉT



Mét là một đơn vị đo độ dài. Mét viết tắt là m.

$$1m = 10dm \quad ; \quad 1m = 100cm.$$

62



1 Số ?

$$1dm = \dots \text{ cm}$$

$$\dots \text{ cm} = 1m$$

$$1m = \dots \text{ cm}$$

$$\dots \text{ dm} = 1m$$

2 Tính :

$$17m + 6m =$$

$$15m - 6m =$$

$$8m + 30m =$$

$$38m - 24m =$$

$$47m + 18m =$$

$$74m - 59m =$$

3 Cây dừa cao 8m, cây thông cao hơn cây dừa 5m. Hỏi cây thông cao bao nhiêu mét?

4 Viết cm hoặc m vào chỗ chấm thích hợp :

- a) Cột cờ trong sân trường cao 10 ...
- b) Bút chì dài 19 ...
- c) Cây cau cao 6 ...
- d) Chú Tú cao 165 ...



## KI-LÔ-MÉT

Ki-lô-mét là một đơn vị đo độ dài (chẳng hạn, để đo quãng đường giữa hai tỉnh ta dùng đơn vị ki-lô-mét).

Ki-lô-mét viết tắt là km.

$$1\text{km} = 1000\text{m.}$$



1

Số?

$$1\text{km} = \dots \text{m}$$

$$\dots \text{m} = 1\text{km}$$

$$1\text{m} = \dots \text{dm}$$

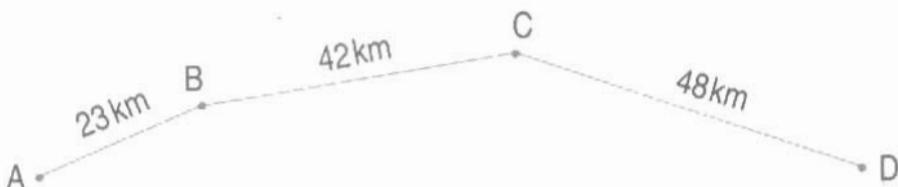
$$\dots \text{dm} = 1\text{m}$$

$$1\text{m} = \dots \text{cm}$$

$$\dots \text{cm} = 1\text{dm}$$

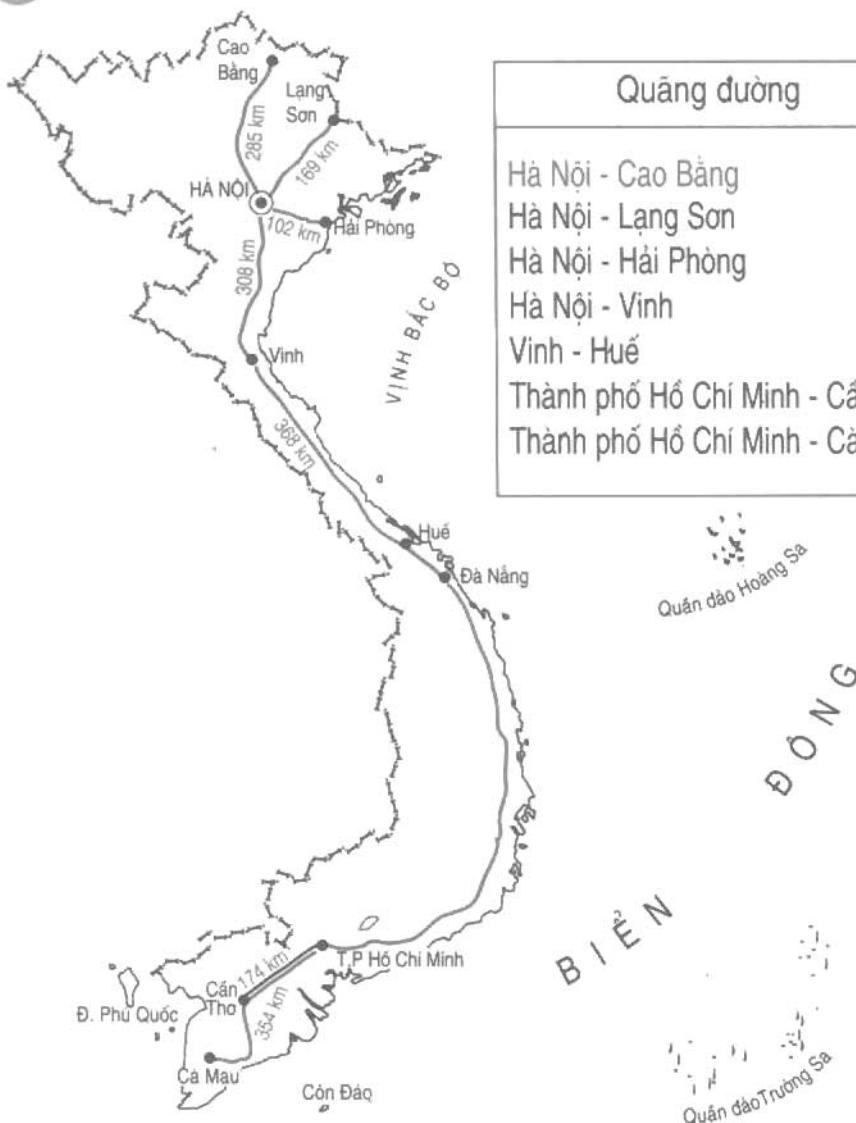
2

Nhìn hình vẽ trả lời các câu hỏi sau :



- Quãng đường từ A đến B dài bao nhiêu ki-lô-mét ?
- Quãng đường từ B đến D (đi qua C) dài bao nhiêu ki-lô-mét ?
- Quãng đường từ C đến A (đi qua B) dài bao nhiêu ki-lô-mét ?

**3** Nêu số đo thích hợp (theo mẫu) :



Quãng đường	Dài
Hà Nội - Cao Bằng	285km
Hà Nội - Lạng Sơn	.....
Hà Nội - Hải Phòng	.....
Hà Nội - Vinh	.....
Vinh - Huế	.....
Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ	.....
Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau	.....

- 4**
- a) Cao Bằng và Lạng Sơn, nơi nào xa Hà Nội hơn ?
  - b) Lạng Sơn và Hải Phòng, nơi nào gần Hà Nội hơn ?
  - c) Quãng đường nào dài hơn : Hà Nội - Vinh hay Vinh - Huế ?
  - d) Quãng đường nào ngắn hơn : Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ hay Thành phố Hồ Chí Minh - Cà Mau ?

# MI-LI-MÉT



Mi-li-mét là một đơn vị đo độ dài.

Mi-li-mét viết tắt là mm.

$$1\text{cm} = 10\text{mm} ; 1\text{m} = 1000\text{mm}.$$

## 1 Số ?

$$1\text{cm} = \dots \text{mm}$$

$$1000\text{mm} = \dots \text{m}$$

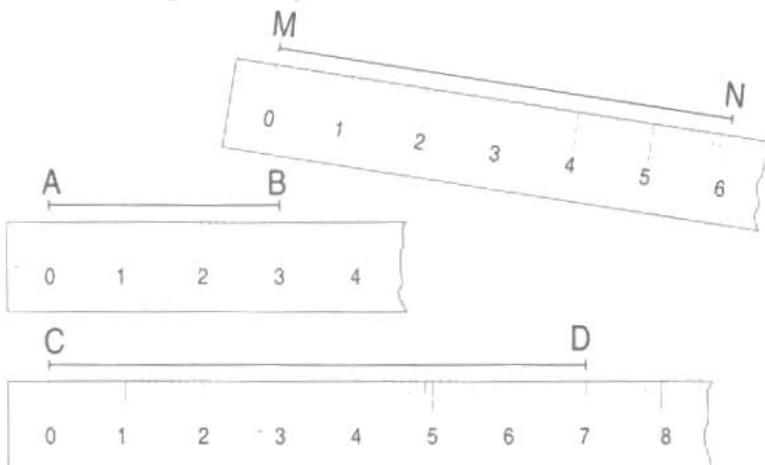
$$5\text{cm} = \dots \text{mm}$$

$$1\text{m} = \dots \text{mm}$$

$$10\text{mm} = \dots \text{cm}$$

$$3\text{cm} = \dots \text{mm}$$

## 2 Mỗi đoạn thẳng dưới đây dài bao nhiêu mi-li-mét ?



## 3 Tính chu vi hình tam giác có độ dài các cạnh là :

24mm, 16mm và 28mm.

## 4 Viết cm hoặc mm vào chỗ chấm thích hợp :

- Bề dày của cuốn sách "Toán 2" khoảng 10 ...
- Bề dày chiếc thước kẻ dẹt là 2 ...
- Chiều dài chiếc bút bi là 15 ...



## LUYỆN TẬP

1 Tính :

$$13m + 15m =$$

$$5km \times 2 =$$

$$66km - 24km =$$

$$18m : 3 =$$

$$23mm + 42mm =$$

$$25mm : 5 =$$

2 Một người đi 18km để đến thị xã, sau đó lại đi tiếp 12km để đến thành phố. Hỏi người đó đã đi được tất cả bao nhiêu ki-lô-mét ?

3 Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng :

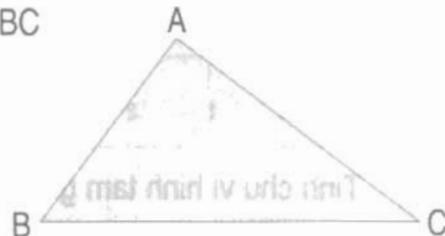
Một bác thợ may dùng 15m vải may 5 bộ quần áo giống nhau. Hỏi để may một bộ quần áo nhu thế cần bao nhiêu mét vải ?

A. 10m

B. 20m

C. 3m

4 Đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC  
rồi tính chu vi của hình tam giác đó.





# VIẾT SỐ THÀNH TỔNG CÁC TRĂM, CHỤC, ĐƠN VI

357 gồm 3 trăm 5 chục 7 đơn vị  
820 gồm 8 trăm 2 chục 0 đơn vị  
703 gồm 7 trăm 0 chục 3 đơn vị

$$\begin{aligned}357 &= 300 + 50 + 7 \\820 &= 800 + 20 \\703 &= 700 + 3\end{aligned}$$

**1** Viết (theo mẫu) :

389	3 trăm 8 chục 9 đơn vị	$389 = 300 + 80 + 9$
237		
164		
352		
658		

**2** Viết các số 271, 978, 835, 509 theo mẫu :

$$271 = 200 + 70 + 1$$

**3** Mỗi số 975, 731, 980, 505, 632, 842 được viết thành tổng nào ?

975

$$600 + 30 + 2$$

$$500 + 5$$

731

632

$$900 + 70 + 5$$

$$700 + 30 + 1$$

980

842

$$800 + 40 + 2$$

$$900 + 80$$

505

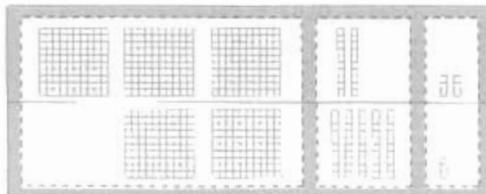
**4** Xếp 4 hình tam giác thành hình cái thuyền (xem hình vẽ) :





# PHÉP CỘNG (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

$$326 + 253 = ?$$



$$\begin{array}{r}
 326 \\
 + 253 \\
 \hline
 579
 \end{array}$$

- 6 cộng 3 bằng 9, viết 9.
- 2 cộng 5 bằng 7, viết 7.
- 3 cộng 2 bằng 5, viết 5.

$$326 + 253 = \dots$$

**1** Tính :

$$\begin{array}{r}
 235 \\
 + 451 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 637 \\
 + 162 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 503 \\
 + 354 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 625 \\
 + 43 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 326 \\
 + 251 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 200 \\
 + 627 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 408 \\
 + 31 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 67 \\
 + 132 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 230 \\
 + 150 \\
 \hline
 \end{array}$$

$$\begin{array}{r}
 732 \\
 + 55 \\
 \hline
 \end{array}$$

**2** Đặt tính rồi tính :

a)  $832 + 152$  ;

$257 + 321$

b)  $641 + 307$  ;

$936 + 23$ .

**3** Tính nhẩm (theo mẫu) :

a)  $200 + 100 = 300$

$500 + 100 =$

$200 + 200 =$

$500 + 200 =$

$300 + 100 =$

$500 + 300 =$

$300 + 200 =$

$600 + 300 =$

$800 + 100 =$

b)  $800 + 200 = 1000$

$400 + 600 =$

$500 + 500 =$



## LUYỆN TẬP

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 225 \\ + 634 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 362 \\ + 425 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 683 \\ + 204 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 502 \\ + 256 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 261 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$$

**2** Đặt tính rồi tính :

a)  $245 + 312 ;$

$665 + 214 ;$

$217 + 752$

b)  $68 + 27 ;$

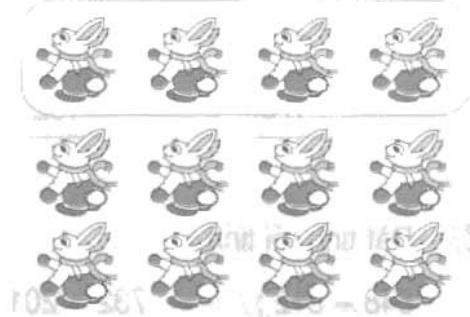
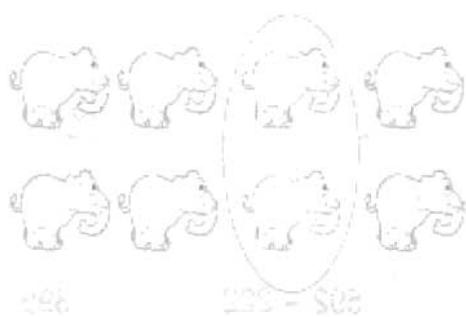
$72 + 19 ;$

$61 + 29.$

**3** Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{4}$  số con vật ?

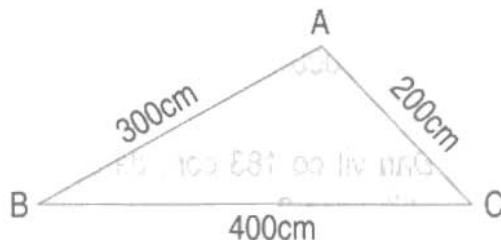
a)

b)



**4** Con gấu nặng 210kg, con sư tử nặng hơn con gấu 18kg. Hỏi con sư tử nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

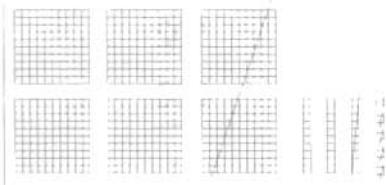
**5** Tính chu vi hình tam giác ABC.





# PHÉP TRỪ (KHÔNG NHỚ) TRONG PHẠM VI 1000

$$635 - 214 = ?$$



$$635 - 214 = \dots$$

- |                                                             |                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| $\underline{635}$<br>$\underline{214}$<br>$\underline{421}$ | <ul style="list-style-type: none"> <li>• 5 trừ 4 bằng 1, viết 1.</li> <li>• 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.</li> <li>• 6 trừ 2 bằng 4, viết 4.</li> </ul> |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 484 \\ - 241 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 586 \\ - 253 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 497 \\ - 125 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 925 \\ - 420 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 590 \\ - 470 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 693 \\ - 152 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 764 \\ - 751 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 995 \\ - 85 \\ \hline \end{array}$$

**2** Đặt tính rồi tính :

$$548 - 312 ;$$

$$732 - 201 ;$$

$$592 - 222 ;$$

$$395 - 23.$$

**3** Tính nhẩm (theo mẫu) :

a)  $500 - 200 = 300$

$$700 - 300 =$$

$$900 - 300 =$$

$$600 - 100 =$$

$$600 - 400 =$$

$$800 - 500 =$$

b)  $1000 - 200 = 800$

$$1000 - 400 =$$

$$1000 - 500 =$$

**4** Đàn vịt có 183 con, đàn gà ít hơn đàn vịt 121 con. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con?

# LUYỆN TẬP



1 Tính :

$$\begin{array}{r} 682 \\ - 351 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 987 \\ - 255 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 599 \\ - 148 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 425 \\ - 203 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 676 \\ - 215 \\ \hline \end{array}$$

2 Đặt tính rồi tính :

a)  $986 - 264$  ;

$758 - 354$  ;

$831 - 120$

b)  $73 - 26$  ;

$65 - 19$  ;

$81 - 37$ .

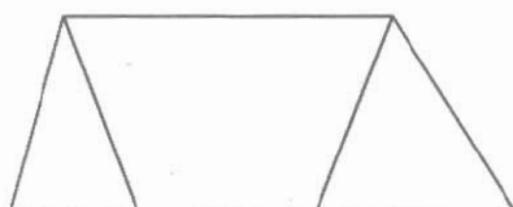
3 Viết số thích hợp vào ô trống :

Số bị trừ	257		869	867	486
Số trừ	136	136	659		264
Hiệu		121		206	

4 Trường Tiểu học Thành Công có 865 học sinh, Trường Tiểu học Hữu Nghị có ít hơn Trường Tiểu học Thành Công 32 học sinh. Hỏi Trường Tiểu học Hữu Nghị có bao nhiêu học sinh ?

5 Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng :

Số hình tam giác có trong hình vẽ là :



- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4



## LUYỆN TẬP CHUNG

**1** Tính :

$$\begin{array}{r} 35 \\ + 28 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 15 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 83 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$$

**2** Tính :

$$\begin{array}{r} 75 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 81 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 52 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

**3** Tính nhẩm :

$$700 + 300 =$$

$$800 + 200 =$$

$$500 + 500 =$$

$$1000 - 300 =$$

$$1000 - 200 =$$

$$1000 - 500 =$$

**4** Đặt tính rồi tính :

a)  $351 + 216 ;$

b)  $427 + 142 ;$

$516 + 173$

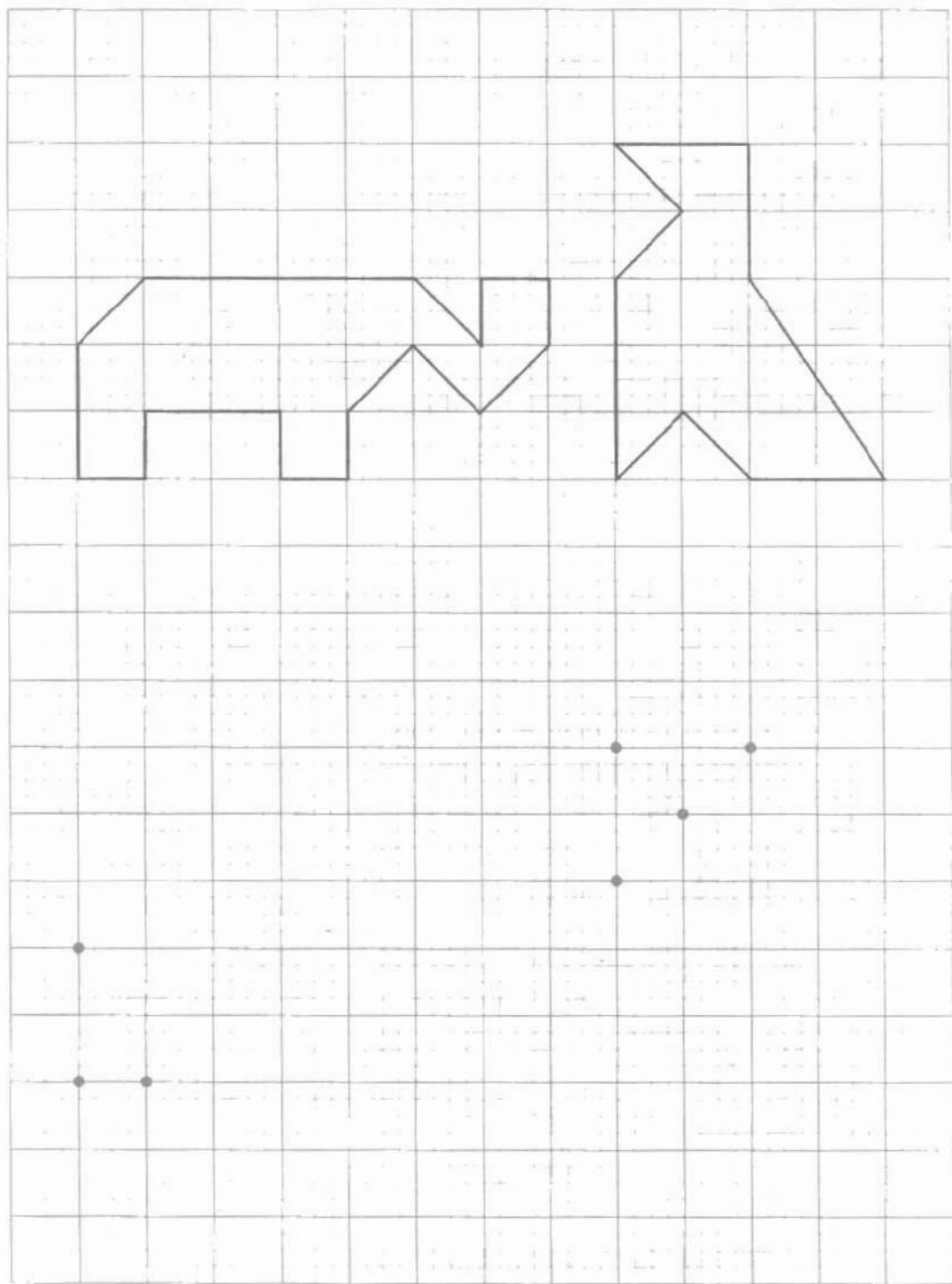
b)  $876 - 231 ;$

c)  $999 - 542 ;$

$505 - 304.$

5

Vẽ hình theo mẫu :



# TIỀN VIỆT NAM



1

a)



$$100 \text{ đồng} + 100 \text{ đồng} = 200 \text{ đồng.}$$

200 đồng đổi được mấy tờ giấy bạc 100 đồng ?

b)



500 đồng đổi được mấy tờ giấy bạc 100 đồng ?

c)

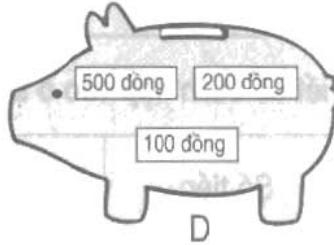
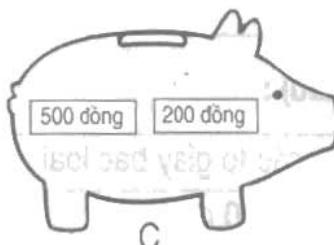
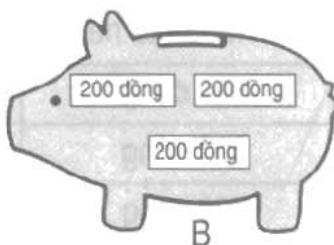
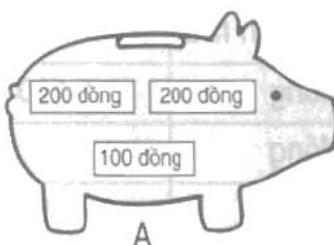


1000 đồng đổi được mấy tờ giấy bạc 100 đồng ?

2 Số ?

- a) 
- b) 
- c) 
- d) 

3 Chú lợn nào chứa nhiều tiền nhất ?



4 Tính :

$$100 \text{ đồng} + 400 \text{ đồng} =$$

$$900 \text{ đồng} - 200 \text{ đồng} =$$

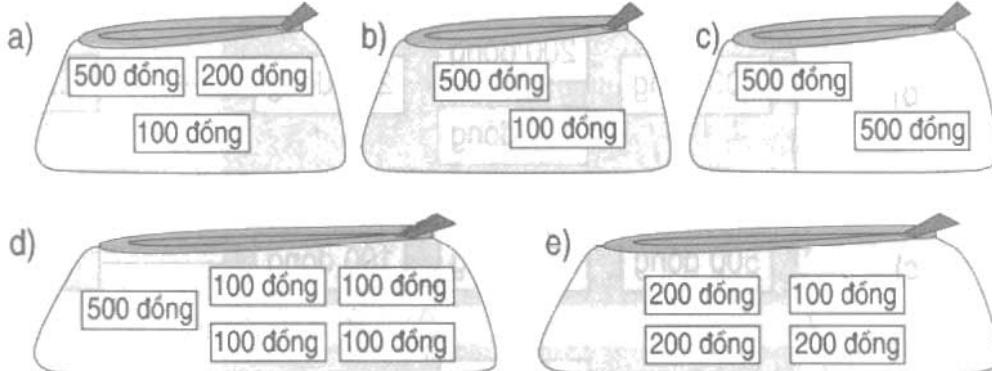
$$700 \text{ đồng} + 100 \text{ đồng} =$$

$$800 \text{ đồng} - 300 \text{ đồng} =$$



## LUYỆN TẬP

**1** Mỗi túi có bao nhiêu tiền ?



**2** Mẹ mua rau hết 600 đồng, mua hành hết 200 đồng. Hỏi mẹ phải trả tất cả bao nhiêu tiền ?

**3** Viết số tiền trả lại vào ô trống (theo mẫu) :

An mua rau hết	An đưa người bán rau	Số tiền trả lại
600 đồng	700 đồng	100 đồng
300 đồng	500 đồng	
700 đồng	1000 đồng	
500 đồng	500 đồng	

**4** Viết số thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Số tiền	Gồm các tờ giấy bạc loại		
	100 đồng	200 đồng	500 đồng
800 đồng	1	1	1
900 đồng	2		1
1000 đồng	3	1	
700 đồng			1

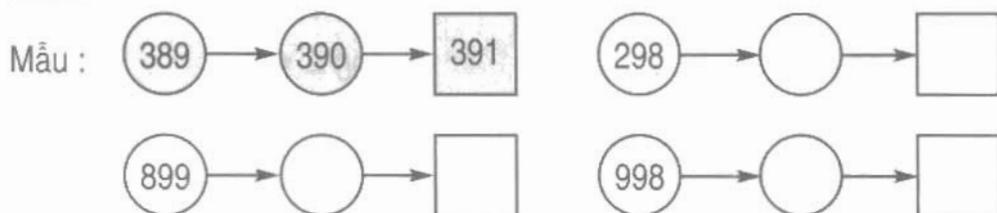
# LUYỆN TẬP CHUNG



**1** Viết số và chữ thích hợp vào ô trống (theo mẫu) :

Đọc số	Viết số	Trăm	Chục	Đơn vị
Một trăm hai mươi ba	123	1	2	3
Bốn trăm mươi sáu		5	0	2
	299			
		9	4	0

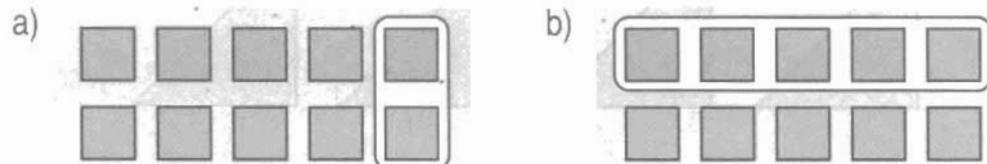
**2** **Số ?**



**3** **↔ ?**

875 ... 785	321 ... 298
697 ... 699	900 + 90 + 8 ... 1000
599 ... 701	732 ... 700 + 30 + 2

**4** Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{5}$  số hình vuông ?



**5** Giá tiền một chiếc bút chì là 700 đồng, giá tiền một chiếc bút bi nhiều hơn giá tiền một chiếc bút chì 300 đồng. Hỏi giá tiền một chiếc bút bi là bao nhiêu đồng ?



## LUYỆN TẬP CHUNG

<b>1</b>	<b>1</b>	937 ... 739	200 + 30 ... 230
	<b>&lt;</b>	600 ... 599	500 + 60 + 7 ... 597
	<b>=</b>	398 ... 405	500 + 50 ... 649

**2** Viết các số 857, 678, 599, 1000, 903 theo thứ tự :

- a) Từ bé đến lớn
- b) Từ lớn đến bé.

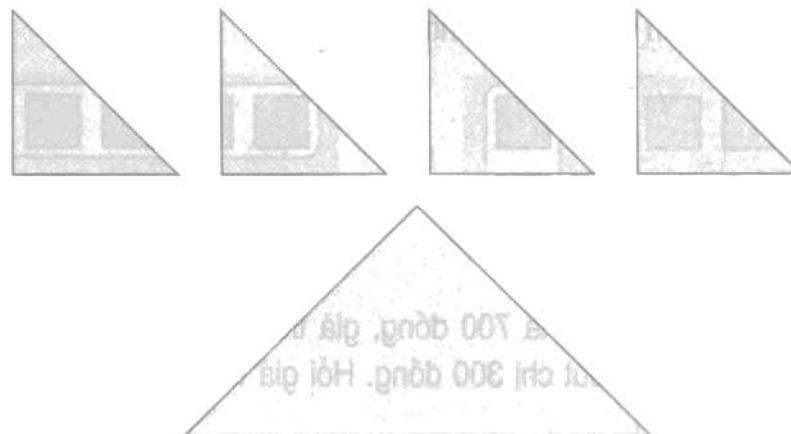
**3** Đặt tính rồi tính :

a) $635 + 241$ ;	$970 + 29$
b) $896 - 133$ ;	$295 - 105$ .

**4** Tính nhẩm :

$600m + 300m =$	$700cm + 20cm =$
$20dm + 500dm =$	$1000km - 200km =$

**5** Xếp 4 hình tam giác nhỏ thành hình tam giác to (xem hình vẽ) :





**1** Đặt tính rồi tính :

- |                |   |              |
|----------------|---|--------------|
| a) $456 + 323$ | ; | $897 - 253$  |
| b) $357 + 621$ | ; | $962 - 861$  |
| c) $421 + 375$ | ; | $431 - 411.$ |

**2** Tìm  $x$  :

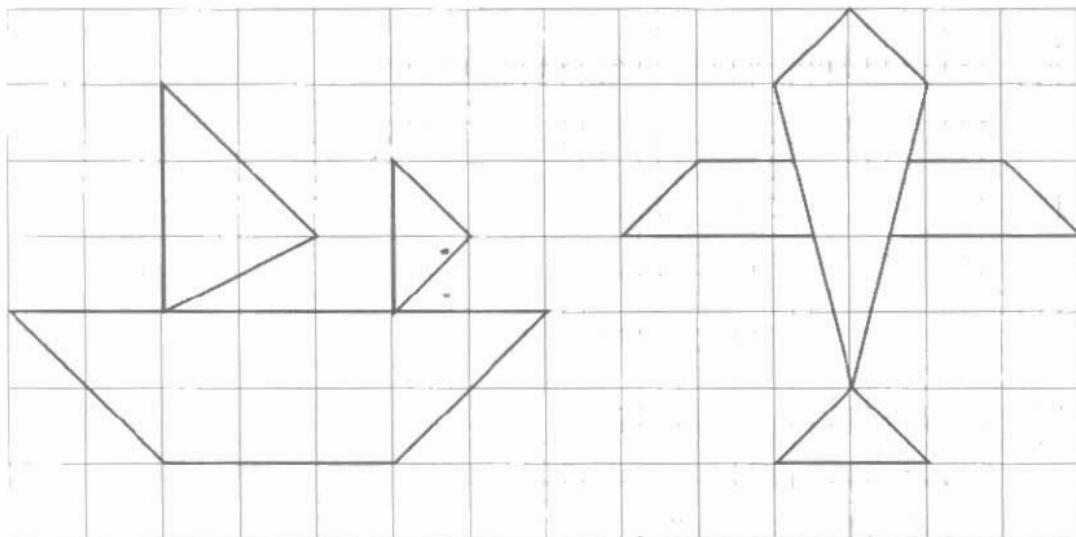
- |                    |   |                    |
|--------------------|---|--------------------|
| a) $300 + x = 800$ | ; | b) $x - 600 = 100$ |
| $x + 700 = 1000$   |   | $700 - x = 400.$   |

**3** ?  $60\text{cm} + 40\text{cm} \dots 1\text{m}$

$$300\text{cm} + 53\text{cm} \dots 300\text{cm} + 57\text{cm}$$

$$1\text{km} \dots 800\text{m}$$

**4** Vẽ hình theo mẫu :



## 7. ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC



### ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000

#### 1 Viết các số :

Chín trăm muồi lăm

Hai trăm năm muoi

Sáu trăm chín muồi lăm

Ba trăm bảy muovi mốt

Bảy trăm muovi bốn

Chín trăm

Năm trăm hai muovi tu

Một trăm chín muovi chín

Một trăm linh một

Năm trăm năm muovi lăm.

#### 2 Số ?

- a) 380 381      383      386      390
- b) 500      502      507      509
- c) 700 710 720      790

#### 3 Viết các số tròn trăm thích hợp vào chỗ chấm :

100 ; ... ; 300 ; ... ; ... ; ... ; 700 ; ... ; ... ; 1000.

#### 4



372 ... 299

631 ... 640

465 ... 700

909 ... 902 + 7

534 ... 500 + 34

708 ... 807

- 5
- a) Viết số bé nhất có ba chữ số.
  - b) Viết số lớn nhất có ba chữ số.
  - c) Viết số liền sau của 999.



**1** Đặt tính rồi tính :

- |                |   |              |
|----------------|---|--------------|
| a) $456 + 323$ | ; | $897 - 253$  |
| b) $357 + 621$ | ; | $962 - 861$  |
| c) $421 + 375$ | ; | $431 - 411.$ |

**2** Tìm  $x$  :

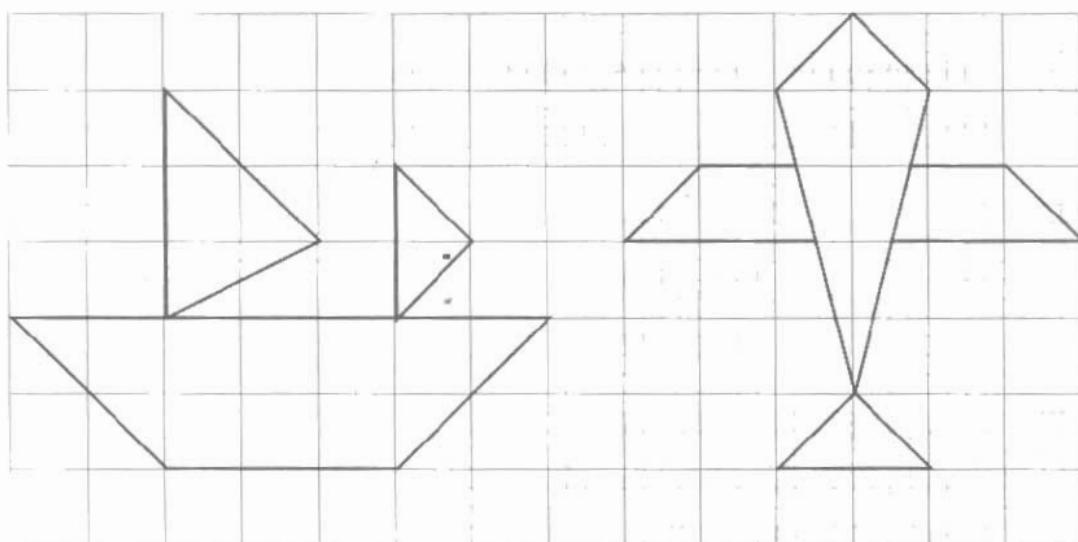
- |                    |   |                    |
|--------------------|---|--------------------|
| a) $300 + x = 800$ | ; | b) $x - 600 = 100$ |
| $x + 700 = 1000$   |   | $700 - x = 400.$   |

**3** ?  $60\text{cm} + 40\text{cm} \dots 1\text{m}$

$300\text{cm} + 53\text{cm} \dots 300\text{cm} + 57\text{cm}$

$1\text{km} \dots 800\text{m}$

**4** Vẽ hình theo mẫu :



# ÔN TẬP VỀ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1000 (tiếp theo)



## 1 Mỗi số sau ứng với cách đọc nào ?

a) Chín trăm ba mươi chín

307

b) Sáu trăm năm mươi

811

c) Bảy trăm bốn mươi lăm

939

d) Ba trăm linh bảy

125

650

596

745

484

e) Bốn trăm tám mươi tư

g) Một trăm hai mươi lăm

h) Năm trăm chín mươi sáu

i) Tám trăm mười một

## 2 a) Viết các số 842, 965, 477, 618, 593, 404 theo mẫu :

$$842 = 800 + 40 + 2$$

### b) Viết theo mẫu :

$$300 + 60 + 9 = 369$$

$$700 + 60 + 8 =$$

$$800 + 90 + 5 =$$

$$600 + 50 =$$

$$200 + 20 + 2 =$$

$$800 + 8 =$$

## 3 Viết các số 285, 257, 279, 297 theo thứ tự :

a) Từ lớn đến bé

b) Từ bé đến lớn.

## 4 Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

a) 462 ; 464 ; 466 ; ....

b) 353 ; 355 ; 357 ; ....

c) 815 ; 825 ; 835 ; ....



## ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

### 1 Tính nhẩm :

$30 + 50 =$

$70 - 50 =$

$300 + 200 =$

$20 + 40 =$

$40 + 40 =$

$600 - 400 =$

$90 - 30 =$

$60 - 10 =$

$500 + 300 =$

$80 - 70 =$

$50 + 40 =$

$700 - 400 =$

### 2 Tính :

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 62 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 425 \\ + 361 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 968 \\ - 503 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64 \\ + 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 765 \\ - 315 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 286 \\ + 701 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 566 \\ - 40 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 600 \\ + 99 \\ \hline \end{array}$$

3 Một trường tiểu học có 265 học sinh gái và 234 học sinh trai. Hỏi trường tiểu học đó có bao nhiêu học sinh ?

4 Bể thứ nhất chứa được 865l nước, bể thứ hai chứa được ít hơn bể thứ nhất 200l nước. Hỏi bể thứ hai chứa được bao nhiêu lít nước ?

# ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ (tiếp theo)



## 1 Tính nhẩm :

$500 + 300 =$

$400 + 200 =$

$700 + 100 =$

$800 - 500 =$

$600 - 400 =$

$800 - 700 =$

$800 - 300 =$

$600 - 200 =$

$800 - 100 =$

## 2 Đặt tính rồi tính :

a)  $65 + 29 ;$

$55 + 45 ;$

$100 - 72$

b)  $345 + 422 ;$

$674 - 353 ;$

$517 + 360.$

3 Anh cao 165cm, em thấp hơn anh 33cm. Hỏi em cao bao nhiêu xăng-ti-mét ?

4 Đội Một trồng được 530 cây, đội Hai trồng được nhiều hơn đội Một 140 cây. Hỏi đội Hai trồng được bao nhiêu cây ?

## 5 Tìm $x$ :

a)  $x - 32 = 45 ;$

b)  $x + 45 = 79.$



## ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA

1 Tính nhẩm :

a)  $2 \times 8 =$        $12 : 2 =$        $2 \times 9 =$        $18 : 3 =$

$3 \times 9 =$        $12 : 3 =$        $5 \times 7 =$        $45 : 5 =$

$4 \times 5 =$        $12 : 4 =$        $5 \times 8 =$        $40 : 4 =$

$5 \times 6 =$        $15 : 5 =$        $3 \times 6 =$        $20 : 2 =$

b)  $20 \times 4 =$        $30 \times 3 =$        $20 \times 2 =$        $30 \times 2 =$

$80 : 4 =$        $90 : 3 =$        $40 : 2 =$        $60 : 2 =$

2 Tính :

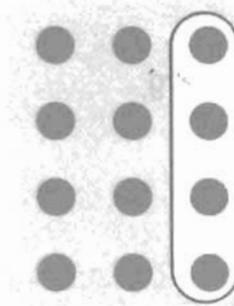
$4 \times 6 + 16 =$        $20 : 4 \times 6 =$

$5 \times 7 + 25 =$        $30 : 5 : 2 =$

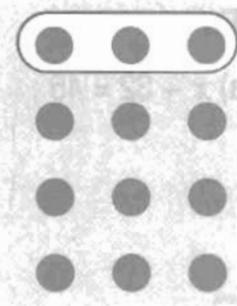
3 Học sinh lớp 2A xếp thành 8 hàng, mỗi hàng có 3 học sinh. Hỏi lớp 2A có bao nhiêu học sinh ?

4 Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{3}$  số hình tròn ?

a)



b)



5 Tìm  $x$  :

a)  $x : 3 = 5 ;$

b)  $5 \times x = 35.$

# ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA (tiếp theo)



1 Tính nhẩm :

$$4 \times 9 =$$

$$5 \times 7 =$$

$$3 \times 8 =$$

$$2 \times 8 =$$

$$36 : 4 =$$

$$35 : 5 =$$

$$24 : 3 =$$

$$16 : 2 =$$

2 Tính :

$$2 \times 2 \times 3 =$$

$$3 \times 5 - 6 =$$

$$40 : 4 : 5 =$$

$$2 \times 7 + 58 =$$

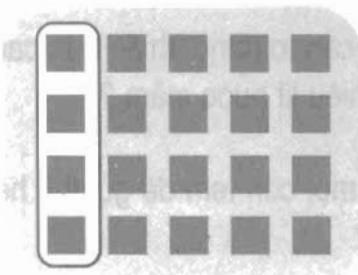
$$4 \times 9 + 6 =$$

$$2 \times 8 + 72 =$$

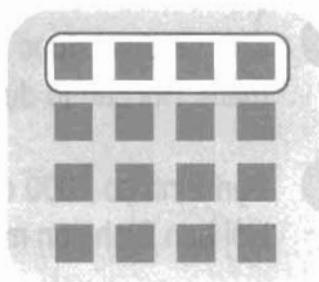
3 Có 27 bút chì màu chia đều cho 3 nhóm. Hỏi mỗi nhóm có mấy bút chì màu ?

4 Hình nào đã khoanh vào  $\frac{1}{4}$  số hình vuông ?

a)



b)



5 Số ?

$$4 + \dots = 4$$

$$\dots \times 4 = 0$$

$$4 - \dots = 4$$

$$\dots : 4 = 0$$



## ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG

1

a) Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C



D

b) Vào buổi chiều, hai đồng hồ nào chỉ cùng giờ ?



D



E



F



2

Can bé đựng được 10 l nước mắm, can to đựng nhiều hơn can bé 5 l nước mắm. Hỏi can to đựng được bao nhiêu lít nước mắm ?

3

Bạn Bình có 1000 đồng, bạn mua một con tem để gửi thư hết 800 đồng. Hỏi bạn Bình còn mấy trăm đồng ?

4

Viết mm, cm, dm, m hoặc km vào chỗ chấm thích hợp :

a) Chiếc bút bi dài khoảng 15 ...

b) Một ngôi nhà nhiều tầng cao khoảng 15 ...

c) Quãng đường Thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ dài khoảng 174 ...

d) Bé dày hộp bút khoảng 15 ...

e) Một gang tay dài khoảng 2 ...

## ÔN TẬP VỀ ĐẠI LƯỢNG (tiếp theo)



- 1** Bảng sau đây cho biết thời gian Hà dành cho một số hoạt động trong ngày :

Hoạt động	Thời gian
Học	4 giờ
Vui chơi	60 phút
Giúp mẹ việc nhà	30 phút
Xem ti vi	45 phút

Trong các hoạt động trên, Hà dành nhiều thời gian nhất cho hoạt động nào ?

- 2** Bình cân nặng 27kg, Hải nặng hơn Bình 5kg. Hỏi Hải cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

- 3** Hai xã Định Xá và Hiệp Hoà cách nhau 11km. Nhà bạn Phương cách xã Hiệp Hoà 20km (xem hình vẽ). Hỏi nhà bạn Phương cách xã Định Xá bao nhiêu ki-lô-mét ?

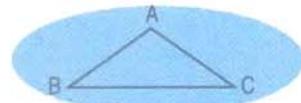
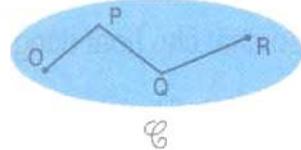


- 4** Một trạm bơm phải bơm nước trong 6 giờ, bắt đầu bơm lúc 9 giờ. Hỏi đến mấy giờ thì bơm xong ?

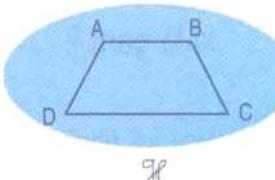
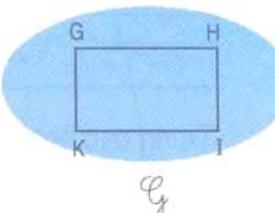
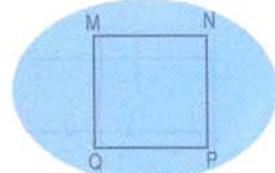


## ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC

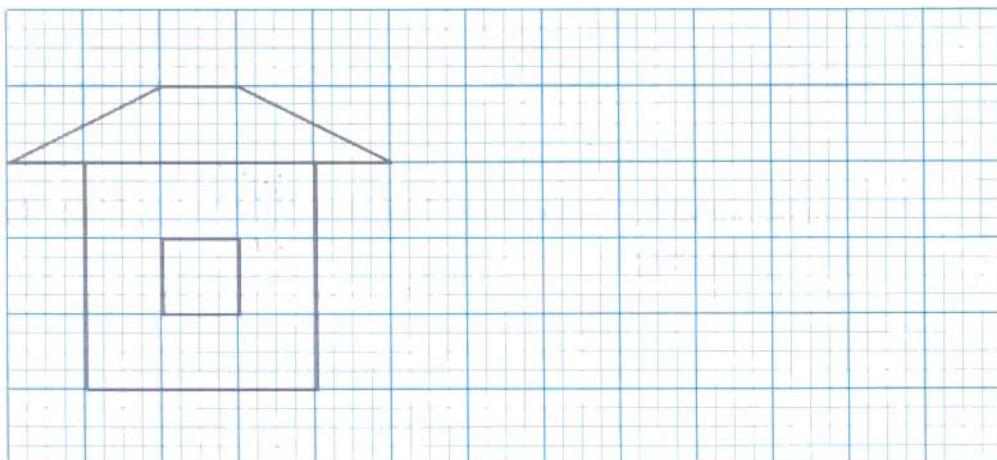
1 Mỗi hình sau ứng với tên gọi nào ?



Đoạn thẳng AB
Đường thẳng AB
Đường gấp khúc OPQR
Hình tam giác ABC
Hình tứ giác ABCD
Hình vuông MNPQ
Hình chữ nhật GHIK

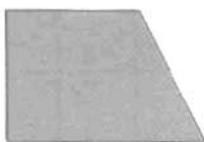


2 Vẽ hình theo mẫu :



**3** Kẻ thêm một đoạn thẳng vào hình sau để được :

a) Hai hình tam giác.



b) Một hình tam giác và một hình tứ giác.



**4** Trong hình vẽ bên có :

a) Mấy hình tam giác ?



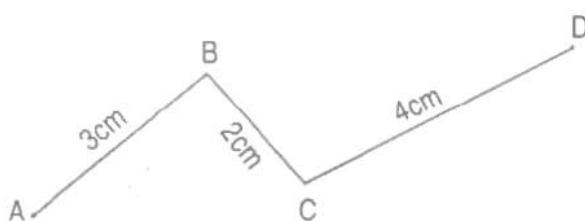
b) Mấy hình chữ nhật ?



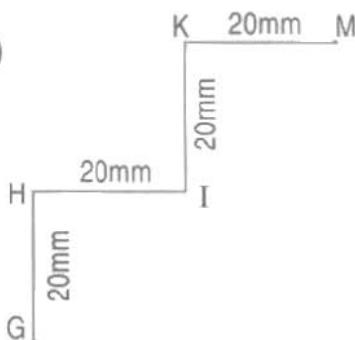
## ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC (tiếp theo)

**1** Tính độ dài các đường gấp khúc sau :

a)



b)



**2** Tính chu vi hình tam giác ABC, biết độ dài các cạnh là :

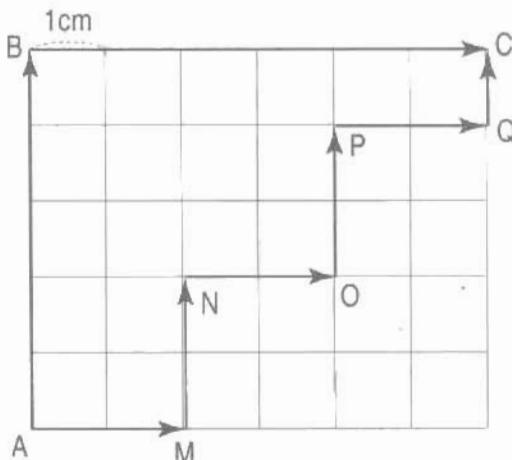
$$AB = 30\text{cm}, \quad BC = 15\text{cm}, \quad AC = 35\text{cm}.$$

**3** Tính chu vi hình tứ giác MNPQ, biết độ dài mỗi cạnh của hình đó đều bằng 5cm.

4

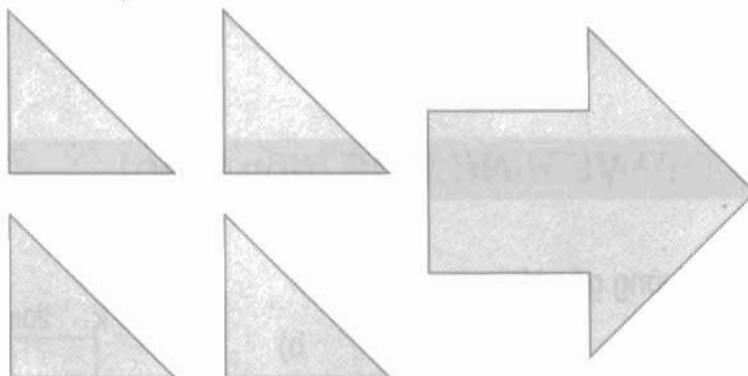
Em thử đoán xem nếu con kiến đi từ A đến C theo đường gấp khúc ABC hoặc theo đường gấp khúc AMNOPQC thi đi đường nào dài hơn.

Kiểm tra lại bằng cách tính độ dài hai đường gấp khúc đó.



5

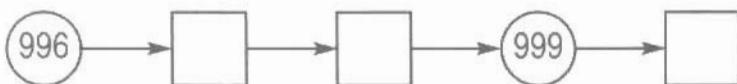
Xếp 4 hình tam giác thành hình mũi tên (xem hình vẽ) :



## LUYỆN TẬP CHUNG

1

Số ?



2



$$302 \dots 310$$

$$200 + 20 + 2 \dots 322$$

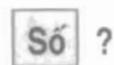
$$888 \dots 879$$

$$600 + 80 + 4 \dots 648$$

$$542 \dots 500 + 42$$

$$400 + 120 + 5 \dots 525$$

3



4

Mỗi đồng hồ ứng với cách đọc nào ?



A



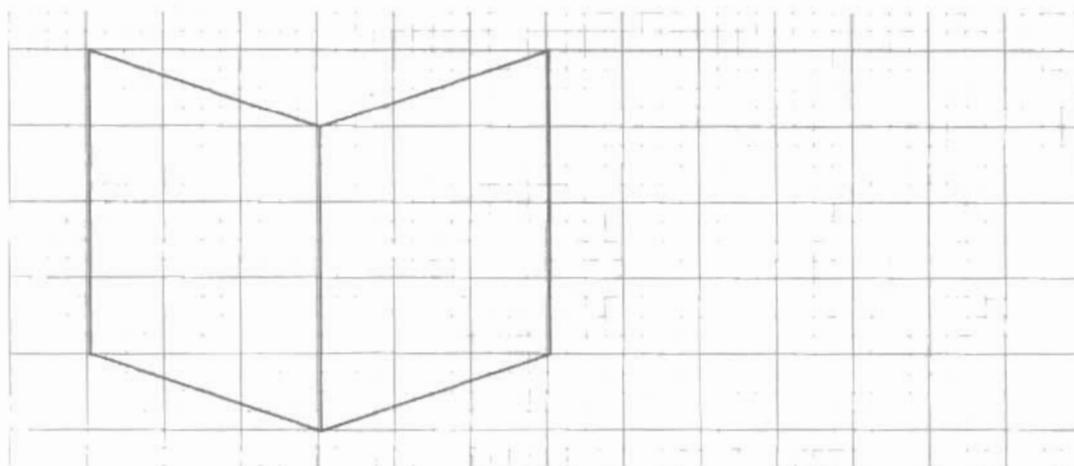
B



C

5

Vẽ hình theo mẫu :





## LUYỆN TẬP CHUNG

1

Tính nhẩm :

$$2 \times 9 =$$

$$16 : 4 =$$

$$3 \times 5 =$$

$$2 \times 4 =$$

$$3 \times 9 =$$

$$18 : 3 =$$

$$5 \times 3 =$$

$$4 \times 2 =$$

$$4 \times 9 =$$

$$14 : 2 =$$

$$15 : 3 =$$

$$8 : 2 =$$

$$5 \times 9 =$$

$$25 : 5 =$$

$$15 : 5 =$$

$$8 : 4 =$$

2

Đặt tính rồi tính :

a)  $42 + 36 ;$

$85 - 21 ;$

$432 + 517$

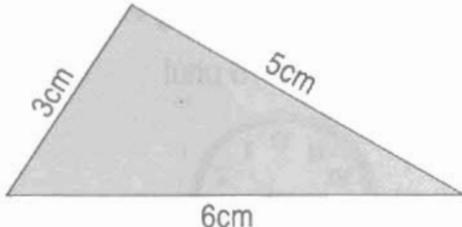
b)  $38 + 27 ;$

$80 - 35 ;$

$862 - 310.$

3

Tính chu vi hình tam giác bên :



4

Bao ngô cân nặng 35kg, bao gạo  
nặng hơn bao ngô 9kg. Hỏi bao gạo  
cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam ?

5

Viết hai số mà mỗi số có ba chữ số giống nhau.



## LUYỆN TẬP CHUNG

1

Đồng hồ chỉ mấy giờ ?



A



B



C

2

Viết các số 728, 699, 801, 740 theo thứ tự từ bé đến lớn.

**3** Đặt tính rồi tính :

a)  $85 - 39 ;$

75 + 25 ;

312 + 7

b)  $64 + 16 ;$

100 - 58 ;

509 - 6.

**4** Tính :  $24 + 18 - 28 =$

$3 \times 6 : 2 =$

$5 \times 8 - 11 =$

$30 : 3 : 5 =$

**5** Một hình tam giác có độ dài mỗi cạnh đều bằng 5cm. Hỏi chu vi hình tam giác đó bằng bao nhiêu xăng-ti-mét ?

## LUYỆN TẬP CHUNG



**1** Tính nhẩm :  $5 \times 6 =$        $36 : 4 =$        $1 \times 5 : 5 =$

$4 \times 7 =$

$25 : 5 =$

$0 \times 5 : 5 =$

$3 \times 8 =$

$16 : 4 =$

$0 : 3 : 2 =$

$2 \times 9 =$

$9 : 3 =$

$4 : 4 \times 1 =$

**2**  $482 \dots 480$        $300 + 20 + 8 \dots 338$

$987 \dots 989$

$400 + 60 + 9 \dots 469$

$1000 \dots 600 + 400$

$700 + 300 \dots 999$

**3** Đặt tính rồi tính :

a)  $72 - 27 ;$

$602 + 35 ;$

$323 + 6$

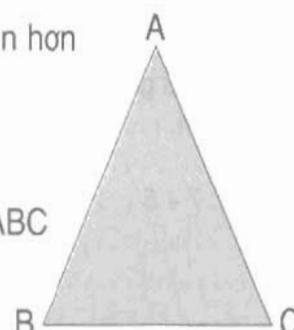
b)  $48 + 48 ;$

$347 - 37 ;$

$538 - 4.$

**4** Tấm vải xanh dài 40m, tấm vải hoa ngắn hơn tấm vải xanh 16m. Hỏi tấm vải hoa dài bao nhiêu mét ?

**5** Đo độ dài các cạnh của hình tam giác ABC rồi tính chu vi hình tam giác đó.



# MỤC LỤC

<i>Trang</i>	<i>Trang</i>
<b>1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG</b>	
• Ôn tập các số đến 100 . . . . .	3
• Ôn tập các số đến 100 (tiếp theo) . . . . .	4
• Số hạng - Tổng . . . . .	5
• Luyện tập . . . . .	6
• Đé-xi-mét . . . . .	7
• Luyện tập . . . . .	8
• Số bị trừ - Số trừ - Hiệu . . . . .	9
• Luyện tập . . . . .	10
• Luyện tập chung . . . . .	10
• Luyện tập chung . . . . .	11
<b>2. PHÉP CỘNG CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100</b>	
• Phép cộng có tổng bằng 10 . . . . .	12
• $26 + 4 ; 36 + 24$ . . . . .	13
• Luyện tập . . . . .	14
• 9 cộng với một số : $9 + 5$ . . . . .	15
• $29 + 5$ . . . . .	16
• $49 + 25$ . . . . .	17
• Luyện tập . . . . .	18
• 8 cộng với một số : $8 + 5$ . . . . .	19
• $28 + 5$ . . . . .	20
• $38 + 25$ . . . . .	21
• Luyện tập . . . . .	22
• Hình chữ nhật - Hình tù giác . . . . .	23
• Bài toán vẽ nhiều hơn . . . . .	24
• Luyện tập . . . . .	25
• 7 cộng với một số : $7 + 5$ . . . . .	26
• $47 + 5$ . . . . .	27
• $47 + 25$ . . . . .	28
• Luyện tập . . . . .	29
<b>3. PHÉP TRỪ CÓ NHỚ TRONG PHẠM VI 100</b>	
• Tìm một số hạng trong một tổng . . . . .	45
• Luyện tập . . . . .	46
• Số tròn chục trừ đi một số . . . . .	47
• 11 trừ đi một số : $11 - 5$ . . . . .	48
• $31 - 5$ . . . . .	49
• $51 - 15$ . . . . .	50
• Luyện tập . . . . .	51
• 12 trừ đi một số : $12 - 8$ . . . . .	52
• $32 - 8$ . . . . .	53
• $52 - 28$ . . . . .	54
• Luyện tập . . . . .	55
• Tìm số bị trừ . . . . .	56
• 13 trừ đi một số : $13 - 5$ . . . . .	57
• $33 - 5$ . . . . .	58
• $53 - 15$ . . . . .	59

● Luyện tập	60	● Bảng nhân 2	95
● 14 trừ đi một số : 14 - 8	61	● Luyện tập	96
● 34 - 8	62	● Bảng nhân 3	97
● 54 - 18	63	● Luyện tập	98
● Luyện tập	64	● Bảng nhân 4	99
● 15, 16, 17, 18 trừ đi một số.	65	● Luyện tập	100
● 55 - 8 ; 56 - 7 ; 37 - 8 ; 68 - 9	66	● Bảng nhân 5	101
● 65 - 38 ; 46 - 17 ; 57 - 28 ; 78 - 29	67	● Luyện tập	102
● Luyện tập	68	● Đường gấp khúc -	
● Bảng trừ	69	Độ dài đường gấp khúc	103
● Luyện tập	70	● Luyện tập	104
● 100 trừ đi một số	71	● Luyện tập chung	105
● Tìm số trừ	72	● Luyện tập chung	106
● Đường thẳng	73	● Phép chia	107
● Luyện tập	74	● Bảng chia 2	109
● Luyện tập chung	75	● Một phần hai	110
● Ngày, giờ	76	● Luyện tập	111
● Thực hành xem đồng hồ	78	● Số bị chia - Số chia - Thương	112
● Ngày, tháng	79	● Bảng chia 3	113
● Thực hành xem lịch	80	● Một phần ba	114
● Luyện tập chung	81	● Luyện tập	115
<b>4. ÔN TẬP</b>		● Tìm một thừa số của phép nhân	116
● Ôn tập về phép cộng và phép trừ	82	● Luyện tập	117
● Ôn tập về phép cộng và phép trừ (tiếp theo)	83	● Bảng chia 4	118
● Ôn tập về phép cộng và phép trừ (tiếp theo)	84	● Một phần tư	119
● Ôn tập về hình học	85	● Luyện tập	120
● Ôn tập về đo lường	86	● Bảng chia 5	121
● Ôn tập về giải toán	88	● Một phần năm	122
● Luyện tập chung	88	● Luyện tập	123
● Luyện tập chung	89	● Luyện tập chung	124
● Luyện tập chung	90	● Giờ, phút	125
<b>5. PHÉP NHÂN VÀ PHÉP CHIA</b>		● Thực hành xem đồng hồ	126
● Tổng của nhiều số	91	● Luyện tập	127
● Phép nhân	92	● Tìm số bị chia	128
● Thừa số - Tích	94	● Luyện tập	129
		● Chu vi hình tam giác -	
		Chu vi hình tù giác	130
		● Luyện tập	131
		● Số 1 trong phép nhân và phép chia	132

● Số 0 trong phép nhân và phép chia .....	133	● Luyện tập chung .....	160
● Luyện tập .....	134	● Tiền Việt Nam .....	162
● Luyện tập chung .....	135	● Luyện tập .....	164
● Luyện tập chung .....	136	● Luyện tập chung .....	165
● Luyện tập chung .....	137	● Luyện tập chung .....	166
● So sánh các số tròn trăm .....	139	● Luyện tập chung .....	167
● Các số tròn chục từ 110 đến 200 .....	140		
● Các số từ 101 đến 110 .....	142		
● Các số từ 111 đến 200 .....	144		
● Các số có ba chữ số .....	146		
● So sánh các số có ba chữ số .....	148		
● Luyện tập .....	149		
● Mét .....	150		
● Ki-lô-mét .....	151		
● Mi-li-mét .....	153		
● Luyện tập .....	154		
● Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị .....	155		
● Phép cộng (không nhớ) trong phạm vi 1000 .....	156		
● Luyện tập .....	157		
● Phép trừ (không nhớ) trong phạm vi 1000 .....	158		
● Luyện tập .....	159		
● Luyện tập chung .....			
● Tiền Việt Nam .....			
● Luyện tập .....			
● Luyện tập chung .....			
● Luyện tập chung .....			
● Luyện tập chung .....			
● Ôn tập về các số trong phạm vi 1000 .....	168		
● Ôn tập về các số trong phạm vi 1000 (tiếp theo) .....	169		
● Ôn tập về phép cộng và phép trừ .....	170		
● Ôn tập về phép cộng và phép trừ (tiếp theo) .....	171		
● Ôn tập về phép nhân và phép chia .....	172		
● Ôn tập về phép nhân và phép chia (tiếp theo) .....	173		
● Ôn tập về đại lượng .....	174		
● Ôn tập về đại lượng (tiếp theo) .....	175		
● Ôn tập về hình học .....	176		
● Ôn tập về hình học (tiếp theo) .....	177		
● Luyện tập chung .....	178		
● Luyện tập chung .....	180		
● Luyện tập chung .....	180		
● Luyện tập chung .....	181		



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



VƯƠNG MIỆN KIM CƯƠNG  
CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ

## SÁCH GIÁO KHOA LỚP 2

1. TIẾNG VIỆT 2 (tập một, tập hai)
2. TOÁN 2
3. TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 2
4. TẬP VIẾT 2 (tập một, tập hai)

ISBN 978-604-0-00036-1

A standard linear barcode for the book's ISBN.

8 934994 024488



Giá: 10.800đ